

# **Khảo luận tổng quát một số ghi chép trong cổ thư Tàu liên quan đến lịch sử Việt thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa**

**Biên soạn: Đỗ Hoàng Ý**

## **Lời mở đầu:**

Từ bao thế kỷ nay, người Việt chúng ta vững tin rằng những cuộc khởi nghĩa của các tộc Việt chống lại ách đô hộ của nhà Đông Hán vào thời đầu thế kỷ I là có thật.

Các anh thư, anh hùng đã can trường hợp lực khởi nghĩa không phải là những nhân vật thần thoại mà các vị thật sự là tổ tiên của chúng ta, đã anh dũng chống lại cuộc xâm lăng, phá bỏ ách đô hộ tàn ác, khắc nghiệt của vua quan nhà Đông Hán để giành lại độc lập cho nước nhà.

Thật đáng quan tâm là đến nay đã gần hai ngàn năm sau thời Hai Bà Trưng, chúng ta vẫn chưa biết được chắc chắn điều nào thực, điều nào hư trong số những điều được ghi chép trong các thần tích, ngọc phả, trong các sử sách xưa về những cuộc khởi nghĩa oai hùng đó.

Điều khó khăn lớn nhất cho người đời sau khi tìm hiểu sự thật trong lịch sử Việt thượng cổ là việc thu thập và phân tích tài liệu. Tài liệu cổ sử đã ít mà lại chỉ được ghi bằng chữ Tàu! Người hậu học trong các thế hệ Việt từ hậu bán thế kỷ thứ 20 về sau có mấy ai còn đọc thông thạo và hiểu được cổ văn chữ Tàu. Vì thế, việc tìm hiểu hầu hết phải dựa vào các bản dịch ra quốc ngữ, hay dựa vào các tài liệu ngoại ngữ.

Vì kiến thức về chữ Hán của người viết rất hạn hẹp nên phải dựa theo các phiên âm Hán Việt và bản dịch của các tác giả đi trước. Biền học mênh mông, sách báo, tài liệu nhiều không kể xiết, tuy đã cố gắng tham khảo, đối chiếu và kiểm chứng các ghi chép được lưu hành nhưng chắc chắn bài biên khảo này còn có điều sai sót, chân thành mong các bậc thức giả cao minh rộng lượng cho ý kiến và chỉ giáo.



# Khảo luận tổng quát về một số cổ thư Tàu có ghi những chi tiết liên quan đến lịch sử Việt thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa.

Vào thế kỷ thứ I, **trong khoảng 20 năm sau thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa**, từ năm 58, Ban Cố (班固, 32-92) tiếp tục biên soạn bộ *Hán thư* (漢書) đã được cha là Ban Bưu khởi xướng. Năm 62, có người mang việc này tố cáo với Hán Minh Đế. Vào thời ấy, việc tự ý biên soạn quốc sử là trái phép, do đó Ban Cố bị bắt giam.

Em Ban Cố là Ban Siêu đến kinh đô Lạc Dương tìm cách biện bạch cho anh, cùng lúc đó các quan lại địa phương dâng *Hán thư* lên Hán Minh Đế. Minh Đế xem sách, vì khâm phục tài năng nên tha Ban Cố ra khỏi ngục và phong làm Lan đài lệnh sử, phụ trách việc trông coi sách vở của triều đình\*, ra lệnh cho Ban Cố tiếp tục biên soạn *Hán thư*.

**\*Ghi chú:** Về sau, Ban Cố được thăng làm Lang quan, chuyên hiệu đính công văn giấy tờ mật của triều đình, như thế các ghi chép trong *Hán thư* kể ra là đáng tin cậy và *Hán thư* đáng được xem là **chính sử** và là bộ *sử biên niên* đầu tiên của sử học Trung Hoa.

Từ năm 82 đến năm 87, Ban Cố được theo Hán Chương Đế đi tuần thú khắp nơi trên đất Tàu, tháp tùng vua làm lễ tế Thái Sơn năm 85. Vì thế việc biên soạn *Hán thư* bị gián đoạn.

Năm 92, thời Hán Hòa Đế xảy ra vụ án Đậu Hiến. Vì Ban Cố có quan hệ mật thiết với Đậu Hiến nên bị liên lụy, triều đình luận tội, bị giam vào ngục. Năm đó do tuổi đã cao, 61 tuổi, sức yếu, Ban Cố không chịu nổi ngục tù nên qua đời trong ngục.

Sau khi Ban Cố qua đời, em gái là Ban Chiêu (班昭)(còn có tên Ban Cơ) được Hán Hòa Đế vời vào *Đông Quán Tàng thư* các soạn tiếp 8 *Biểu* Ban Cố chưa viết xong và cùng Mã Tục soạn *Thiên Thiên văn chí*. Việc biên soạn *Hán thư* **hoàn tất vào năm 111**, tức là **vào khoảng 70 năm sau thời Hai Bà Trưng**.

Điều đáng lưu ý là **tuy các tác giả bộ *Hán thư* sống vào thời Đông Hán** nhưng họ đã chỉ ghi lại những sự việc từ thời Tây Hán, từ năm 206 trước Công nguyên (TCN) đến thời có loạn Vương Mãng (Wang Mang 王莽), cướp ngôi nhà Tây Hán, lập ra nhà Tân từ năm 9 đến năm 23.

*Hán thư* còn được gọi là **Tiền Hán Thư**, vì chỉ ghi chép lịch sử của những triều đại **trước** thời Đông Hán.

Tuy nhiên, không rõ lý do vì sao, các tác giả *Hán thư* không ghi chép gì về lịch sử triều Đông Hán khởi đầu năm 25, trong thời gian đó có cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà Trưng ở miền Lĩnh Nam.

(Xin xem các ghi chép trong *Hán thư* về Giao Chi trong bài biên khảo về *Các địa danh nước Việt cổ vào thời Hai Bà khởi nghĩa* – © 2015-2023 Đỗ Hoàng Ý).



**Trong suốt khoảng 300 năm tiếp theo thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa**, không thấy có bộ chính sử nào của Tàu được hình thành và còn lưu truyền lại đến nay.

Tương truyền là trong thời kỳ này đã có những bộ sách *du ký* địa lý và thần thoại (còn gọi là *ký* 記), ghi lại những truyện truyền khẩu phổ thông trong dân gian hoặc truyện thần thoại, truyện dã sử. Vì đã tuyệt bản từ lâu, nên các sách này chỉ còn được thấy trích dẫn trong các chính sử hoặc dã sử do những tác giả đời sau biên soạn. Nay chẳng có cách nào để kiểm chứng mức độ khả tín của các sách truyện (*ký*) này.

Các bộ sách còn được nhắc đến là:

*Giao châu dị vật chí* (tác giả Dương Phu, cuối đời Hán), *Giao Châu Ngoại Vực ký* (交州外域記 thể kỷ thứ 3-4, không rõ tác giả), *Giao Quảng nhị châu ký* (tác giả Vương Phạm), *Giao châu quảng ký* (tác giả Vương Ân), *Giao châu tạp sự* (không rõ tác giả), *Giao châu tiên hiền truyện* (tác giả Phạm Viên), *Quảng Châu ký* (廣州記, tác giả Bùi Uyên 裴淵), *Nam Việt chí* (南越志, tác giả Thẩm Hoài Viễn - 沈懷遠, đời Tấn, thể kỷ thứ 5), *Giao Châu ký* (交州記, tác giả Tấn Hân Kì 晉欣期), *Nhật Nam truyện*.

Một ví dụ về đoạn được trích dẫn từ *Giao châu ngoại vực ký* thấy trong *Thủy kinh chú*, tác giả 酈道元 - Lịch Đạo Nguyên (466 / 469 (?) – 527) quyển 37, điều “*Diệp Du hà*” như sau:

“*Giao Chi xưa khi chưa chia quận huyện, đất đai có lạc điền, đất ruộng ấy, theo thủy triều lên xuống, dân đến khai khẩn làm ăn, nên gọi là Lạc dân. Đặt ra Lạc vương, Lạc hầu cai quản quận huyện, huyện phần nhiều là Lạc tướng, Lạc tướng có ấn đồng giải xanh. Về sau, con trai vua Thục đem ba vạn binh sang đánh Lạc vương, Lạc hầu, qui phục được Lạc tướng. Con trai vua Thục nhân đó xưng là An Dương Vương*”.

(theo: *Khảo thuật về cổ tích có liên quan đến Việt Nam thuộc các triều đại ở Trung quốc* - Hà Thiên Niên. Người dịch: Đinh Văn Minh, Viện Hán Nôm Hà Nội),  
<http://www.hannom.org.vn/web/tchn/data/0305v.htm>.



**Khoảng 300 đến 500 năm sau thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa, các sự kiện về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà mới thấy được ghi trong cổ thư Tàu.**

Sau đây là phần liệt kê sơ lược một số bộ sách Tàu cổ xưa nhất có ghi chép về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà Trưng như sau:

**I. *Hậu Hán kỷ*** (後漢紀): tác giả là 袁宏 Viên Hoàn (328-376) biên soạn vào khoảng năm 356-376. Bộ sử này viết theo thể biên niên, chép lịch sử nhà Đông Hán (từ năm 25 đến 220) theo thứ tự thời gian các đời vua.

**Ghi chú:**

Theo tác giả Nguyễn Vinh Phúc: “*phần liên quan đến cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng chủ yếu nằm ở quyển thứ 7*” (*Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng ở Hà Nội và các vùng lân cận*, Nhà xuất bản Trẻ, Hà Nội 2005), nhưng không thấy tác giả ghi ra trích đoạn nào từ *Hậu Hán kỷ*.

\*

**II. *Tục Hán thư***: (續漢書): tác giả 司馬彪 - Tư Mã Bưu viết vào thế kỷ thứ 3, đời nhà Tấn (266-420), có các ghi chép về thời Đông Hán. Trong bộ sách này có phần *Chí* 志 (30 quyển) mà người đời sau kể gộp vào bộ *Hậu Hán thư*.

**Ghi chú:**

\*Người viết chưa tìm được trích đoạn nào từ *Tục Hán thư* liên quan đến cổ sử Việt thời Hai Bà. Mong sẽ được các bậc cao minh chỉ giáo.

\*Không rõ vì lý do nào sử sách Tàu của các đời sau ít khi nhắc đến *Tục Hán thư* và không thấy *Tục Hán thư* được kể vào *Nhị thập tứ sử*.

\*

**III. *Hậu Hán thư*** (後漢書): **Khoảng gần 400 năm sau thời Hai Bà khởi nghĩa**, tác giả 范曄 - Phạm Việp (398-446) biên soạn *Hậu Hán thư* vào khoảng năm 432 thời Lưu Tống, Nam triều (Liu Song, 420-478).

*Hậu Hán thư* là bộ sách cổ xưa thứ ba trong *Nhị thập tứ sử* của Tàu nhưng là bộ cổ sử đầu tiên viết nhiều về giai đoạn triều Đông Hán từ năm 25 đến năm 220.

Bộ sách được sắp vào *tiền tứ sử* (cùng với các bộ *Sử ký* (tác giả Tư Mã Thiên), *Hán Thư* (tác giả Ban Cố) và *Tam Quốc Chí* (tác giả Trần Thọ) của tổng tập *Nhị thập tứ sử* bên Tàu.

Phạm Việp tuy sinh ra trong một gia đình sĩ tộc, nhưng mẹ chỉ là người thiếp nên thân phận không cao. Phạm Việp là người tài hoa, giỏi văn chương, âm nhạc, thư pháp.

Năm 420 Lưu Dụ phế nhà Tấn xưng Đế, đặt quốc hiệu là Tống (Lưu Tống Nam triều). Cùng năm đó, Phạm Việp làm Quán quân tham quân cho con trai Lưu Dụ là Lưu Nghĩa Cung. Sau đó Phạm Việp về làm dưới trướng của Lưu Nghĩa Khang (em của Tống Văn Đế) trong hơn 10 năm, trước sau từng đảm nhiệm qua các chức vụ như Thượng thư ngoại binh lang, Kinh Châu Biệt giá Tông sự sử, Bí thư giám, Thái thú Tân Sái, Tư đồ Tông sự trung lang, nhưng vì tính khí kiêu ngạo, nên khoảng năm 432 bị giáng chức quan đi làm Thứ Sử ở An Huy. Phạm Việp biên soạn *Hậu Hán thư* trong thời gian này.

Năm 445, triều (Lưu) Tống Văn Đế, vì việc Tể tướng Lưu Nghĩa Khang bị giáng chức, Tán kỵ thị lang Khổng Hy Tiên mưu ủng hộ việc phục quyền cho Lưu Nghĩa Khang. Phạm Việp được người cháu là Tạ Tống kết nạp tham gia vào nhóm mưu phản này, và chuẩn bị hành động. Tuy nhiên vào tháng 11 cùng năm, Từ Trạ Chi biết được và tố cáo ra kế hoạch mưu phản của Khổng Hy Tiên. Nhóm mưu phản bị bắt trong đó có Phạm Việp bị xử tử hình năm 48 tuổi (năm 446).

#### **Ghi chú và khảo luận:**

\* Bộ *Hậu Hán thư* là một biệt lệ, tuy chỉ là bộ sử do cá nhân soạn, không phải quan Thái Sử soạn, mà lại được sử quan, văn gia Tàu công nhận như **chính sử**.

Tục truyền rằng trong lịch sử Tàu, có mấy bộ sách mang cùng tên *Hậu Hán thư* như:

-thời Tam Quốc (189-280) có bộ *Hậu Hán thư* của Ngô Tạ Thừa.

-đời Tấn (266-420) có bộ *Hậu Hán thư* của Tạ Trâm, của Viên Sơn Tùng, của Hoa Kiệu.

-bản *Hậu Hán thư* thông hành đến nay là do Phạm Việp viết phần **Kỷ Truyện** 紀傳 (10 quyển bản kỷ, 80 quyển liệt truyện) ghi lại lịch sử Tàu trong khoảng từ năm năm 25 đến 220. Phần **Chí** (30 quyển) do Tư Mã Bưu soạn, đời sau kẻ gộp vào bản *Hậu Hán thư* của Phạm Việp.

Cũng có thuyết cho rằng vào thế kỷ thứ 6, đời nhà Lương (502-557), Lưu Chiêu (劉昭) khi chú giải phần **Chí** của *Hậu Hán thư*, đã lấy các ghi chép từ *Tục Hán thư* gộp thêm vào thành 30 quyển **Chí** (30 quyển cuối) của *Hậu Hán thư*

\*Tuy vậy, các văn gia, sử quan Tàu qua các đời vẫn tán tụng *Hậu Hán thư* do Phạm Việp biên soạn là bộ cổ sử đầu tiên viết về giai đoạn triều Đông Hán từ năm 25 đến năm 220. Suy xét **riêng phần ghi chép về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà** thì chúng ta thấy có nhiều điều khúc mắc:

**1. Phạm Việp đã thu thập sử liệu từ đâu để ghi chép về giai đoạn lịch sử Đông Hán từ năm 25 đến 220, trong khoảng thời gian đó có cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà.**

Hàng mấy trăm năm trước thời Phạm Việp, các bộ *Sử ký* (tác giả Tư Mã Thiên), *Hán Thư* (tác giả Ban Cố) và *Tam Quốc Chí* (tác giả Trần Thọ) **không ghi chép về lịch sử thời Đông Hán:**

- Bộ *Sử ký* (史記), Tư Mã Thiên hoàn thành năm 97 TCN (có tài liệu ghi là năm 91 TCN), tức là **vào khoảng hơn 100 năm trước thời Đông Hán.**

- Ban Cố và các tác giả bộ *Hán thư* (漢書) sống vào thời Đông Hán nhưng họ **đã không ghi chép gì về lịch sử thời Đông Hán, trong thời gian đó có cuộc khởi nghĩa của các tộc Việt ở miền Lĩnh Nam vào thời Hai Bà Trưng.**

Ban Cố có viết thêm phần Tái ký, nhưng cũng không ghi chép các sự kiện lịch sử của các tộc dân sống ngoài lãnh thổ nhà Đông Hán.

- *Tam quốc chí* (三國志) của Trần Thọ biên soạn về thời đại Tam quốc khoảng từ năm 189 đến 280, hoàn chỉnh vào những năm cuối thế kỉ thứ 3. Trần Thọ tìm xuất xứ các sử liệu, ghi chép lại kỹ lưỡng, chân thực, có thứ tự. Sách viết xong dâng lên Tấn Vũ đế, toàn sách có 66 thiên gồm (thiên Tự lục, nay đã thất truyền) và ba phần sử liệu riêng biệt: Ngụy thư (30 thiên), Thục thư (15 thiên), Ngô thư (20 thiên).

Trần Thọ chép sử của ba nước, nhưng riêng có Ngụy Thư, được dành 4 thiên để chép phần *Bản kỷ*, còn lại các phần Ngô Thư và Thục Thư chỉ viết thành *Liệt truyện* mà thôi.

- Kể về các bộ *Hậu Hán thư* của Ngô Tạ Thừa, Tạ Trảm, Viên Sơn Tùng hay Hoa Kiệu người viết chưa được thấy trích đoạn nào trong các biên khảo của các tác giả tiền bối nên không biết có ghi chép gì liên quan đến cổ sử Việt thời Hai Bà khởi nghĩa?

Rất mong sẽ được các bậc thức giả cao minh chỉ giáo.

Theo như các nhận xét kể trên, **riêng các chi tiết về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà, Phạm Việp hẳn phải dựa vào các truyền thuyết được lưu truyền lại trong dân gian qua 400 năm để biên soạn.** Trải qua thời gian dài hàng 4 thế kỷ, những điều truyền khẩu trong dân gian sao tránh khỏi sai lạc và chắc đã phải chịu thêm bớt, thay đổi không ít. Vì vậy, **có những ghi chép về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà trong *Hậu Hán thư* không chắc đã đáng tin và không thể xem là *chính sử* được!**

**2.** Đến nay, trải qua hơn ngàn năm, các văn bản cổ sử nguyên thủy không còn, chỉ còn lưu truyền những bản sao chép viết tay hoặc in lại nhiều lần nên nội dung chắc đã sai sót không ít, nhiều khi còn bị sửa đổi theo ý các triều đình Tàu. Riêng về trường hợp số phận bộ *Hậu Hán thư*, tác giả Phạm Việp bị tử hình năm 48 tuổi vì tham dự vào nhóm mưu phản chống (Luu) Tống Văn Đế. Tính mạng không giữ được, gia sản chắc chắn bị tịch thu, phân tán, kể gì đến sách vở! Thêm nữa, bạn hữu, quyến thuộc đương thời không chắc đã có ai dám cất giữ các trước tác, các văn bản của tử tù Phạm Việp ghi chép.

**3.** Xét hành trạng của Phạm Việp thì thấy chỉ giữ những chức quan không thân cận với vua, không ở vào địa vị để có thể được biết những tấu biểu dâng lên vua nhà Đông Hán từ 400 năm trước nên những điều Phạm Việp ghi chép về việc quan quân Đông Hán đánh dẹp cuộc khởi nghĩa miền Lĩnh Nam **chỉ có thể là những truyện kể, những lời đồn đại từ các quan quân viễn chinh, sống sót trở về phương bắc kể lại cho người quen, cho con cháu từ 400 năm trước thời Phạm Việp.** Thói thường là người đi xa về hay nói thậm xưng những điều hay đẹp và trong *Hậu Hán thư* chỉ thấy nhắc đến những chiến thắng dễ dàng của Mã Viện.

Năm 423, Phạm Việp biên soạn *Hậu Hán thư* trong thời gian bị giáng chức quan, lĩnh chức Thứ sử ở An Huy. An Huy ở phía bắc của Trường giang, cách miền Lĩnh Nam rất xa. Hiển nhiên Phạm Việp đã biên soạn *Hậu Hán thư* trong thư phòng nên những điều ghi chép về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà chỉ là những lời truyền khẩu từ phương xa được kể lại qua nhiều đời.

Thêm nữa, Phạm Việp người phương bắc, chắc gì đã hiểu được hoặc ký âm được đúng những điều nghe kể, tên người, địa danh v.v... bằng tiếng Việt cổ!

Như thế, người Việt **đòi sau phải rất dè dặt khi tham khảo những ghi chép trong *Hậu Hán thư* về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà.**

**4.** Có truyền thuyết cho rằng mãi đến 100 năm sau thời Phạm Việp, vào thế kỷ thứ 6, Lưu Chiêu (劉昭) khi chú giải *Hậu Hán thư*, đã lấy các ghi chép từ *Tục Hán thư* (tác giả Tư Mã Bưu - 司馬彪) viết vào thế kỷ thứ 3, gộp thêm vào thành 30 quyển cuối cùng của *Hậu Hán thư*. Thuyết này có nhiều điều không ổn vì:

- Nói là Lưu Chiêu chú giải *Hậu Hán thư* có nghĩa là *Hậu Hán thư* đã được lưu truyền lại khá trọn vẹn? không nói Lưu Chiêu làm sao có được nguyên bản hoặc gần nguyên bản *Hậu Hán thư* để chú giải? và nếu Phạm Việp đã ghi chép đầy đủ thì hà tất Lưu Chiêu phải lấy thêm các chi tiết từ *Tục Hán thư* để tạo thêm 30 quyển cuối của *Hậu Hán thư*.

- Một số ghi chép trong *Hậu Hán thư* không đồng nhất, ví dụ như:

\* Trong Mã Viện truyện, *Hậu Hán thư*, quyển 24 ghi quân khởi nghĩa *khẩu lược Lãn ngoại lục thập dư thành*.

Trong Nam Man Tây Nam Di liệt truyện, *Hậu Hán thư*, quyển 86 ghi quân khởi nghĩa: *phàm lược lục thập ngũ thành*.

\* trong phần *Quang Vũ đế ký*, chỉ thấy ghi nhà Đông Hán cử Mã Viện và Đoàn Chí đi đánh dẹp Trưng Trắc ở Giao Chỉ mà thôi, không thấy có tên Lưu Long.

Lưu Long chỉ được nhắc đến là phó tướng của Mã Viện, theo đoàn quân nam chinh trong *Mã Viện truyện* và *Lưu Long truyện*.

Điều này không ổn vì Lưu Long là danh tướng, từng cùng theo vua Quang Vũ khởi binh từ buổi đầu, được xếp vào nhóm Vân Đài nhị thập bát tướng, là những khai quốc công thần của nhà Đông Hán, vậy mà trong Đế ký lại không thấy ghi tên?

\* Những ghi chép trong *Mã Viện truyện* và *Lưu Long truyện* cũng có điều khác nhau.

*Mã Viện truyện* chép:

*Tháng Giêng năm sau [43], chém Trưng Trắc, Trưng Nhị, đưa thủ cấp về Lạc Dương. Phong Viện làm Tân Túc hầu, thực ấp 3 ngàn hộ.*

(theo: Phạm Văn Ánh, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, 2014).

*Lưu Long truyện* thì chép:

“riêng Long đã phá được (quân Trưng Trắc) ở cửa sông Cẩm Khê\* (Cẩm Khê khẩu), bắt được người cầm đầu là Trưng Nhị (*hoạch kỳ sủng Trưng Nhị*). Chém đầu hơn một nghìn người, có hơn hai vạn người đầu hàng”.

(theo: *Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng qua một số thư tịch Trung Quốc*-Trần Cương, Nghiên cứu lịch sử, số 2-1983, Hà Nội).

**Ghi chú:**

Bản đồ AMS- Nh50-14 [Nan-Ch'ang] ghi:

Cẩm Khê là tên mới, Kim Khê là tên cũ.

Các bản đồ Tàu chỉ ghi **Cẩm-Khê**.

(Xin xem thêm bài: *Định lại vị trí một số địa danh nước Việt cổ thời*

*Hai Bà Trưng* – © 2015-2023 Hồ Vĩnh Hảo, Đỗ Hoàng Ý).

:

Theo như thế thì **khó quyết đoán được phần nào của *Hậu Hán thư* còn lưu truyền được thực sự là do Phạm Việp ghi chép? Phần nào do các văn gia đời sau viết gán ghép thêm vào?** Hiển nhiên vì thế nên đã có những ghi chép không đồng nhất.

Những nhận xét trên đây khiến chúng ta phải nghĩ đến điều Mạnh Tử (372 TCN – 289 TCN) đã nói:

孟子曰：盡信書則不如無書

*Mạnh tử viết: Tận tín thư tắc bất như vô thư.*

(Lược dịch: Tin hoàn toàn vào sách thì thà đừng có sách còn hơn).

\*



#### **IV. Thủy kinh chú** (水經注- chú thích về *Thủy kinh*\*):

**Khoảng gần 500 năm sau thời Hai Bà khởi nghĩa**, vào cuối thời Bắc Ngụy (khoảng 386-534) tác giả 酈道元 - Li Daoyuan / Lịch Đạo Nguyên (466 hay 469 (?) – 527) khởi soạn bộ *Thủy kinh chú* vào khoảng năm 515, hoàn tất trong khoảng 3 năm cuối đời tác giả (từ 524 đến 527).

\**Thủy kinh* là sách viết về hệ thống sông ngòi thời cổ đại bên Tàu. Sách do Tang Khâm thời Tam Quốc (khoảng 189-280) biên soạn, Quách Phác thời Tấn (khoảng 266-324) chú giải. Sách gồm 3 quyển, ghi chép sơ lược về 127 dòng sông, mỗi dòng sông được viết thành một thiên, dài ngắn không đều. Hai trăm năm sau, Lịch Đạo Nguyên **chú giải** *Thủy kinh* và bổ sung nhiều chi tiết.

1. Lịch Đạo Nguyên có cơ hội đi nhiều nơi, khảo xét tại chỗ nên thu thập tường tận nhiều chi tiết cho việc **chú giải** *Thủy kinh*, bổ sung thêm đến hơn 1200 dòng sông lớn nhỏ, chú thích nơi thượng nguồn của các dòng sông, khảo cứu lịch sử, văn hóa và địa lý những địa phương dòng sông chảy qua, việc thành lập các châu quận cùng sự hưng phế của các thành trì bên Tàu dọc theo các dòng sông.

Tuy nhiên, xét hành trạng của Lịch Đạo Nguyên thì thấy trong đời làm quan với nhà Bắc Ngụy, họ Lịch chỉ giữ những chức vụ tại các tỉnh Lạc Dương, Sơn Đông, Giang Tô, Hà Nam, trong phạm vi đất Bắc Ngụy ở vùng sông Hoài và phía bắc của Trường giang. Lịch Đạo Nguyên sống vào thời Nam Bắc triều phân tranh, chinh chiến khốc liệt giữa Bắc Ngụy với Lưu Tống (420-479), Bắc Ngụy với Nam Tề (479-502), loạn lạc triền miên kéo dài nhiều năm.

Trong tình cảnh như thế, thật khó tin là một người làm quan cho nhà Bắc Ngụy mà dám liều mạng mạo hiểm vào sâu trong lãnh thổ Nam triều mãi tận vùng Giang Nam, Lĩnh Nam để khảo cứu địa lý, sông ngòi.

2. Thêm nữa, trong nhiều thế kỷ từ trước đến đầu Công nguyên, giao thông từ phía bắc xuống đến phía nam rặng Ngũ Lĩnh còn rất khó khăn vì núi cao hiểm trở, *son lam chướng khí*, rất có thể là các triều đình Tàu, từ nhà Tần đến nhà Tây Hán, đã không thực sự kiểm soát được miền Lĩnh Nam.

Tác giả Paul Pelliot đã có nhận xét:

.... *Je ne trouve pas trace avant l'époque des T'ang d'une tentative faite par les Chinois pour mettre en relations le Yunnan et le Tonkin. Au début du VI<sup>e</sup> siècle, le grand ouvrage hydrographique de Li-Tao-yuan, le 水經注 Chouei-king tchou, semble muet à ce sujet.*

(*Deux itinéraires de Chine en Inde à la fin du VIII<sup>e</sup> siècle*, par M. Paul Pelliot, Professeur à l'École Française d'Extrême-Orient- Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient, Tome IV – 1904).

**Lược dịch:**

Tôi không tìm thấy dấu vết nào vào trước thời nhà Đường cho thấy ý định của người Trung Hoa đã gắng thử để Vân Nam liên lạc với Bắc kỳ. Vào đầu thế kỷ thứ 6, biên khảo công phu về địa lý sông ngòi 水經注 *Thủy kinh chú* của tác giả Lịch Đạo Nguyên, **dường như không đã động đến đề tài này.**

**3.** Hiểu theo như thế, Lịch Đạo Nguyên đi nhiều nơi, khảo xét tường tận tại chỗ để biên soạn *Thủy kinh chú* rất công phu nhưng chỉ có thể là dành cho sông ngòi, địa lý, lịch sử những vùng miền bắc sông Hoài và bắc Trường giang.

Riêng phần ghi chép về miền Lĩnh Nam:

- nếu là do chính Lịch Đạo Nguyên ghi chép thì vì hoàn cảnh chính trị, vì tình cảnh xã hội nước Tàu vào thời Nam Bắc triều, họ Lịch hẳn phải thu thập những điều truyền khẩu từ phương xa để từ trong thư phòng mà *chú* sách *Thủy kinh*.

- hoặc có thể là *Thủy kinh chú* đã qua tay nhiều văn gia, sử quan các đời sau trong nhiều thế kỷ nên phải chịu cảnh *tam sao thất bản* hoặc đã được thêm thắt nhiều điều thuận lợi cho các triều đình Tàu.

Theo những nhận xét trên đây, điều chúng ta cần lưu ý là **không thể quá tin vào những ghi chép trong *Thủy kinh chú* về sông ngòi, địa lý, lịch sử, văn hóa miền Lĩnh Nam, của một tác giả xét ra khó có thể đã đặt chân đến miền Lĩnh Nam để khảo cứu.**



Các bộ cổ sử Tàu soạn ở những đời sau ví dụ như: *Tư trị thông giám* (資治通鑑-1084) của 司馬光 Tư Mã Quang (1019-1086) đời Bắc Tống, *Việt kiều thư* (越嶠書-1540) của 李文鳳 Lý Văn Phụng (1512-1542) đời Minh, *An Nam chí nguyên* (安南志原- cuối thế kỷ 17) của 高熊徵 Cao Hùng Trưng (đời Thanh) v.v...phần viết về lịch sử **nước Việt cổ thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa** hẳn phải dựa vào các ghi chép trong *Hậu Hán thư* và *Thủy kinh chú*.

Người viết chưa tìm thấy các bản dịch những trích đoạn ghi chép về lịch sử nước Việt cổ thời Hai Bà khởi nghĩa trong các văn bản cổ sử vừa kể nên không được biết có thêm điều gì khác hơn với những ghi chép trong *Hậu Hán thư* và *Thủy kinh chú*.

Rất mong sẽ được các bậc thức giả cao minh chỉ giáo.



## Sơ lược lịch sử Việt cổ thời đầu Công nguyên

\* Theo *Sử ký* (tác giả Tư Mã Thiên):

- trong *Tần Thủy Hoàng bản kỷ* có đoạn ghi: *Năm thứ 33\**, Thủy Hoàng đưa những người thường trốn tránh, những người ở rể và những người đi buôn đánh lấy đất Lục Lương, lập thành *Quế Lâm, Tượng Quận, Nam Hải*, cho những người bị đày đến đây canh giữ.

**Ghi chú:** \*là năm 214 TCN (theo *Đại Việt sử ký toàn thư* - Ngô Sĩ Liên, 1479).

Theo như thế, nhà Tần đặt Lĩnh Nam thành quận huyện năm 214 TCN.

- trong *Nam Việt Úy Đà liệt truyện* thì chép:

“...Vua Nam Việt họ Triệu tên là Đà người huyện Chân Định, trước làm quan úy. Bấy giờ nhà Tần đã chiếm cả thiên hạ, cướp lấy đất Dương Việt, đặt ra các quận *Quế Lâm, Nam Hải* và *Tượng Quận* để đưa những người bị đày đến ở lẫn với người Việt. Như thế đã mười ba năm\*. Thời Tần, Đà được làm lệnh ở huyện Long Xuyên, thuộc quận *Nam Hải*.

**Ghi chú:**

\*Tác giả Trần Việt Bắc trích dẫn sách *Sử Ký* - quyển 113, *Nam Việt Úy Đà liệt truyện*: “*Tập giải Từ Quảng viết* “*Tần tịnh thiên hạ, chí Nhị Thế nguyên niên (209 TCN) thập tam niên. Tịnh thiên hạ bát tuế (8 năm), nãi bình Việt địa, chí Nhị Thế nguyên niên lục niên (214 TCN) nhĩ*”.

Qua lời chú này, thì thấy là khi nhà Tần chiếm xong 6 nước kể từ năm Nhị Thế nguyên niên (209 TCN) là **13 năm**:  $209 + (13 - 1) = 221$  TCN. Phù hợp với việc "biên niên" trong chính sử Trung Quốc.

(theo: *Giao Chỉ và Tượng quận* và Phụ lục, Đọc "Tần Hán Tượng quận biện tích" (秦汉象郡辨析) của học giả Lý Long Chương (李龙章), Trần Việt Bắc, 2007).

\*Theo *Hán thư* (tác giả Ban Cố), phần *Địa lý chí* khi viết về Nhật Nam thì ghi quận Nhật Nam là quận Tượng của nhà Tần thời trước, được đặt ra vào năm Nguyên Đĩnh thứ sáu (năm 111TCN) thời Vũ Đế :

*Cổ Tần Tượng quận, Vũ đế Nguyên Đĩnh lục niên khai*

\*Đời sau, khi ghi chú về Tượng quận (*Sử ký-Tần Thủy Hoàng bản kỷ -Tượng quận hạ [tập giải ]*), Vi Thiệu chú : *kim Nhật Nam quận*.

(Theo: Đọc "Tần Hán Tượng quận biện tích" (秦汉象郡辨析) của học giả Lý Long Chương (李龙章), Trần Việt Bắc, 2007).

**Ghi chú:** Điều này có thể hiểu là từ thời Ban Cố (Đông Hán) đến đương thời Vi Thiệu sống, thời Tam Quốc (khoảng 189 – 280), các sử quan, văn gia Tàu ghi nhận **Tượng quận đời Tần là Nhật Nam đời Hán**.

Điều này ghi không rõ về tương quan giữa Tượng quận và quận Nhật Nam nên mâu thuẫn với ghi chép cùng trong *Hán thư*:

“Năm Nguyên Phượng thứ năm (năm 76 TCN), mùa thu, bỏ quận Tượng, chia gộp vào các quận Uất Lâm, Tường Kha”.

Lý do là năm 111TCN thời Tây Hán, khi quận Nhật Nam được lập ra, Tượng quận vẫn còn. Mãi đến 35 năm sau, năm 76TCN, Tượng quận mới bị bãi bỏ, chia gộp vào các quận Uất Lâm, Tường Kha.

Nếu thế, có thể hiểu là **chỉ có một phần của Tượng quận (đời Tần) được tách ra để lập thành quận Nhật Nam (đời Tây Hán)**.

\*Trong **quyển 23**, *Hậu Hán thư*, phần *Quận quốc chí* - ngữ có câu **chú**:  
Hán Vũ đế đổi tên Tượng quận là Nhật Nam quận.

**Ghi chú:**

Theo tác giả Minh Di:

- Câu này là **chú giải** của Thái tử Lý Hiền (655-684), đời Đường.

- chính văn *Hậu Hán thư* **không ghi** việc Hán Vũ đế đổi tên Tượng quận thành Nhật Nam quận và cũng không đề cập đến khoảng cách từ quận này đến Lạc Dương.

\* Trong *Thủy kinh chú sớ* có ghi: Theo *Hán chí*: **Nhật Nam là Tượng quận đời Tần** (theo *Thủy kinh chú sớ*, quyển 36, trang 365, tác giả Dương Thủ Kính, Hùng Hội Trinh).

\**Thủy kinh chú* (tác giả Lịch Đạo Nguyên) có ghi: .... Nhà Tần đặt đồn phòng giữ **biên giới ở Ngũ Lĩnh....**

\*Trong *Hán thư, Trương Nhĩ truyện*, Hùng Hội Trinh (x –1936) *chú*: .... phía Nam nước Tần có đồn biên giới ở Ngũ Lĩnh.

\**Quế Hải ngư hành chí* (tác giả Phạm Thành Đại (1126–1193)) cho rằng: ... *thành của Tần ở phía Bắc thành Quế Lâm 80 dặm. Tương truyền là đất nhà Tần lập đồn biên phòng ở Việt Thành lĩnh (trong Ngũ Lĩnh), thành ở phía Nam sông Tương (Tương Thủy), ở khoảng giữa hai sông Dung và Ly, di chỉ vẫn còn, thành giếng đá cũng không bị sứt lở....*

**Ghi chú:**

**Ngũ Lĩnh:** được xem là đường phân thủy giữa hai vùng châu thổ của Trường giang (sông Dương Tử) và Việt giang (Tây giang /Châu giang).

\* Theo *Thủy Kinh Chú*: Ngũ Lĩnh gồm 5 rặng núi hợp thành, tổng thể trải dài hơn ngàn cây số theo hướng Tây Nam - Đông Bắc, theo thứ tự từ Tây sang Đông như sau:

**Việt Thành lĩnh** (Yuechengling - 越城嶺)

**Đô Bàng lĩnh** (Dupangling - 都龐嶺)

**Manh Chủ lĩnh** (Mengzhuling - 萌渚嶺)

**Kỵ Điền lĩnh** (Qitianling - 騎田嶺)

**Đại Du (Dữu) lĩnh** (Tayuling - 大庾嶺)

Từ khoảng thế kỷ 19, Ngũ Lĩnh được ghi trong cổ sử Tàu và các bản đồ cổ với tên **Nam Lĩnh**.

\*Theo *Nam Khang ký*:

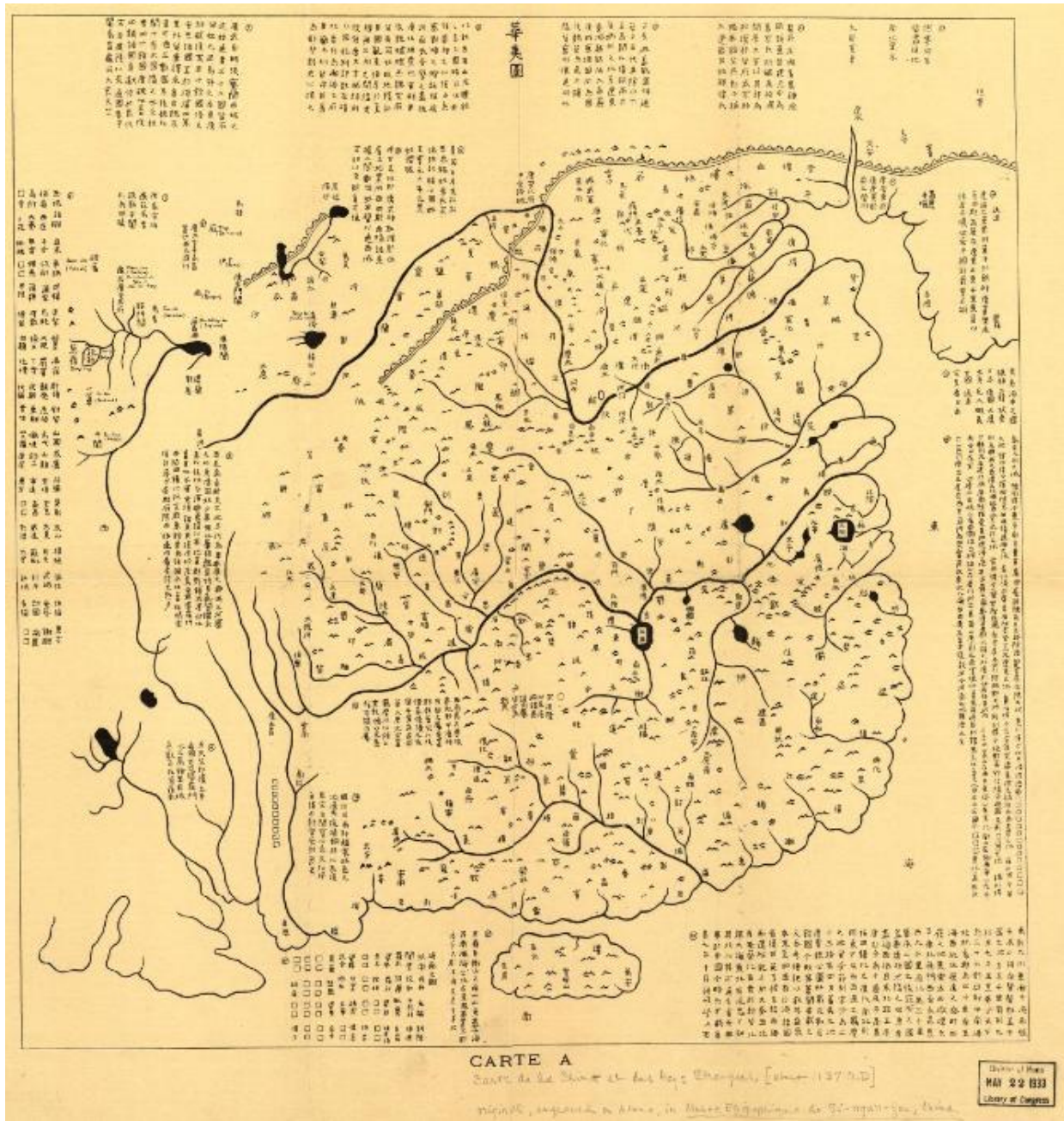
---

69 - Sách *Nam khang ký* chép: "Ngũ lĩnh là: 1 - Đài Lĩnh, ở Đại Dữu; 2 - Kỵ Điền, ở huyện Quế Dương; 3 - Đô Bàng, ở Cửu Chân; 4 - Manh Chủ, ở Lâm Hạ; 5 - Việt Thành, ở Thủy Yên".

(trích từ: Vân Đài Loại Ngữ, Lê Quý Đôn, 1773. Biên dịch, Khảo thích: Trần Văn Giáp – Hiệu đính, giới thiệu tác giả: Cao Xuân Huy - Hà Nội, 1961).

\*Theo bản đồ 華夷圖 Hua Yi Tu và 禹迹图 Yu Di Tu:

Bản đồ Hua Yi Tu khắc trên một mặt của phiến đá năm 1136, đời Nam Tống. Người khắc không để lại tên. Bản giấy chà trên phiến đá, lần đầu đăng trong Bulletin de l'École Française d'Extrême Orient, vol. 3, 1903.



Mặt bên kia của phiến đá có khắc bản đồ Yu Ji Tu, bản giấy chà trên phiến đá được phổ biến lần đầu năm 1933: Kích thước: 84 x 82 cm. Tỷ lệ: 1/ 5 000 000. Khắc theo phương pháp kẻ ô vuông, mỗi ô tương ứng với 100 lí (dặm Tàu).

(Library of Congress Geography and Map Division Washington, D.C. 20540-4650 USA dcu).  
<http://hdl.loc.gov/loc.gmd/g7821c.ct001493>.

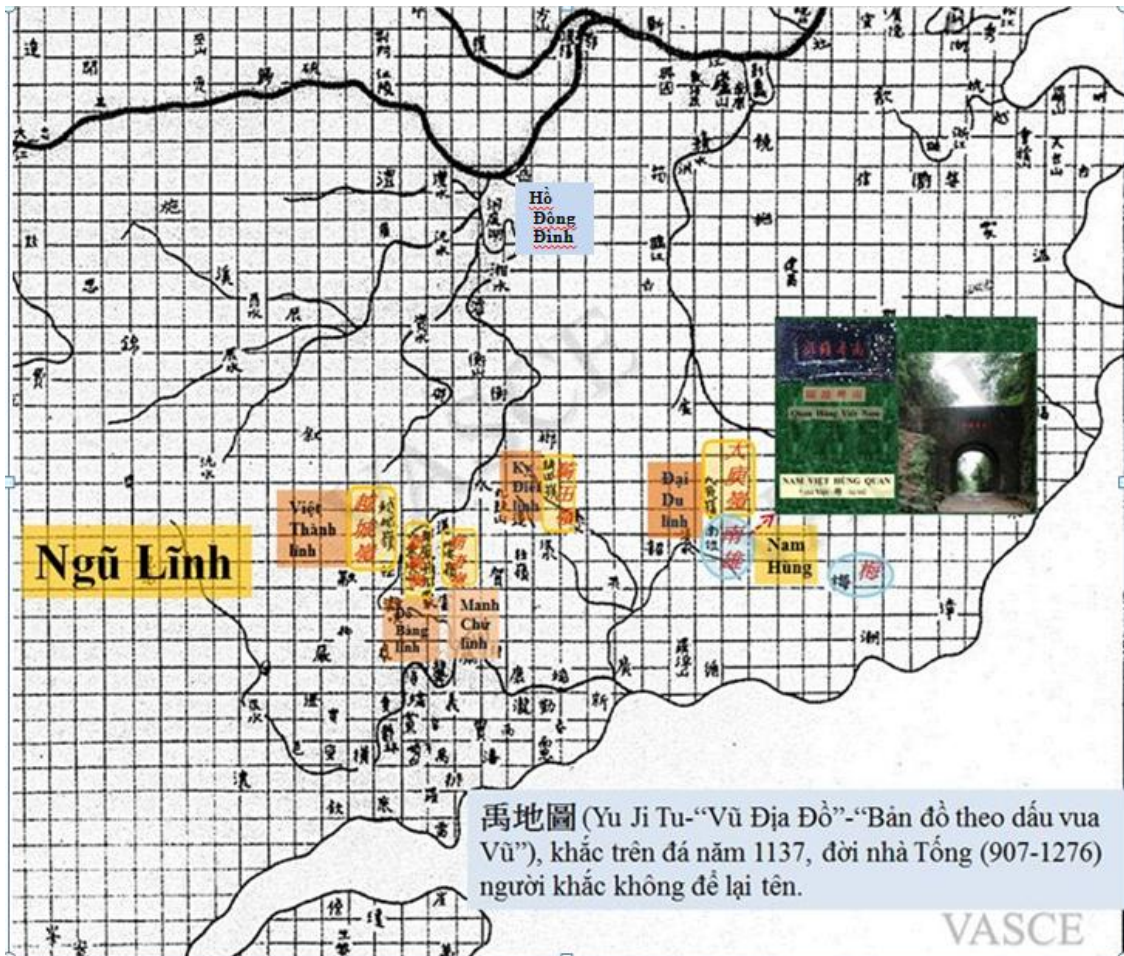
### Ghi chú:

- 1 lí thời Đường (618 - 907) theo hệ thống quốc tế (SI) bằng khoảng 559.8 m., tức 0.5598 cây số (theo tác giả Minh Di chú thích về 'Cựu Đường Thư, (Qu. XLI - Địa Lí chí 4), đoạn chép về An Nam Đô Đốc Phủ', Australia, 1995)

- Tuy các tác giả Âu Mỹ và Tàu\* chấp nhận Yu Ji Tu được khắc cùng năm 1136, nhưng thiên nghĩ hai bản khắc khác biệt nhau nhiều nên khó có thể tin là Yu Ji Tu đã được khắc vào cùng năm với Hua Yi Tu.

\**The Yu ji tu map*, Bai Hongye, National Library of China, Beijing, China, 2009.

\*Yujitu [Map of the Tracks of Yu] of 1136, Cartography and Geographic Information Science, Vol. 39, No. 3, 2012 - Alexander Akin and David Mumford (Applied Mathematics, Brown University, Providence, RI, 02912).



(Ghi chú thêm chi tiết © 2015 Đỗ Hoàng Ý)

(xin xem bài: *Đất nước Việt thời thượng cổ trong vùng Đông Á* © 2015 Đỗ Hoàng Ý)

- \*198 TCN: Triệu Đà đánh chiếm và sáp nhập Tượng quận vào nước Nam Việt.
- \*111 TCN: Hán Vũ đế (Tây Hán): sai Lộ Bác Đức đánh chiếm Nam Việt (nhà Triệu).

\***Giao Chỉ bộ, Giao Chỉ quận vào thời Tây Hán** (khoảng từ 111 TCN đến năm 9):

Năm 106 TCN, nhà Tây Hán đặt tên đất họ chiếm được của nước Nam Việt là **Giao Chỉ thích sử bộ**, chia làm 9 quận: Nam Hải, Uất Lâm, Thương Ngô, Hợp Phố, Chu Nhai, Đạm Nhĩ, Cửu Chân, Nhật Nam, Giao Chỉ.

**Ghi chú:**

\* Ban Cố (32-92) chép trong *Hán Thư*:

*Nguyên Phong.....Ngũ niên..... Sơ trí Thích Sử Bộ, thập tam Châu.*

(*Hán Thư*. Qu. VI. Bản kỷ. Vũ đế).

Niên hiệu Nguyên Phong...Năm thứ 5...lần đầu tiên thành lập **Thích Sử Bộ**, 13 Châu.

(theo: *Một thời đã xa*, Minh Di- Úc châu, 2009).

\***Nghi vấn:** Năm 106 TCN, Tượng quận vẫn còn hiện hữu, nhưng không thấy nhắc đến trong 9 quận của Giao Chỉ thích sử bộ? Mãi đến năm 76 TCN, quận Tượng mới bị bãi bỏ, chia gộp vào các quận Uất Lâm, Tường Kha.

\* Giao Chỉ **quận** là một trong 9 quận của Giao Chỉ **bộ**, ở cực nam của Giao Chỉ **bộ**.

(xin xem bài: *Đất nước Việt thời thượng cổ trong vùng Đông Á* ©2015 Đỗ Hoàng Ý)

Thời Tây Hán đặt ra chức **Thứ sử** (Giao Chỉ *mục*) cai quản Giao Chỉ **bộ**, chức **Thái thú** cai quản các **quận**.

Sách *Đại Việt Sử lược* (thế kỷ 14, trong khoảng những năm 1377-1388, tác giả khuyết danh) viết vào khoảng đời Trần, trong mục *Quan thủ nhậm qua các thời đại* chỉ thấy ghi các *quan thủ nhậm* Giao Chỉ **bộ** là:

- Thạch Đái thời Vũ Đế, giữ chức Thứ sử Giao Chỉ **bộ** năm 106 TCN đến 86 TCN.

- Chu Chương đời Chiêu Đế, giữ chức Thứ sử Giao Chỉ **bộ** năm 86 đến 74 TCN.

- Ngụy Lăng Tử Minh đời Tuyên Đế, giữ chức Thứ sử Giao Chỉ **bộ** năm 74 đến 48 TCN.

(theo: *Đại Việt sử lược* (1377-1388), bản dịch của Nguyễn Gia Tường, Hà Nội, 1972).

*Đại Việt Sử lược* dù bị Tiền Hy Tô, văn gia vào thời triều Càn Long (1736-1795) nhà Thanh bên Tàu sửa đổi, nhưng vẫn không thấy chép gì về Tích Quang làm Thái thú Giao Chỉ **quận** trong khoảng từ năm 2 đến 31.

Ghi chú:

Có nghi vấn là:

- Nhà Tây Hán đã không thực sự chiếm được hoặc không kiểm soát được toàn cõi nước Nam Việt họ chiếm được, nhưng vẫn cứ **đặt tên Giao Chỉ bộ có ý chỉ muốn xóa tên linh thổ Nam Việt cũ**.

- các Thái thú Giao Chỉ **quận** của nhà Tây Hán từ thời Hán Vũ đế (140-86 TCN) rất có thể chỉ là được *phong khống* (phong chức *hờ*) vì chỉ thấy ghi là đặt trị sở ở quận Nam Hải.

**\*Giao Chỉ bộ, Giao Chỉ quận vào thời nhà Tân (năm 9 đến 23)**

Năm 8, Vương Mãng cướp ngôi vua nhà Tây Hán lập ra nhà Tân, tuy vậy các quan của nhà Tây Hán ở Giao Chỉ bộ vẫn trung thành với nhà Hán, tự lực chống nhà Tân.

Hán Thư chép: ... *quan châu mục\* Giao Chỉ là Đặng Nhượng cùng các quận đều đóng bờ cõi tự phòng trị một thời gian.*

**Ghi chú:** \* chức quan cai quản Giao Chỉ bộ là Thứ sử, có khi gọi là Châu mục.

\* Đặng Nhượng (x – 29)

**\* Giao Chỉ bộ, Giao Chỉ quận vào thời Đông Hán (năm 23 đến 220):**

Năm 25, Lưu Tú, thủ lĩnh quân khởi nghĩa Lục Lâm đánh bại quân nhà Tân, lên ngôi lấy hiệu là Hán Quang Vũ, sáng lập nhà Đông Hán.

Năm 26, (Đông) Hán triều cử Sầm Bành (x-36) xuống đánh Kinh Châu\*.

**Ghi chú:** \*Kinh châu thời Hán gồm các quận Nam Dương, Giang Hạ, Trảng Sa, Nam quận, Vũ Lăng, Linh Lăng, Quế Dương.

Năm 29 (Kỷ Sửu, triều Hán Quang Vũ, năm Kiến Vũ thứ 5), *Hậu Hán thư* chép:

- *Xưa Sầm Bành cùng **Giao Chỉ mục** Đặng Nhượng quen biết thân thiện nên viết thư cho Nhượng bày tỏ uy đức của nhà (Đông) Hán, rồi lại sai Thiên tướng quân Khuất Sung gửi hịch đến **Giang Nam** ban hành chiếu mạng. Do thế, Nhượng cùng Thái thú Giang Hạ là Hầu Đãng, Thái thú Vũ Lăng là Vương Đường, Thừa tướng Trường Sa là Hàn Phúc, Thái thú Quế Dương là Trương Long, Thái thú Linh Lăng là Điền Hấp, Thái thú Thương Ngô là Đỗ Mục, **Thái thú Giao Chỉ** là Tích Quang\* cùng nhau sai sứ sang cống nhà (Đông) Hán. Tất cả đều được phong là Liệt Hầu.*
- *Năm Kiến Vũ thứ năm, mùa đông, tháng mười hai, quan Mục **bộ** Giao Chỉ là Đặng Nhượng dẫn đầu các Thái thú của bảy quận sai sứ đến nạp cống.*

**Ghi chú:**

\* .....thời Bình Đế có Tích Quang, người Hán Trung làm thái thú Giao Chỉ, ....

Tích Quang - 錫光 – làm Thái Thú từ năm 2 đến 31.

\* các quận có sứ sang cống nạp triều Đông Hán đều ở về mạn bắc của Tây giang (trừ trường hợp Giao Chỉ), không thấy nói đến các Thái thú của Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, Uất Lâm nên không rõ những nơi ấy có Thái thú hay không?

\* Điểm đáng để ý là 5 quận phía Nam của Giao Chỉ bộ (Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, Uất Lâm) thì chỉ nhắc đến Thái thú quận Giao Chỉ, điều này nêu nghi vấn là Thái thú Tích Quang thực sự không đến trấn nhậm tại Giao Chỉ quận mà chỉ sống quanh quẩn hoặc đặt trị sở cùng nơi với Thứ sử Đặng Nhượng, ở vùng Giang Nam, nên mới dự phần vào việc sai sứ cống nạp.

\*Tác giả Lê Mạnh Thát cho là Thứ sử Giao Chỉ bộ và các Thái thú các quận miền nam Giao Chỉ bộ đặt trị sở ở quận Nam Hải.

Lý do có thể là vì giao thông, di chuyển khó khăn hoặc vì tình hình không an ninh tại các quận?



Năm 29 (có tài liệu ghi năm 25\*?), Hán triều mới cử Nhâm Diên 壬延 làm Thái thú Cửu Chân, nhưng *Hậu Hán thư* không nói rõ Cửu Chân ở đâu? Trước năm 29 có ai làm Thái thú Cửu Chân hay không?

**Ghi chú:**

\* *Hậu Hán thư* chép : “Đầu năm Kiến Vũ (từ năm 25 đến năm 56), Diên dâng thư lên nhà vua muốn xin hài cốt, quỳ bái ở triều đình. Chiếu lệnh đi làm Thái thú Cửu Chân”.

Điều này chắc không đúng vì vào năm 29, Khi Thứ sử Giao Chỉ **bộ** Đặng Nhượng quy thuận nhà Đông Hán năm 29, không thấy nhắc đến Thái thú Cửu Chân.

Năm 31: *Hậu Hán thư* ghi vẫn tất ...*triều hồi Thái thú Giao Chỉ Tích Quang về triều*, nhưng không thấy ghi gì thêm.

Năm 32: Hán triều *bãi chức* Thái thú Cửu Chân của Nhâm Diên, nhưng không thấy cử ai thay thế.

Năm 34: Hán triều cử võ quan Tô Định làm Thái thú đem quân đi trấn nhậm Giao Chỉ.

**Ghi chú :**

\*Nhu thế, từ năm 31 đến 34, sự kiện không có Thái thú nào đến Giao Chỉ cho thấy thêm một chứng cứ là từ các triều Tây Hán, Tân, đến Đông Hán, chưa bao giờ Bắc triều thực sự có trị sở Thái thú đặt ở Giao Chỉ quận, chưa hề có Thái thú nào thực sự đến trấn nhậm Giao Chỉ quận!

Sách *Đại Việt Sử lược* (thế kỷ 14, trong khoảng những năm 1377-1388, tác giả khuyết danh) viết vào khoảng đời Trần, dù bị Tiền Hy Tô, văn gia vào thời triều Càn Long (1736- 1795) nhà Thanh bên Tàu, sửa đổi nhưng vẫn **không thấy chép gì về Tích Quang và Nhâm Diên**.

Trong mục “*Quan thủ nhậm qua các thời đại*” chỉ thấy ghi các *quan thủ nhậm* Giao Chỉ là:

- Thạch Đái thời Vũ Đế, giữ chức Thứ sử Giao Chỉ **bộ** năm 106 TCN đến 86 TCN.
- Chu Chương đời Chiêu Đế, giữ chức Thứ sử Giao Chỉ **bộ** năm 86 đến 74 TCN.
- Ngụy Lăng Tư Minh đời Tuyên Đế, giữ chức Thứ sử Giao Chỉ **bộ** năm 73 đến 48 TCN.
- Tô Định đời Hán Quang Vũ được cử làm Thái thú Giao Chỉ (**quận**)(không ghi năm nào)  
(theo: *Đại Việt sử lược* (1377-1388), bản dịch của Nguyễn Gia Tường, Hà Nội, 1972).

Theo những ghi chép như trên, có một **khoảng thời gian 82 năm**, từ năm 48 TCN đến năm 34 khi Tô Định được cử làm Thái thú, **không thấy ghi có *quan thủ nhậm* nào** làm Thứ sử Giao Chỉ **bộ** và cũng không thấy ghi có ai làm Thái thú Giao Chỉ **quận**.

Nhận xét này dẫn đến mấy **nghi vấn** rất đáng lưu tâm như sau:

**1.** Năm 48 TCN, các Lạc tướng và quân dân các tộc Việt đã khởi nghĩa, thành công trong việc giải thoát Giao Chỉ khỏi ách đô hộ của Tàu (nhà Tây Hán).

**Giao Chỉ đã độc lập và tự trị từ khoảng năm 48 TCN đến khoảng năm 34 theo những luật lệ\* của các Lạc tướng lãnh đạo các tộc Việt.**

Hiển nhiên trong thời gian khoảng 80 năm đó, vì các triều đình Tàu-Tây Hán, Tân và Đông Hán- đều đã không chiếm giữ được, không cai trị Giao Chỉ **bộ** nên đã không thể cử *quan thủ nhiệm* Giao Chỉ.

**Ghi chú:**

\*Điều này phù hợp với ghi chép trong *Hậu Hán thư* sự kiện vào năm 43 Mã Viện điều tầu là đã có Việt luật từ trước khi Mã Viện đánh chiếm Giao Chỉ.

.....条奏越律与汉律驳者十余事，与越人申明旧制以约束之，自后骆越奉行马将军故事。

**Phiên âm Hán Việt:**

"Điều tầu\* Việt luật dữ Hán luật bác giả thập dư sự. Dữ Việt nhân thân minh cựu chế dĩ ước thúc chi, tự hậu Lạc Việt phụng hành Mã tướng quân cổ sự".

(*Hậu Hán Thư*, quyển 54, trang 747, cột 2)

**Dịch nghĩa:**

Theo từng điều mà tầu trình về hơn chục chỗ trái nhau giữa Việt luật với Hán luật, giảng giải cho người Việt rõ về phép tắc cũ để ước thúc họ, từ đó người Lạc Việt phụng theo phép tắc cũ của Mã Tướng quân.

\*Điều tầu: tầu theo từng điều một, từng điều từng điều mà tầu.

(người dịch: Nguyễn Tuấn Cường, Giảng viên bộ môn Hán Nôm, khoa Văn học, Đại học Hà Nội - <https://quachhien.wordpress.com/2008>).

**2.** Dù cho *Hậu Hán thư* có ghi như sau đây chẳng nữa:

.....thời Bình Đế có Tích Quang, người Hán Trung làm thái thú Giao Chỉ,....(năm 2)

...triệu hồi Thái thú Giao Chỉ Tích Quang về triều,.... (năm 31)

việc triều đình Tàu phong chức Thái thú cho Tích Quang vào năm 2, khi lĩnh thổ Giao chỉ đang độc lập, rất có thể chỉ là “*phong không*” (“*hữu danh vô thực*”, chỉ phong chức “*hờ*” mà thôi), chứ thực ra các triều đình Tàu không chắc đã có đất Giao Chỉ để cho Tích Quang đến trấn nhiệm!

**3.** Theo cùng nhận xét vừa nêu trên đây về lĩnh thổ Giao Chỉ độc lập và tự trị, làm sao một văn quan như Tích Quang có thể ung dung đến trấn nhiệm để *chủ trương thi hành chính sách giáo hóa, truyền bá Hán học cho người trong quận* trong khoảng từ năm 2 đến 31.

...Xưa ở thời Bình đế, người Hán Trung là Tích Quang làm thái thú Giao Chỉ dạy dỗ dân Di dần dần hóa theo lễ nghĩa. Cuối đời Vương Mãng, Tích Quang đóng cửa biên giới chống cự”...

(*Hậu Hán thư*, theo *Nhìn lại sử Việt, từ tiền sử đến tự chủ*, Lê Mạnh Hùng-Tổ hợp xuất bản miền Đông Hoa Kỳ, 2011).

4. Năm 34\*, Giao Chỉ đang độc lập và tự trị thì nếu vua quan Đông Hán cử Tô Định làm Thái thú Giao Chỉ quận hẳn đã phải khiến Tô Định đem quân xuống miền Lĩnh Nam để đánh dẹp các Lạc tướng của các tộc Việt đang cầm quyền hầu mong chiếm lại được Giao Chỉ để có đất mà trấn nhậm.

**Ghi chú:** \* Theo tác giả Le P. Mathias Tchang, S.J.: Tô Định được triều Đông Hán cử làm thái thú Giao Chỉ khoảng năm 28- 29.

(theo [*Chronologie Complète et Concordance avec L'ère Chrétienne, de toutes les dates concernant l'histoire de l'Extrême-Orient* (Chine, Japon, Corée, Annam, Mongolie, etc.) – (2357 AV.J.-C. – 1904 APR.J.-C.), par Le P. Mathias Tchang, S.J\*.- Variétés Sinologiques No.24, Synchronismes Chinois - Chang-Hai, Imprimerie de la Mission Catholique, Orphélinat de T'ou-se-Wi, 1905].

(Xin xem bài *Tìm lại sự thật về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà Trưng* © 2016-2023, Đỗ Hoàng Ý).



**Trung dẫn những đoạn văn được ghi là trích từ  
Hậu Hán thư  
phiên âm Hán Việt, dịch sang tiếng Việt, thường thấy được lưu truyền**

1.Theo tác giả **Linh Mục Nguyễn Phương** (*Việt Nam thời khai sinh* - Phòng nghiên cứu sử, Viện đại học Huế, 1965) đoạn **chính văn** trong bộ *Hậu Hán thư* (tác giả Phạm Việp, viết vào khoảng năm 432) quyển 54, trang 747/3 (cột 3), ghi chép rất vắn tắt về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà. **Tác giả không ghi ra đoạn văn chữ Tàu** trong Hậu Hán thư, chỉ có phần phiên âm Hán Việt như sau:

**Phiên âm Hán Việt:** "*Hựu Giao Chỉ nữ tử Trưng Trắc, cập nữ đệ Trưng Nhị phản, công đầu\* kỳ quận, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, man di giả\*\* ứng chí, khấu lược Lĩnh Ngoại lục thập dư thành. Trắc tự lập vi vương*".

**Ghi chú:**

\* theo bản dịch của tác giả Phạm Văn Ánh (Viện Nghiên cứu Hán Nôm Hà Nội, 2014): “*đánh chiếm mất quận*”, nếu thế phiên âm Hán Việt nên là: “*công một kỳ quận*” (chữ 殄 có âm Hán Việt **một** với nghĩa **tiêu diệt, mất**).

\*\* chữ 偁 có âm Hán Việt **giai** với nghĩa **đều**, như thế hợp lý hơn trong câu văn trên.

**Người viết tạm dịch nghĩa:** Ở Giao Chỉ có người nữ tên Trưng Trắc cùng em gái là Trưng Nhị làm phản, đánh phá **chiếm** quận, người Man di ở Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố **đều** hưởng ứng, cướp chiếm hơn 60 thành ở Lĩnh Ngoại. **Trắc tự lập làm vua.**

## Ghi chú và Khảo luận:

\* *Hậu Hán thư* xưa nay được xem là tài liệu chữ Tàu cổ xưa nhất có ghi tên Hai Bà: 徵側 và 徵貳, theo âm Hán Việt đọc 徵側 là Trung Trắc, 徵貳 là Trung Nhị.

Xét việc ghi chép này thì có thể suy luận được là khi nghe tên Hai Bà phát âm theo tiếng Việt cổ, người Tàu đã tìm cách ký âm, ghi lại bằng những chữ Tàu có âm đọc tương tự. Tuy nhiên có nhiều chữ Tàu viết khác nhau nhưng *đồng âm dị nghĩa*, ví dụ như:

- các chữ: 惻, 側 (bộ tâm 心), 陟 (bộ phụ 阜), 側 (bộ nhân 人), 巖 (bộ sơn 山) v.v... đều cùng có âm Hán Việt **trắc**.

- các chữ: 二 (bộ nhị 二), 仞 (bộ nhân 人), 貳 (bộ bối 貝), 洄 (bộ thủy 水) v.v... đều cùng có âm Hán Việt **nhị**.

Hiển nhiên các văn gia Tàu, có thể là Phạm Việp hoặc các văn gia đời sau, đã cố tình chọn dùng các chữ 側 và chữ 貳 để ghi lại tên Hai Bà ngụ ý khinh miệt và hạ nhục:

側: âm Hán Việt **trắc** (như dùng cho: phản trắc, trắc lậu),

貳: âm Hán Việt **nhị** (như dùng cho: nhị tâm).

Thế mà từ bao thế kỷ nay, người Việt đời sau hầu như chỉ biết tên Hai Bà đọc theo âm Hán Việt là Trung Trắc (徵側), Trung Nhị (徵貳) nhưng không để ý đến nghĩa rất xấu của các chữ 側 và 貳 được ghi chép trong *Hậu Hán thư*.

Khi dịch câu văn chữ Tàu sang tiếng Việt thì đành theo sát nguyên văn chữ Tàu, nhưng hậu sinh chúng ta khi nhắc đến tên Hai Bà, để **tổ lòng tôn kính, nên ghi theo âm tiếng Việt là Trung Chắc và Trung Nhì**.

(xin xem thêm bài: *Tên Họ Hai Bà Trung*, © 2023 Đỗ Hoàng Ý)

\*theo tác giả L.M. Nguyễn Phương, trên đây là đoạn *chính văn* trong *Hậu Hán thư*, nhưng:

- không thấy ghi Hai Bà khởi nghĩa năm nào và bà Trung Chắc lên làm vua năm nào?
- không ghi rõ quê của Hai Bà ở nơi nào trong địa phận Giao Chỉ, và cũng không ghi rõ là Giao Chỉ **Bộ** hay Giao Chỉ **Quận**.

(xin xem thêm bài *Đất nước Việt thời thượng cổ trong vùng Đông Á*, © 2015 Đỗ Hoàng Ý, về sự khác biệt giữa Giao Chỉ **Bộ** và Giao Chỉ **Quận**).

- **không thấy nhắc đến “chồng” của bà Trung Chắc, không thấy nói gì đến Thái thú Tô Định** và cũng **không ghi nguyên do của cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà**.

## 2. Theo tác giả Lê Minh Khải (Liam Kelley):

(<https://leminhkhai viet.wordpress.com/tag/nguyen-phuong-hau-han-thu-thuy-kinh-chu-dai-viet-su-ki-toan-thu/>: *Chồng của bà Trung Trắc: Thi [Sách]*- Tác giả: Lê Minh Khải - Người dịch: Hoa Quốc Văn- 2013-2014).

Phiên bản đầu tiên xuất hiện khoảng năm 445 sau Công lịch trong cuốn *Hậu Hán thư* (*Hou Hanshu* 後漢書) của Fan Ye (Phạm Việp), như sau:

“Năm thứ 16, người con gái Giao Chỉ là Trưng Trắc và em gái Trưng Nhị làm phản, tấn công [đầu não của] quận. Trưng Trắc là con gái của một Lạc tướng ở huyện Mê Linh (Mê đọc là Mê, Linh đọc là Linh). Thị lấy Thi Sách ở Chu Diên làm vợ, rất khỏe mạnh và can đảm. Thái thú Giao Chỉ là Tô Định dùng luật để trừng phạt thị. Trắc phẫn nộ vì vậy nổi dậy. Sau đó, các tộc Man ở Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng [lời kêu gọi của chúng] và chiếm 65 thành. Trắc tự xưng là vua”.

至十六年，交趾女子徵側及其妹徵貳反，攻郡。徵側者，麓泠縣雒將之女也。(麓音莫支反，泠音零)嫁為朱贛人詩索妻，甚雄勇。交趾太守蘇定以法繩之，側忿，故反。於是九真、日南、合浦蠻里皆應之，凡略六十五城，自立為王。

Theo Liam Kelly: “câu văn trong *Hậu Hán thư* là rối rắm (“Thị lấy Thi Sách ở Chu Diên làm vợ mình, rất khỏe mạnh và can đảm” – 嫁為朱贛人詩索妻，甚雄勇), đặc biệt là câu “lấy ... làm vợ mình “嫁為... 妻 và sự chuyển mạch giữa “thê” và từ tiếp theo “thậm” 甚 (rất)”.

(Người dịch: Hoa Quốc Văn- 2013-2014).

\* **Người viết phiên âm Hán Việt** đoạn văn chữ Tàu do Liam Kelley trích dẫn trên đây:

*Chí thập lục niên giao chỉ nữ tử trưng trắc cập kì muội trưng nhị phản công quận trưng trắc giả mi linh huyện lạc tướng chi nữ dã (mi âm mạc chi phản linh âm linh) giá vi chu diên nhân thi sách thê thậm hùng dũng giao chỉ thái thú tô định dĩ pháp thăng chi trắc phẫn cố phản ư thị cửu chân nhật nam hợp phổ man lí giai ứng chi hoàn lược lục thập ngũ thành tự lập vi vương.*

(Theo nguyên bản chữ Tàu, trong Hán văn xưa, câu văn viết không có chấm, phẩy ngắt câu, tên người không viết chữ hoa).

**Ghi chú:** trong câu văn *Hậu Hán thư*, **Giao Chỉ** được ghi là: 交 趾

\*-chữ **chỉ** 趾 với bộ **phụ** 阝 (dị thể của chữ 址 với bộ **thổ** 土), dùng với nghĩa: nền đất, nơi, chỗ, địa điểm (địa chỉ)

- **không phải** là chữ chỉ 趾 (với bộ **túc** 足), thường được hiểu là **ngón** (chân) (túc chi).

\* Tác giả Phạm Việp không ghi sự việc Tô Định sát hại chồng bà Trưng Chắc.

\*Theo tác giả Minh Di, cuối câu văn trên còn có thêm chi tiết:

... **Giao Chỉ Thứ sử cập chư Thái thú cận đắc tự thủ.**

*Chí thập lục niên, Giao Chỉ nữ tử Trưng Trắc cập kì muội Trưng Nhị phản, công quận. Trưng Trắc giả, Mê Linh huyện Lạc tướng chi nữ dã, giá vi Chu Diên nhân Thi Sách thê, thậm hùng dũng. Giao Chỉ Thái thú Tô Định dĩ pháp thăng chi, Trắc phẫn cố phản. ư thị Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố man lí giai ứng chi, phạm lược lục thập ngũ thành, tự lập vi vương. Giao Chỉ Thứ sử cập chư Thái thú cận đắc tự thủ.*

Hậu Hán Thư Qu. LXXXVI. Nam Man Tây Nam Di liệt truyện  
(theo bài *Bất túc trung tập*, Minh Di, Australia, 1986)

Tạp chí Dân Văn (Germany) đăng hai lần năm 2006 và 2014).

### **Ghi chú và Khảo luận:**

Phạm Việp ghi chi tiết quân khởi nghĩa đánh chiếm 65 thành, nhưng:

-Theo *Quận quốc chí* trong *Hậu Hán thư* cùng tác giả *Phạm Việp* thì :

Nam Hải có 7 thành,

Thương Ngô 11 thành,

Uất Lâm 11 thành,

Hợp Phố 5 thành,

Giao Chỉ 12 thành,

Cửu Chân 5 thành,

Nhật Nam 5 thành, như vậy tổng cộng chỉ có 56 thành.

Danh sĩ Ngô Thì Sĩ ghi thuộc địa Giao Chỉ **bộ** gồm bảy (7) quận, 56 thành.

Nếu cộng với 9 thành trong vùng Dương Châu và Kinh châu\* mới đủ số 65 thành Hai Bà Trưng đã chiếm được.

-Vi Dương Châu và Kinh Châu đều ở phía bắc dãy Ngũ Lĩnh nên nếu số thành bị chiếm thực đúng là 65 thì hiển nhiên cuộc khởi nghĩa đã lan rộng lên đến phía bắc dãy Ngũ Lĩnh về phía Tràng Sa, hồ Động Đình, hồ Bà (Phiên) Dương và Trường giang.

\* Thời Đông Hán, Trung Quốc được chia thành 13 châu lớn, trong số đó có:

- **Kinh châu** ở miền nam của đất nhà Hán, bao gồm vùng rộng lớn trải qua các tỉnh Hồ Bắc, Hồ Nam, Quý Châu, Giang Tây hiện nay. Kinh châu ở ngã ba sông Trường Giang, phía đông giáp Dương châu, phía tây giáp Ích châu, phía nam giáp lĩnh thổ Giao Chỉ Bộ (Giao châu sau này),

- **Dương châu:** Tên gọi Dương Châu được ghi lần đầu tiên trong sách *Thượng thư: Tất cả Hoài Hải đều là Dương Châu.*

Kinh Thư ghi: Vua Đại Vũ phân chia thiên hạ thành chín châu: Kí châu, Duyệt châu, Thanh châu, Từ châu, Dương châu, Kinh châu, Lương châu, Ung châu và Dự châu.

...vua Vũ chia thiên hạ làm chín châu. Đất Bách Việt thuộc về đất Dương Châu. Giao Chỉ thuộc về đất ấy...(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên, 1479).

Vào thời nhà Hán, Dương Châu để chỉ vùng Giang Đông, Giang Nam rộng lớn bao gồm các tỉnh An Huy, Giang Tô, Chiết Giang, Giang Tây, Phúc Kiến ngày nay.

-Nếu quân khởi nghĩa đã chiếm được 56 thành trong khắp bảy quận\* trên đất liền của Giao Chỉ **bộ** và 9 thành trong vùng Dương Châu, Kinh Châu thì không biết là Thứ sử Giao Chỉ **bộ** và Thái thú các **quận** trốn tránh vào chỗ nào để *tự thủ*?

### **Ghi chú:**

\*Thời Hai Bà khởi nghĩa vào đầu Công nguyên, Giao Chỉ **bộ** chỉ còn gồm có bảy quận trên đất liền.

\*Theo tác giả Minh Di:

Năm 82 TCN, quận Đam Nhĩ đã bị nhập vào quận Chu Nhai.

Năm 46 TCN, Hán triều bãi quận Chu Nhai, để dân Chu Nhai tự trị, tức quận này không còn là một đơn vị hành chính của Hán triều nữa.

Như vậy, kể từ **năm 46 TCN hai quận Chu Nhai và Đam Nhĩ đã không còn thuộc Hán triều.** (theo: *Một thời đã xa*, Minh Di- Úc châu, 2009).

### 3. Theo tác giả Minh Di:

*Phạm Việp chép:*

.... *Giao Chỉ nữ tử Trung Trắc cập kì muội Trung Nhị phần, công quận. Trung Trắc giả Mê Linh Lạc tướng chi nữ dã, giá vi Chu Diên nhân Thi Sách thê, thậm hùng dũng! Giao Chỉ Thái thú Tô Định dĩ pháp thăng chi, Trắc phần, cố phần.*

*/ Hậu Hán Thư Qu. XXCVI. Nam Man, Tây Nam Di Liệt Truyện /.*

.... *Người đàn bà Giao Chỉ là Trung Trắc cùng em gái là Trung Nhị phần, công phá Quận thành. Trung Trắc là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh, gả làm vợ Thi Sách, người Chu Diên, rất hùng dũng, Thái thú Giao Chỉ Tô Định lấy pháp luật ràng buộc, Trắc nổi giận nên làm phản..*

*(Ta thấy: Phạm Việp chép: Trắc phần, cố phần; Lý Hiền viết lại là: Trắc oán nộ, cố phần)*

Nguyễn Phương ghi phần truyện Mã Viện ở quyển 54 của bộ Hậu Hán Thư, đây là theo Mục lục của Quan Bản bộ Hậu Hán Thư.

Còn Bản tôi dùng ở đây là cuốn Hậu Hán Thư Tập Giải của Vương Tiên Khiêm (1842 - 1917) đời Thanh (1644 - 1911). Ở đây Vương Tiên Khiêm căn cứ Cấp Cổ Các Bản; Mục lục bản này có khác với Quan Bản của ông Nguyễn Phương sử dụng.

Như Mục lục của Cấp Cổ Các Bản ghi chép về 2 Bà Trưng và Mã Viện trong Hậu Hán Thư nằm ở 2 Quyển:

1/. Quyển XXIV (Quyển 24), trong Mã Viện truyện.

2/. Quyển XXCVI (Quyển 86), trong Nam man, Tây nam di truyện.

(Phần Truyện trên đây, trong Quan Bản là ở Quyển 116).

*(Nói chuyện cổ sử, Minh Di - Australia, 2008 -*

*Tạp chí Dân Văn, Germany, đăng 3 lần: 2008, 2014, 2022).*

**Ghi chú:** \*số 86 viết theo số La Mã là LXXXVI.

\*đoạn văn trên trích từ *Nam Man Tây Nam di liệt truyện*, Hậu Hán thư, quyển 86.

*Hựu Giao Chỉ nữ tử Trung Trắc cập nữ đệ Trung Nhị phần, công một kì Quận - Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố man di giai ứng chi, khẩu lược Lãn ngoại lục thập dư thành, Trắc tự lập vi vương. Ư thị tử thư bá Viện Phục ba Tướng quân, dĩ Phù Lạc hầu Lưu Long vi phó, đốc Lâu thuyền Tướng quân Đoàn Chí đẳng, Nam kích Giao Chỉ. Quân chí Hợp Phố nhi Chí bệnh tốt, chiếu Viện tính tướng kì binh, toại duyên hải nhi tiến, tùy sơn san đạo thiên dư lí.*

*Hậu Hán thư Qu. XXIV. Liệt truyện 14. Mã Viện.*

Và rồi, người nữ Trưng Trắc và em gái Trưng Nhị ở Giao Chỉ phần, đánh hạ Quận thành - các rợ man tại Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều nổi dậy hưởng ứng, (2 chị em) cướp chiếm hơn 60 thành ở vùng Lĩnh Nam. Trưng Trắc tự lập làm vua. Do đó, (vua) giao ấn, thư bá Mã Viện là Phục Ba Tướng quân, Phù Lạc hầu Lưu Long là Phó tướng, đốc thúc Lâu thuyền Tướng quân Đoàn Chí, xuống phương Nam đánh Giao Chỉ. Quân đến Hợp Phố thì Đoàn Chí bệnh chết nên (triều đình) ra chiếu chỉ cho Mã Viện chỉ huy Cảnh quân của Đoàn Chí, nhân đó (Mã Viện) đã đưa quân tiến theo 1 đường dọc ven biển, gặp vùng núi non gập ghềnh thì san bằng làm đường hơn 1 ngàn dặm.

Mã Phục Ba tức Mã Viện, 'Phục Ba' là tên gọi giản lược phong Hiệu Phục ba Tướng quân của Mã Viện. Phong Hiệu này không là ngạch trật chính thức, cố định, trong quan chế, nghĩa là có lương bổng mà chỉ có tính cách tạm thời trong thời gian thi hành 1 nhiệm vụ nào đó, nhiệm vụ chấm dứt, phong Hiệu này cũng chấm dứt.

'Phục Ba' có nghĩa 'Hàng phục Sóng', Sóng ở đây chỉ quốc gia bị Trung Hoa tấn công - ở đây chỉ Giao Chỉ.

Nói 'Phục Ba' nhưng thực tế Mã Viện vốn tiến quân theo đường bộ, chính Đoàn Chí mới được Hán triều chỉ định làm 'Lâu thuyền Tướng quân' chỉ huy chiến thuyền tiến đánh Giao Chỉ.

(theo bài *Bất túc trung tập*, Minh Di, Australia, 2004)

Tạp chí Dân Văn (Germany) đăng hai lần năm 2006 và 2014)

### Ghi chú và Khảo luận:

\* Phạm Việp chép:

*giao chỉ thái thú tô định dĩ pháp thăng chi trắc phần cố phần.*

Thái tử Hiền ghi chú, đúng ra chỉ là chép lại và đổi câu văn thành:

*giao chỉ thái thú tô định dĩ pháp thăng chi trắc oán nộ cố phần.*

Ghi chép này cho thấy yếu tố quan trọng **dĩ pháp thăng chi** là nguyên nhân đưa đến cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà.

**Dĩ pháp thăng chi**: lấy pháp luật trời (ràng) buộc. Tuy câu văn viết có vẻ nhẹ nhưng thực tế có thể là cai trị khắc nghiệt, tàn bạo.

\* **câu chú thích của Lý Hiền không ghi Tô Định sát hại chồng bà Trưng Chắc.**

\* Theo nguyên bản chữ Tàu, trong Hán văn xưa, câu văn viết không có chấm, phẩy ngắt câu, tên người không viết chữ hoa..., lại thêm vì cách đặt chữ của **câu văn sau đây có phần rắc rối nên dễ gây hiểu nhầm** tên chồng của Bà Trưng Chắc là Thi Sách.

Từ thế kỷ thứ 5 đến thế kỷ thứ 18, đoạn câu:

... 嫁為朱戴人詩索妻甚雄勇

... **giá vi chu diên nhân thi sách thê thậm hùng dũng.**

đã được nhiều người hiểu là:

... *làm vợ người (ó) chu diên (tên là) thi sách rất hùng dũng.*

Vào thế kỷ 18, dưới đời nhà Thanh (Trung Hoa) học giả 趙一清 Zhao Yiqing (Triệu Nhất Thanh\*, 1710 - 1764) soạn **Thủy kinh chú thích** (*Shuijing zhu shi* 水經注釋 **chú thích Thủy kinh chú**) giải thích: 索妻 (**sách thê**) nghĩa giống như 娶婦 (**thú phụ**), cho chữ **sách** là một phần của tên người là nhằm lẫn.

\* Theo tác giả Minh Di:

Triệu Nhất Thanh đã tổng hợp thành quả nghiên cứu *Thủy kinh chú* của Toàn Tổ Vọng (1705 - 1755) và Thẩm Bính (? - ?) để soạn thành **Thủy kinh chú thích**.

Trong sách, phần Kinh và phần Chú được tách riêng, được sắp xếp lại cho mạch lạc, có phần chú giải kỹ lưỡng, đính chính những lầm lẫn, khảo xét và phân biệt những sai sót của các tác giả đi trước.

Trong bộ *Thủy Kinh Chú Sớ*, khi chú thích về Trưng Trắc và chồng bà là Thi, Dương Thủ Kính (1839 - 1915) và Hùng Hội Trinh ( - 1936) đã trích dẫn Triệu Nhất Thanh nói như sau:

Án: *Sách thê do thú phụ. Phạm Sử 'Nam Man Tây nam Di truyện' vân giá vi Chu Diên nhân Thi Sách thê, dịch mậu chi thậm hĩ!*



Xét: (Nói) 'Sách thê cũng như nói cưới vợ. Phần 'Nam Man Tây nam Di truyện "trong Bộ Sử của họ Phạm nói 'gả làm vợ Thi Sách, người Chu Diên' cũng là quá sức sai lầm!". (Tham khảo: Thủy Kinh Chú Sớ. Qu. XXXVII. Diệp Du thủy Chú).  
 Họ Phạm đây tức Phạm Việp (398 - 445), và 'Bộ Sử' nói đây là Bộ 'Hậu Hán Thư'. (Nói chuyện cổ sử, Minh Di - Australia, 2008 –  
 Tạp chí Dân Văn, Germany, đăng 3 lần những năm: 2008, 2014, 2022).

\* Năm 1964, nhà sử học Linh Mục Nguyễn Phương đã nêu ra điều này trong sách *Phương pháp sử học* (do Viện Đại học Huế xuất bản năm 1964) và trong bài *Lịch sử Lạc Việt* (Bách Khoa Thời Đại, Sài Gòn - 1965).

Theo L.M. Nguyễn Phương, học giả 惠棟 **Hui Dong** (Huệ Đống, 1697-1758) chú thích ở phần "Phụ lục" quyển 54 của *Hậu Hán thư* (bản in của Nghệ Văn Ấn Thư Quán, Hương Cảng, 1952) câu:

.... Cứu Triệu Nhất Thanh viết sách thê do ngôn thú thê. Phạm sử tác: "Giá vi Châu Diên nhân Thi Sách thê" mậu hĩ. Án Thủy kinh chú ngôn "tương Thi", ngôn "Trắc Thi", minh chỉ danh Thi.

Tác giả Trần Gia Phụng dịch nghĩa:

....Xét Triệu Nhất Thanh nói "Sách thê" còn có nghĩa là "cưới vợ"; các sử học Phạm chép: "Gả làm vợ người Châu Diên là Thi Sách" là sai. Xem *Thủy kinh chú* thấy nói "tương Thi", rồi nói "Trắc Thi", chỉ rõ ràng tên ông đó là Thi ....

\* Tác giả Nguyễn Phương ghi rằng câu văn sau đây là câu **chú** của Lý Hiên\*:

... giá vi chu diên nhân thi sách thê thậm hùng dũng

tuy không thực sự là văn của *Hậu Hán thư* nhưng được in chung trong bản văn *Hậu Hán thư*, chỉ khác là được in bằng khổ chữ nhỏ hơn (bản in của Nghệ Văn Ấn Thư Quán, Hương cảng, 1952).

Câu **chú** của Lý Hiên có thể làm người đọc nhầm lẫn chữ 索 (sách) là một phần của tên người.

\* Chương Hoài Thái tử Lý Hiên (655-681), con thứ sáu của vua Cao Tông và Võ Hậu [Võ Tắc Thiên (624 – 705), tại vị: 690-705]] nhà Đường (唐朝 –618-907), trong thời gian khoảng năm 675- 680 bị Võ Hậu truất làm thứ dân và đày ra vùng quan ngoại, đất Ba Trung (thuộc tỉnh Tứ Xuyên ngày nay). Trong thời gian này, Lý Hiên đọc lại các sách sử, đã ghi câu **chú** trên vào *Nam Man Tây Nam Di liệt truyện*.

Tác giả Minh Di ghi câu văn trên thực sự là của Phạm Việp viết:

*Phạm Việp chép:*

.... *Giao Chỉ nữ tử Trưng Trắc cập kì muội Trưng Nhị phản, công quận. Trưng Trắc giả Mê Linh Lạc tướng chi nữ dã, giá vi Chu Diên nhân Thi Sách thê, thậm hùng dũng! Giao Chỉ Thái thú Tô Định dĩ pháp thăng chi, Trắc phẫn, cố phản.*

*/Hậu Hán Thư Qu. XXCVI. Nam Man, Tây Nam Di Liệt Truyện/.*

(Nói chuyện cổ sử, Minh Di - Australia, 2008 –

Tạp chí Dân Văn, Germany, đăng 3 lần những năm: 2008, 2014, 2022).

Hui Dong (Huệ Đông, 1697-1758) ghi:

*Phạm sử tác: "Giá vi châu diên nhân thi sách thể" mậu hi.*

*Án Thủy kinh chú ngôn "tương thi", ngôn "trắc thi", minh chỉ danh thi.*

Như thế, theo Hui Dong, sử gia họ Phạm (Việp) là tác giả câu:

*嫁為朱獻人詩索妻 Giá vi châu diên nhân thi sách thể.*

- \* Vào đầu thế kỉ thứ 20, Yang Shoujing (Dương Thủ Kính, 1839-1915) và Xiong Huizhen (Hùng Hội Trinh, x -1936) soạn **Thủy kinh chú sớ** \*(Shuijing zhu shu 水經注疏- Thủy kinh chú giải thích) trong đó hai tác giả chỉ ra rằng cổ thư *Thái Bình hoàn vũ kí* (Taiping huanyu ji- 太平寰宇記) có từ thế kỷ thứ 10, ghi **sách** là tiếng được dùng ở vùng Giao Chỉ với nghĩa là “*hỏi cưới (vợ)*”.

#### **Ghi chú:**

Theo tác giả Nguyễn Bá Mão, người biên dịch sách **Thủy Kinh Chú sớ**:

*“Đến thời cận đại, vào đầu thế kỷ 20, hai nhà học giả gồm thầy là Dương Thủ Kính (1839-1915) và trò là Hùng Hội Trinh (?-1936), trên cơ sở sách "Thủy kinh chú" của Lịch Đạo Nguyên, đã bỏ ra toàn lực trong mấy chục năm trời, thu thập rộng rãi trong các thư tịch, gom góp lại lời của nhiều học giả, để sớ, nghĩa là chú thích kỹ hơn sách "Thủy kinh chú" hợp lại sạn thành bộ sách "thủy kinh chú sớ".*

(**Thủy Kinh Chú sớ** –Người biên dịch: Nguyễn Bá Mão, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2003)

- \*Theo tác giả Minh Di:

Hoàng Sơn (? - ?) thời Dân Quốc (1911-1949), trong phần 'Hiệu bố' đặt ở cuối Quyển XXIV của bộ *Hậu Hán Thư Tập Giải* của Vương Tiên Khiêm (1842-1917), lược lại đoạn văn như sau:

*... Trắc vi nhân thậm hùng dũng, tương Thi khởi tặc, Mã Viện tương binh thảo, Trắc, Thi tẩu nhập Kim Khê Cừu.*

Trắc là người rất hùng dũng, **phụ trợ** Thi làm giặc, Mã Viện đem quân đánh dẹp. Trắc, Thi chạy vào vùng hang động Kim Khê.

- Triệu Nhất Thanh viết: *Sách thể do thú phụ...*

Triệu Nhất Thanh nói: (nói) kiếm vợ như (nói) cưới vợ.....

Triệu Nhất Thanh nói **thú phụ**, chứ không nói là *thú thể*.

- chữ **cừu** nghĩa là *hang động*, đi theo tên Kim Khê, chứ không phải là “Cừu Triệu Nhất Thanh” (xét Triệu Nhất Thanh) như tác giả Nguyễn Phương ghi (Trần Gia Phụng dịch).

*(Nói chuyện cổ sử, Minh Di - Australia, 2008 –*

*Tạp chí Dân Văn, Germany, đăng 3 lần những năm: 2008, 2014, 2022).*

\*

Trải qua 15 thế kỷ từ khi *Hậu Hán thư* được Phạm Việp hoàn thành vào thế kỷ thứ 5 (khoảng năm 432-445) đến thế kỷ thứ 20, văn bản nguyên thủy không còn, chỉ còn lưu truyền những bản sao chép viết tay hoặc in lại nhiều lần nên nội dung chắc đã sai sót không ít, nhiều khi còn bị các văn gia, sử quan Tàu đời sau sửa đổi, thêm bớt, chúng ta **không thể biết được đích thực ai là tác giả câu văn:**

..... 嫁為朱獻人詩索妻甚雄勇

.... giá vi chu diên nhân thi sách thê thậm hùng dũng

Theo nguyên bản chữ Tàu, trong Hán văn xưa, câu văn viết không có chấm, phẩy ngắt câu, tên người không viết chữ hoa, lại thêm vì **cách đặt chữ của chính câu văn này có phần rắc rối nên đã gây hiểu nhầm** tên chồng của Bà Trung Chấn là Thi Sách.

Từ thế kỷ thứ 5 đến nay, nhiều người đã hiểu nhầm câu văn trên là:

... làm vợ người (ở) chu diên (tên là) thi sách rất hùng dũng.

Đúng ra hậu sinh chúng ta nên hiểu câu văn này là:

..... lấy người (ở) chu diên (tên) thi hỏi cưới (làm) vợ rất hùng dũng.

Việc chấn chỉnh những hiểu biết sai lầm về lịch sử đã lưu cữu qua nhiều thế kỷ là việc rất khó, nhưng thiện nghĩ hậu sinh chúng ta có bổn phận góp sức vào việc lưu truyền lại cho các thế hệ sau hiểu biết đúng về **tên chồng của Bà Trung Chấn là vị anh hùng tên Thi.**

\*

**4.** Theo tác giả **Phạm Văn Ánh** (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, 2014):

(<http://yeuhannom.blogspot.com/2014/04/cuoc-khoi-nghia-hai-ba-trung-lan-gio.html>)

\***Ở quyển nhất**, phần “Vũ Quang đế ki-hạ” (光武帝紀下) ghi ngắn gọn các chi tiết sau:

“Tháng Hai, mùa xuân năm thứ 16 [niên hiệu Kiến Vũ, tức năm 40], người con gái ở Giao Chỉ là Trưng Trắc làm phản, chiếm các thành ấp.

[...] Tháng Tư năm thứ 18 [42], Phục ba tướng quân Mã Viện chỉ huy Lâu thuyền tướng quân Đoàn Chí đánh bọn giặc Trưng Trắc ở Giao Chỉ.

[...] Tháng Tư năm thứ 19 [43], Phục ba tướng quân Mã Viện phá được Giao Chỉ, chém Trưng Trắc, nhân đó đánh phá được bọn giặc Đô Dương ở Cửu Chân, giặc hàng”.

\* **Ở quyển 24**, phần Mã Viện truyện (馬援傳) ghi:

“Người con gái ở Giao Chỉ là Trưng Trắc cùng em gái là Trưng Nhị làm phản, đánh chiếm mất quận, người man di ở Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng theo, cướp được hơn 60 thành ở cõi Lĩnh ngoại. Trắc tự lập làm vua. Thế là chiếu thư phong cho Phục ba tướng quân tên là Viện, phong Phù Lạc hầu là Lưu Long làm phó, đốc thúc Lâu thuyền tướng quân là Đoàn Chí tiến xuống phía nam đánh Giao Chỉ. Quân đến Hợp Phố thì Chí ốm chết, chiếu trao cho Viện nắm lấy binh quyền của Chí. Viện bèn men theo biển tiến quân, men núi mở đường trên ngàn dặm. Mùa xuân năm [Kiến Vũ] thứ 18 [42], quân đến Lăng Bạc, đánh nhau với giặc, phá được chúng, chém mấy nghìn thủ cấp, trên vạn giặc đầu hàng. Viện truy đuổi

Trung Trắc đến Cẩm Khê, nhiều lần đánh bại, giặc bèn tan chạy. Tháng Giêng năm sau [43], chém Trung Trắc, Trung Nhị, đưa thủ cấp về Lạc Dương. Phong Viện làm Tân Tức hầu, thực áp 3 ngàn hộ. [...] Viện đem trên hai ngàn lâu thuyền lớn nhỏ cùng trên hai vạn quân binh tiến đánh giặc ở Cửu Chân cùng dư đảng của Trung Trắc là bọn Đô Dương, từ Vô Công đến Cư Phong, chém được trên 5 nghìn giặc, phía nam cõi Lĩnh biểu đều được bình định. Viện tâu rằng huyện Tây Vu có 3 vạn 2 ngàn, địa giới xa cách triều đình đến trên 2 ngàn dặm, xin chia làm hai huyện Phong Khê và Vọng Hải, được chấp thuận”.

\*Ở quyển 86, phần Nam man truyện (南蠻傳) ghi:

“Năm [Kiến Vũ] thứ 16 [40], người con gái ở Giao Chỉ là Trung Trắc cùng em gái là Trung Nhị làm phản, tấn công vào quận. Trung Trắc là người ở huyện Mi Linh (麓冷), con gái Lạc tướng, được gả cho Thi Sách\* người huyện Chu Diên. Trung Trắc là người rất hùng dũng. Thái thú Giao Chỉ là Tô Định dùng pháp luật ước chế họ, Trắc căm giận nên làm phản. Vì thế người man ở Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng theo. Chiếm được 65 thành\*\*, tự lập làm vua. Thứ sử Giao Chỉ cùng các Thái thú chỉ biết tự giữ. Quang Vũ bèn xuống chiếu cho Trường Sa, Hợp Phố, Giao Chỉ chuẩn bị xe thuyền, tu sửa cầu đường, khai thông núi khe, trích trữ lương thảo. Năm thứ 18 [42], sai Phục ba tướng quân Mã Viện, Lâu thuyền tướng quân Đoàn Chí phát hơn vạn quân Trường Sa, Quế Dương, Linh Lăng, Thương Ngô đến chinh phạt. Tháng Tư năm sau [43], Viện phá được Giao Chỉ, chém Trung Trắc, Trung Nhị, dư đảng đều thua phải hàng. Tiến quân đánh bọn giặc Đô Dương ở Cửu Chân, phá được, chúng xin hàng. Dời hơn ba trăm tướng soái của y đến Linh Lăng, thế là đất lĩnh biểu\*\* thấy được bình định”.

### Ghi chú và khảo luận:

\* Trong **Thủy kinh chú thích**, Zhao Yiqing (Triệu Nhất Thanh, 1709-1764) chú thích: ghi “giá vi Chu Diên nhân Thi Sách thế” là hoàn toàn nhầm lẫn khi cho chữ “sách” là một phần của tên người. Xin xem phần giải thích trên đây về vị anh hùng: **ông Thi**.

\*Theo **An Nam truyện**, ghi chép về Việt nam trong chính sử Trung Quốc xưa (Châu Hải Đường dịch và biên soạn, Tao Đàn, Hà Nội 2017), quyển 86 trong *Hậu Hán thư* là 南蠻西南夷列傳 *Nam Man Tây Nam di liệt truyện*, dịch từ các bản thuộc bộ Khâm Định Tứ Khố toàn thư (hội yếu) đời Thanh.

\*\*65 thành ...đất lĩnh biểu (lĩnh ngoại): Theo *Quận quốc chí* (trong *Hậu Hán thư*) thì :

Nam Hải có 7 thành,  
Thương Ngô 11 thành,  
Uất Lâm 11 thành,  
Hợp Phố 5 thành,  
Giao Chỉ 12 thành,  
Cửu Chân 5 thành,  
Nhật Nam 5 thành, như vậy tổng cộng là 56 thành.

**Ghi chú:** danh sĩ Ngô Thì Sĩ ghi thuộc địa Giao Chỉ **bộ** gồm bảy (7) quận trên đất liền (như kể trên) có 56 thành. Nếu cộng với thêm 9 thành trong vùng Dương Châu và Kinh châu mới đủ số 65 thành Hai Bà Trưng đã chiếm được.

Điều này chứng tỏ cuộc chiến đã diễn ra trong khắp vùng Lĩnh Nam gồm các quận Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, và còn lan rộng đến Kinh Châu và Dương Châu ở phía bắc của dãy Ngũ Lĩnh.

Theo như thế, có thể hiểu từ thời Phạm Việp, thế kỷ thứ 5, các sử quan, văn gia Tàu quan niệm:

- rặng Ngũ Lĩnh được xem là giới hạn phía Nam của đất nhà Hán, nên ghi là cuộc khởi nghĩa của Hai Bà ở **Lĩnh Ngoại**, bên *ngoài* rặng Ngũ Lĩnh.

Miền bên *ngoài* rặng Ngũ Lĩnh chính là phía Nam Ngũ Lĩnh: miền **Lĩnh Nam**.

- **đất lĩnh biểu** ý chỉ gồm khắp vùng Lĩnh Nam và còn trải rộng lên đến một phần của Kinh châu và Dương châu ở phía bắc dãy Ngũ Lĩnh.

\* Hai đoạn văn *Mã Viện truyện* (quyển 24) và *Nam Man truyện* (quyển 86) được ghi rõ là **truyện**, vì thế **không nên xem là chính sử**. Vì là **truyện**, nên đáng ngờ nhiều tình tiết được ghi chép là hư cấu, đã được tiểu thuyết hóa và gán ghép vào *Hậu Hán thư*.

\* Có truyền thuyết cho rằng mãi đến cả 100 năm sau, vào thế kỷ thứ 6, Lưu Chiêu (劉昭) khi chú giải *Hậu Hán thư*, đã lấy các ghi chép từ *Tục Hán thư* (tác giả Tư Mã Bưu - 司馬彪 - thế kỷ thứ 3) gộp thêm vào thành 30 quyển cuối cùng của *Hậu Hán thư*.

Tuy thuyết này còn cần được kiểm chứng, nhưng dù sao theo như thế thì khó quyết đoán được phần nào của *Hậu Hán thư* còn lưu truyền lại được thực sự là do Phạm Việp ghi chép? Phần nào do các văn gia đời sau viết gán ghép thêm vào?

\*

**Điều quan trọng** là hậu sinh chúng ta phải suy xét cẩn thận vì:

- ngôn từ, cách hành văn cũng như **các chi tiết được ghi chép và cách lý giải sự kiện lịch sử trong các cổ thư Tàu là quan điểm của các sử gia, văn gia Tàu đối với lịch sử nước Việt cổ**. Đáng ngại hơn nữa vì **đấy là quan điểm của kẻ mạnh đi xâm chiếm nước Việt cổ và áp bức các tộc người Việt cổ**.

- **có những điều sai hoặc ngụy tạo** nhưng vì, dù là cố ý hay vô tình, **được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong hàng ngàn năm, được ghi chép trong nhiều sử sách qua các đời, mãi rồi người đời sau tưởng là thật** mà thu nhận vào chính sử của dân tộc Việt!

Đấy chính là điều mà danh sĩ Chu Mạnh Trinh\*(1862-1905) viết trong bài 夜澤仙家賦 (*Dạ Trạch Tiên gia phú*- Phú nhà tiên Dạ Trạch):

諸君讀書，宜細心剖析，勿可人云亦云

Âm Hán Việt: Chư quân\*\* đọc thư, nghi tế tâm phân tích, vật khả nhân vân diệc vân.

(theo:[https://www.thivien.net/Chu-M%E1%BA%A1nh-Trinh/D%E1%BA%A1-Tr%E1%BA%A1ch-ti%C3%AAn-gia-ph%C3%BA/poem-L\\_JdBtEE6MQZr8O9oRsF\\_Q](https://www.thivien.net/Chu-M%E1%BA%A1nh-Trinh/D%E1%BA%A1-Tr%E1%BA%A1ch-ti%C3%AAn-gia-ph%C3%BA/poem-L_JdBtEE6MQZr8O9oRsF_Q))

\*Chu Mạnh Trinh (1862-1905) đỗ Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1892), từng giữ chức Quang lộc Tự khanh, kính chép và khắc bài phú này ở đền Đa Hoà, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, khoảng những năm 1900-1905.

**Lược dịch:** Khi quý vị đọc sách, nên để tâm phân tích kỹ lưỡng, chớ đồng ý, tán thành điều người khác nói sao mình cũng nói như thế.

**Ghi chú:** \*\*諸君 *Chư quân*: nếu dịch sát nghĩa là: *các ông*. Nhưng thời nay, theo thiên ý, để tôn trọng tất cả mọi độc giả, nên dịch là: Quý vị.



**Trung dẫn những đoạn văn được ghi là trích từ  
Thủy kinh chú  
phiên âm Hán Việt, dịch sang tiếng Việt, thường thấy được lưu truyền**

**1.** Trong biên khảo *Lịch sử Lạc Việt* (L.M. Nguyễn Phương, Bách Khoa Thời Đại, Sài Gòn-1965) tác giả trích dẫn đoạn văn ghi chú là trích từ *Thủy kinh chú* quyển 37, tờ 62 a:

**Phiên âm Hán Việt:** *Châu Diên Lạc tướng tử, danh Thi, sách Mê Linh Lạc tướng nữ, danh Trưng Trắc, vi thê. Trắc vi nhân hữu đảm dũng, tương\* Thi khởi tặc. Mã Viện tương binh thảo. Trắc, Thi tẩu nhập Cẩm Khê\*\*....*

**Dịch nghĩa:** con trai Lạc tướng huyện Châu Diên, tên là Thi, đi hỏi con gái Lạc tướng huyện Mê Linh tên là Trưng Trắc làm vợ, Trắc là người có can đảm và dũng lược, cùng với\* Thi nổi lên làm giặc. Mã Viện đem quân đánh đuổi. Trắc, Thi chạy vào Cẩm Khê.

**Ghi chú:**

\*Chữ *tương* trong câu này đúng ra có nghĩa **giúp đỡ, phụ trợ**.

\*\*Nhiều văn bản *Hậu Hán thư* và *Thủy kinh chú* ghi là Kim Khê cứu:

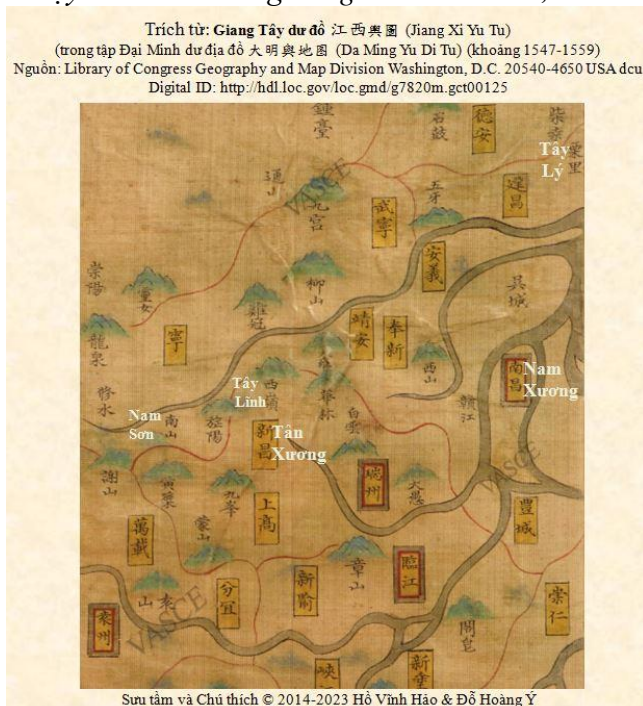
Kim Khê Cứu 金溪究: 溪 Khê: dòng suối trong vùng núi.

究 Cứu: Chỗ dòng suối (khe nước) nước chảy xiết

trên cát đá gọi là *cứu*- Thác trong khe núi –

Chỗ tận cùng của dòng suối chảy xiết.

- Theo sách *Phù Nam ký* của Trúc Chi, trên chỗ khe núi nước chảy xói vào gọi là hang.
- Chương hoài Thái tử Lý Hiền *chú* rằng đây là đất huyện **Tân Xương**, thuộc Phong Châu.
- *Nam Việt chí* (南越志, tác giả Thẩm Hoài Viễn - 沈懷遠, thời Lưu Tống 420-479, sách đã thất truyền, chỉ còn những đoạn sau trích lại trong *Cựu Đường thư* (thế kỷ thứ 5) chép là: *Trung Trắc chạy vào miền trong hang thác Kim Khê, hai năm sau mới bắt được.*



Thủy kinh chú của Lịch Đạo Nguyên chú rằng:

Theo sách Việt chí, Cẩm Khê là Kim Khê\*, ở phía tây nam huyện Mi Linh.

\*Việt Chí ghi là Kim Khê ở phía tây nam **huyện Mi Linh, thuộc quận Tràng Sa\*** (tỉnh Hồ Nam).

**Ghi chú:**

\*mong sẽ được các vị thức giả cao minh chỉ giáo về lai lịch của sách Việt chí và giúp kiểm chứng chi tiết này.

\*Theo bản đồ Asie Orientale, Chine & Japon. Atlas spheroidal & universel de geographie dresse par F.A. Garnier\*, geographe. Vve. Jules Renouard, Libraire, 1862, Editeur, Rue de Tournon, no. 6, Paris. 1860. Imp. de Sarazin, 8 r. Git-le-Coeur, Paris.

\*F.A. Garnier (1803-1863) Membre De La Societe De Geographie, Etc. Paris.



Sưu tầm và Chú thích © 2014-2023 Hồ Vĩnh Hào & Đỗ Hoàng Ý

(Xin xem thêm bài *Định lại vị trí một số địa danh nước Việt cổ thời Hai Bà Trưng* – © Hồ Vĩnh Hào, Đỗ Hoàng Ý- 2015-2023).

2.Theo tác giả Liam Kelley (Lê Minh Khải): sau *Hậu Hán thư* gần một thế kỉ (khoảng 515-524) trong cuốn *Thủy kinh chú* (*Shuijing zhu* 水經注) của Li Daoyuan (Lịch Đạo Nguyên), có đoạn như sau:

後朱戴雒將子名詩索麓冷雒將女名徵側為妻。側為人有膽勇，將詩起賊  
(案近刻訛為妻)，攻破州郡，服諸雒將，皆屬徵側為王，治麓冷縣。

“Sau con trai của một Lạc tướng ở Chu Diên có tên Thi lấy con gái Lạc tướng Mê Linh là Trưng Trắc làm vợ. Trắc rất can đảm. Thị lôi kéo Thi khởi loạn (chú: gần đây khắc sai “Thi” thành “thê”), tấn công [đầu não của] châu quận và chinh phục các Lạc tướng khác, họ đều tôn Trắc làm vua, đóng đô ở Mê Linh” (Người dịch: Hoa Quốc Văn).

<https://leminhkhai viet.wordpress.com/tag/nguyen-phuong-hau-han-thu-thuy-kinh-chu-dai-viet-su-ki-toan-thu/> (khoảng năm 2013- 2014)



### Người viết phiên âm Hán Việt đoạn văn tác giả Lê Minh Khải trích dẫn:

*Hậu chu diên lạc tướng tử danh thi sách mi linh lạc tướng nữ danh trung trắc vi thê trắc vi nhân hữu đảm dũng tương thi khởi tặc (Án cận khắc ngoa vi thê) công phá châu quận phục chư lạc tướng giai thuộc\* trung trắc vi vương trị mi linh huyện.*

\* chữ 麓: âm Hán Việt là **Mi**.

\* chữ 將 có các âm Hán Việt: *tương, tướng*. Trong câu văn trên, đọc là *tương* với nghĩa *giúp đỡ, phụ trợ*.

\* chữ 屬 có các âm Hán Việt: *chúc, thuộc, chú*. Trong câu văn trên đọc là *thuộc* với nghĩa *thuộc về, phụ thuộc*.

**Tạm dịch nghĩa:** Về sau con trai Lạc tướng Chu Diên tên Thi (hỏi) lấy con gái Lạc tướng Mi Linh tên Trung Trắc làm vợ. Trắc là người can đảm dũng lược phụ trợ Thi khởi loạn. (Khảo xét: gần đây khắc sai thành “thê”), đánh phá châu quận, quy phục được các Lạc tướng, họ đều theo (phò) Trung Trắc làm vua, đóng đô ở huyện Mi Linh.

### Ghi chú và khảo luận:

Theo nguyên bản chữ Tàu, câu văn viết không có dấu phẩy, dấu chấm, tên người, địa danh không viết chữ hoa, nhưng câu văn trong *Thủy Kinh Chú* thuận và mạch lạc nên dễ hiểu hơn câu văn trong *Hậu Hán thư*, giúp người sau nhận ra được chữ “**sách**” là động từ chỉ việc hỏi (lấy) vợ, vì thế không hiểu nhầm đây là tên người.

### 3. Theo tác giả **Phạm Văn Ánh** (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, 2014):

(<http://yeuhannom.blogspot.com/2014/04/cuoc-khoi-nghia-hai-ba-trung-lan-gio.html>)

Trong Thủy kinh chú, quyển 37, “Diệp Du hà” (葉榆河, sông Diệp Du) viết:

“*Huyện Mi Linh bắt đầu được lập từ năm thứ 6 niên hiệu Nguyên Đĩnh thời Hán Vũ đế [tức năm 111], có quan Đô úy cai trị. Sách Giao Châu ngoại vực kí (交州外域誌) viết: ‘Quận Giao Chỉ cho đến châu, vốn trị sở ở đó, tên châu là Giao Châu. Về sau, con trai Lạc tướng tên là Thi Sách\* lấy vợ là Trung Trắc con gái Lạc tướng ở Mi Linh. Trắc là người có đảm lược và dũng mãnh, cùng Thi Sách\* dấy binh làm giặc, đánh phá châu quận, thu phục các Lạc tướng, họ đều theo, Trung Trắc lên làm vua, trị sở đóng ở huyện Mi Linh, dân hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân đều phải đóng thuế. Sau nhà Hán sai Phục ba tướng quân Mã Viện đem quân đánh, Trung Trắc, Thi Sách\* chạy vào khe núi Kim Khê, ba năm thì bắt được, lúc đó Tây Thục cũng đem quân cùng đánh Trung Trắc, bình định được các quận huyện rồi lập ra quan Lệnh trưởng vậy’.*”

Lại viết:

“*Tháng Chín năm thứ 19 niên hiệu Kiến Vũ [43], Mã Viện tâu rằng: ‘Thần kính xin cùng 1 vạn 2 ngàn tinh binh Giao Chỉ, cùng đại binh hợp lại thành 2 vạn, 2 ngàn lâu thuyền lớn nhỏ, tự mình vào Giao Chỉ, đến nay đã đầy đủ. Tháng Mười, Viện vào Cửu Chân, đến huyện Vô Thiết, bôn giặc hàng. Tiến đến Dư Phát, tướng giặc là Chu Bá bỏ quận, trốn vào rừng sâu. Nơi ấy tế tượng tụ hợp thành từng đàn. Viện lại chia quân tiến vào huyện Vô Biên, đình Cửu Chân của Vương Mãng, đến huyện Cư Phong, tướng không hàng, bèn chém mấy trăm thủ cấp, Cửu Chân bèn yên’.*”

**Ghi chú:**

\* Xin xem đoạn văn (số 3), phần trích dẫn *Hậu Hán thư* trên đây, giải thích về *tên* của vị anh hùng: *ông Thi*.

\* đoạn văn:

*Về sau, con trai Lạc tướng tên là Thi Sách\* lấy vợ là Trưng Trắc con gái Lạc tướng ở Mi Linh. Trắc là người có đảm lược và dũng mãnh, cùng Thi Sách\* dấy binh làm giặc, đánh phá châu quận, thu phục các Lạc tướng, họ đều theo, Trưng Trắc lên làm vua, trị sở đóng ở huyện Mi Linh, dân hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân đều phải đóng thuế. Sau nhà Hán sai Phục ba tướng quân Mã Viện đem quân đánh, Trưng Trắc, Thi Sách\* chạy vào khe núi Kim Khê, ba năm thì bắt được. (Người dịch: Phạm Văn Ảnh).*

là dịch từ đoạn văn (phiên âm Hán Việt):

*..... Chu Diên Lạc tướng tử danh Thi, sách Mi Linh\* Lạc tướng nữ danh Trưng Trắc, vi thê. Trắc vi nhân hữu đảm dũng tương\*\*\*Thi khởi tặc, công phá Châu, Quận, phục chư Lạc tướng giai chúc\*\* Trắc vi vương, trị Mi Linh huyện, đắc Giao Chỉ, Cửu Chân nhị quận dân nhị tuế điệu phu. Hậu Hán khiển Phục Ba Tướng quân Mã Viện tương\*\*\*\* binh thảo. Trắc, Thi tâu nhập Kim Khê cứu\*\*\*\* tam tuế nãi đắc.*

(Thủy Kinh chú, quyển 37, Diệp Du thủy)

\* trong *Đại Việt sử kí toàn thư*, dưới địa danh 麓冷 (Mi Linh) có cước chú:

麓音縻 – Mi âm Mi. Chữ 麓 và 縻 cùng có âm đọc là Mi.

Chữ 麓 trong tên địa danh 麓冷 (Mi Linh) đúng ra đọc là **Mi** chứ không phải là *Mê*.

\*\* chữ 屬 có các âm Hán Việt: *chúc, thuộc, chú*. Trong câu văn trên nên đọc là *thuộc* với nghĩa *thuộc về, phụ thuộc*.

\*\*\*hai chữ *tương* đồng âm Hán Việt nhưng dị nghĩa và viết khác nhau:

-*tương Thi*: chữ *tương* 相 (bộ mục) có nghĩa *giúp đỡ, phụ trợ*.

-*tương binh*: chữ *tương* 將 (bộ tướng) có nghĩa *đem quân đi, chỉ huy quân đi*.

\*\*\*\* *Hậu Hán thư* ghi: Cẩm Khê cứu.

**Theo thiên ý, nên tạm dịch như sau:**

..... Con Lạc tướng Chu Diên tên là Thi, đi hỏi con gái Lạc tướng Mê Linh tên Trưng Trắc làm vợ. Trắc là người can đảm, hùng dũng, phụ trợ Thi nổi lên làm giặc, đánh phá các Châu, Quận, quy phục các Lạc tướng, họ đều chịu theo (phò) Trắc làm vua, đóng đô ở huyện Mi Linh, được\* dân ở hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân nộp hai năm thuế. Sau đó Hán triều sai Phục Ba tướng quân Mã Viện đem quân đánh dẹp. Trắc, Thi chạy vào chỗ tận cùng dòng thác (trong động núi) Kim Khê\*\*, ba năm mới bắt được.

\* Câu: 得交趾, 九真二郡民二歲調賦

**đắc\*Giao Chỉ, Cửu Chân nhị quận dân nhị tuế điệu phu.**

Theo tác giả **Minh Di**, trong *Thủy Kinh Chú Sớ*, Dương Thủ Kính và Hùng Hội Trinh dẫn câu hiệu đính của Đái Chân (1723-1777) sửa (đổi?) chữ 得 **đắc** (được) thành chữ 復 **phúc** (miễn):

.... **phúc\*Giao Chỉ, Cửu Chân nhị quận dân nhị tuế điệu phu.**

....miễn cho hai năm thuế hộ cho dân hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân.

**Ghi chú:**

\*Chữ 復, âm đọc: *phúc* hoặc *phục*, ở đây có nghĩa miễn trừ.

\*\*Kim Khê Cửu 金溪究: 溪 Khê: dòng suối trong vùng núi.

究 Cửu: Chỗ dòng suối (khe nước) nước chảy xiết trên cát đá gọi là *cứu*- Thác trong khe núi – Chỗ tận cùng của dòng suối chảy xiết.

\*

Phối hợp ba đoạn văn do các tác giả Nguyễn Phương, Lê Minh Khải, Phạm Văn Ánh trích dẫn từ *Thủy kinh chú* thì thấy:

- không nói gì đến Thái Thú Tô Định, không ghi gì về nguyên do của cuộc khởi nghĩa,
- không nhắc đến Bà Trưng Nhì,
- không ghi Bà Trưng Chắc khởi nghĩa năm nào và xưng Vương năm nào.
- **Bà Trưng Chắc phụ trợ ông Thi khởi nghĩa, cùng chiến đấu đến khi bại trận, cùng lui chạy vào Cẩm (Kim) Khê.**

\*

## **Những dữ kiện liên quan đến cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà cần phải được kiểm chứng**

Xin liệt kê dưới đây một số những dữ kiện liên quan đến cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà để người đọc biết đến, kiểm chứng và suy xét cẩn thận vì những chi tiết này được phổ biến trên một số trang mạng nhưng các tác giả hoặc đã không trưng đủ bằng chứng rõ ràng, hoặc không ghi rõ xuất xứ hay tài liệu tham khảo.

Rất mong được các bậc thức giả cao minh chỉ giáo.

### **1. Những ghi chép của tác giả Trần Đại Sỹ:**

\*Trong chuyến đi với Ủy Ban Y học Pháp Hoa năm 1978-1979, ông thấy tại các tỉnh Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu, Tứ Xuyên có đến hơn trăm đền miếu thờ những tướng lĩnh thời Vua Bà. Tại Hồ Nam có nhiều di tích về đạo thờ Vua Bà hơn các tỉnh khác, nhưng không ai còn nhớ Vua Bà là ai.

Tác giả Trần Đại Sỹ cho rằng Đạo thờ Vua Bà tại các tỉnh nam Trung Hoa là di tích của lòng tôn kính thờ anh hùng dân tộc của tộc Việt trên lãnh thổ cũ của người Việt còn sót lại. Vua Bà được thờ như một thứ tôn giáo, chính là Vua Trung.

\*Năm 1979 ông tìm thấy tại thư viện bảo tồn di tích cổ ở tỉnh Hồ Nam (phía Nam Động Đình Hồ, Trung Hoa) cuốn phổ soạn vào thế kỷ thứ 8 ghi chép trận đánh Động Đình Hồ có đoạn như sau:

*“Quang Vũ nhà Hán sai Phục Ba tướng quân Tân Tứ Hầu Mã Viện. Long Nhượng tướng quân Thận hầu Lưu Long đem quân dẹp giặc. Vua Bà sai nữ tướng Phật Nguyệt tổng trấn hồ Động đình. Mã Viện, Lưu Long bị bại. Vua Quang Vũ truyền Nhị thập bát tú nghênh chiến, cũng bị bại. Nữ vương Phật Nguyệt phép tắc vô cùng, một tay nhổ núi Nga mi, một tay nhổ núi Thái sơn, đánh quân Hán chết, xác lấp sông Trường giang, hồ Động đình, oản khí bốc lên tới trời.”*

\*Trong bài viết có tựa đề “*Thử tìm lại biên giới cổ của Việt Nam*” trên diễn đàn Lý Học Đông Phương, vốn là bài diễn văn tiếng Pháp của tác giả Trần Đại Sỹ đọc trong dịp khai giảng niên khóa 1991-1992 tại Viện Pháp – Á, được dịch giả Tăng Hồng Minh đăng tải, tác giả Trần Đại Sỹ:

- đã nhắc tới nhiều luận điểm khẳng định biên giới Việt cổ nằm ở hồ Động Đình. Những luận điểm này được tác giả khảo cứu và viếng thăm tận nơi.

- Thiên đài nơi vua Đế Minh tế cáo trời là có thật, nằm gần bên bờ Tương Giang. Trên đỉnh này có một ngôi chùa nhỏ, bên trong còn có nhiều chứng tích về Hai Bà Trưng và trận Động Đình.

- Tác giả Trần Đại Sỹ còn tìm thấy một tài liệu mang tên “*Thiên đài di sự lục*” tại thư viện Hồ Nam, trong đó miêu tả rõ ràng Thiên đài thờ vua Đế Minh và vua Kinh Dương.

\* Huyền sử (những cuốn phổ) ghi rằng: Vào đầu năm Kỷ Hợi (39 Tây lịch) bà Trưng Nhị cùng các tướng Trần Năng, Phật Nguyệt, Trần Thiều Lan, Lại Thế Cường đánh Trảng Sa. Trong trận đánh này, nữ tướng Trần Thiều Lan tử trận, được mai táng ở ghềnh sông Thâm giang. Thâm giang chính là đoạn sông ngắn ở bắc, tiếp nối với hồ Động Đình.

Một cuốn phổ khác, chép vào thời Nguyễn, ghi rằng: *Các sứ thần triều Lý, Trần, lệ khi qua đây đều có sắm lễ vật đến cúng miếu thờ bà Trần Thiều Lan.*

Năm 1980, tác giả Trần Đại Sỹ đến tận nơi tìm hiểu thấy trong cuốn địa phương chí do sở du lịch Trảng Sa cấp, có đoạn chép: *Miếu thờ liệt nữ Trần Thiều Lan ở đầu sông Tương. Hồi cách mạng văn hóa bị phá hủy. Tượng đồng bị nấu ra. Vệ binh đỏ phá luôn cả bia đá.*

Khi ông đến nơi, thì miếu chỉ còn lại cái nền bằng đá ong, mộ vẫn còn.

\*Giáo sư sử học Đoàn Văn ở Côn Minh cho hay:

*“Trong truyền thuyết dân gian nói rằng hồi đầu thế kỷ thứ nhất có trận đánh giữa quân vua Bà với quân Hán tại Bồ Lãng. Nay Bồ Lãng nằm trên lãnh thổ Tứ Xuyên, chỗ ngã ba sông Trường giang và Ô giang.”*

Huyền sử kể rằng: ba tướng họ Đào là Chiêu Hiền, Đô Thống và Tam Lang được Vua Trưng trao cho trấn tại Tượng quận (Vân Nam). Nhưng vì quân ít, thế cô, ba ông không chống lại với quân Hán do Vương bá chỉ huy. Ba ông đã tự tận.

Tác giả Trần Đại Sỹ đến bến Bồ Lãng thuộc huyện Bồ Lãng, tỉnh Tứ Xuyên, để tìm hiểu. Tại đây ông được nhân viên Sở du lịch hướng dẫn đến miếu thờ 3 vị thần, tướng của Vua Bà. Nhưng bản thân họ cũng không biết tên của Vua Bà và 3 vị tướng, chỉ biết Vua Bà là người nổi lên chống tham quan thời Hán, cả vùng đó đều có đạo thờ Vua Bà (*lên đồng*).

Miếu thờ có rất nhiều câu đối, nhưng cuộc cách mạng văn hóa 1965-1967 của Đảng Cộng sản Tàu đã hủy gần hết các câu đối này. Tác giả Trần Đại Sỹ thấy còn ba câu đối.

Phía trước cửa miếu có câu đối rằng:

Khẳng khái, phù Trưng, thời bất lợi,  
Đoạn trường, trọc Định, tiết... can vân.

Nghĩa là:

Khẳng khái phù vua Trưng, ngặt thời của Ngài không lâu.  
Đuối được Tô Định, nhưng đau lòng thay, phải tự tận khí tiết ngút từng mây.

Phía trong miếu có câu đối:

Giang thượng tam anh phù nữ chúa,  
Bồ Lãng bách tộc khóc thần trung.

Nghĩa là:

Trên sông Trường giang, ba vị anh hùng phò tá nữ chúa,  
Tại bến Bò Lãng, trăm họ khóc cho các vị thần trung thành.

Tượng quận dương uy nhiều tướng lược,  
Bò lãng tuần tiết tận thần trung.

Nghĩa là:

Trận Tượng quận dương oai, rõ tài tướng giỏi,  
Bến Bò Lãng tuần tiết, tỏ ra thần trung.

### Ghi chú của người viết:

Theo những ghi chép trên đây thì sự việc **cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà đã diễn ra trong khắp vùng Lĩnh Nam là sự kiện lịch sử khá chắc chắn** cần được tìm hiểu thêm vì ngoài tác giả Trần Đại Sỹ còn có những biên khảo khác cho biết đến cuối thế kỷ XX vẫn còn nhiều đền, miếu thờ các tướng lĩnh của cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà trong vùng Lĩnh Nam.

Tuy nhiên, vì đến nay tác giả Trần Đại Sỹ đã **không đưa ra bằng chứng hình ảnh nào** về những điều ông trình bày, những nơi bên Tàu ông đã *đến thăm tận nơi, khảo xét tận mắt* từ cuối thập niên 1970, về các đền, miếu thờ các tướng lĩnh của cuộc khởi nghĩa, nên các sự kiện kể ra trong bản tóm lược sau đây còn cần được kiểm chứng.

- Đền thờ nữ tướng Trần Thiệu Lan ở đầu sông Tương. Tương truyền người được mai táng ở ghềnh sông Thâm Giang. Thâm Giang là một đoạn sông ngắn ở đoạn phía Bắc của sông Tương, tiếp nối với hồ Động Đình. Sự kiện này cũng được ghi trong Quốc phủ thời Nguyễn chép rằng các sứ thần nước ta từ các triều Lý, Trần, Lê ... khi đi ngang qua đây đều sấm lễ vật đến cung bái tại đền thờ ngài.

Trong đền có đôi câu đối:

*Tịch trừ Động Đình uy trấn Hán,*

*Phương lưu thanh sử lục phù Trưng.*

- miếu thờ 3 vị thần họ Đào ở ngã ba Ô giang và Trường giang nơi bến Bò Lãng.

Ngay trước miếu có đôi câu đối ca tụng công lao của 3 vị tướng họ Đào đã khăng khải theo phò vua Trưng:

*Khăng khải phò Trưng thời bất lợi,*

*Đoạn trường trực Định tiết can văn.*

Bên trong miếu thờ có đôi câu đối:

*Giang thượng tam anh phò nữ chúa,*

*Bò Lãng bách tộc khắp trung thần.*

Tướng Đào Kỳ lĩnh chức Đại Tư mã thời vua Trưng. Tướng Đào Hiền Hiệu tước phong quốc công, giữ chức Hồ nha đại tướng quân. Nữ tướng Hoàng Thiệu Hoa chỉ huy trận rút lui khỏi Trường Sa, hồ Động Đình, đã giao tướng Hiền Hiệu đi can hậu, đóng ở Thiên Đài, đợi quân Lĩnh Nam rút hết, sẽ rút sau. Nhưng Hiền Hiệu cùng chư quân lên núi thấy di tích thời Quốc tổ, Quốc mẫu, nên không chịu lui quân, quyết tử chiến, khiến quân Hán chết hại rất nhiều.

- tại quận Khúc Giang, Thiệu Quan, tỉnh Quảng Đông còn đền thờ nữ tướng Đàm Ngọc Nga, tước Nguyệt Điện Tế Thế công chúa, giữ chức Tiền Đạo tá tướng quân, phó thống lĩnh đạo binh Nam Hải.

- tại Khúc Giang còn có đền thờ nữ tướng Trần Thị Phương Châu, tước Nam Hải Công Chúa. Ng ai tuần quốc tại đây vào đầu cuộc khởi nghĩa năm 39. Sử Việt có ghi vào năm 1288, Vua Trần Nhân Tông đã sai Đại thần Đoàn Nhữ Hài qua Khúc Giang trùng tu đền thờ ngài.

- Tại Quảng Đông và Quảng Tây có nhiều đền thờ nữ tướng Nguyễn Thánh Thiên, tước Thánh Thiên Công Chúa, giữ chức Bình Ngô đại tướng quân, thống lĩnh binh mã trấn thủ vùng Nam Hải. Ngài hi sinh tại vùng này vào năm 42.

- Dọc miền duyên hải Quảng Đông, Phúc Kiến, và đảo Hải Nam có nhiều đền thờ nữ tướng Trần Quốc (Nàng Quốc), tước Gia Hưng công chúa, giữ chức Trung Dũng đại tướng quân, Đô đốc, trưởng quân thủy quân trấn bắc Nam Hải. Dân các vùng này đã tôn ngài là Giao Long Tiên Nữ giáng trần vì ngài rất hiển linh.

(trích dẫn và tóm lược từ các bài trên internet, chính yếu từ bài *Thử tìm lại biên giới cổ của Việt Nam bằng cổ sử, bằng triết học, bằng di tích và hệ thống AND*, Trần Đại Sỹ, Giám đốc Trung Quốc sự vụ, Viện Pháp Á (Institut Franco-Asiatique (IFA), đọc trong dịp khai giảng niên khóa 1991-1992, nguyên văn bằng tiếng Pháp, bản dịch tiếng Việt của Tăng Hồng Minh)

Tác giả Trần Đại Sỹ đã may mắn có dịp đi Tàu, đến tận nơi thăm nhiều đền, miếu thờ các vị tướng lĩnh thời Hai Bà khởi nghĩa, nhưng tiếc là ông đã không chụp hình ảnh những nơi đền, miếu thờ đó với những câu đối làm bằng chứng. Thêm nữa, những điều ông ghi chép có nhiều điểm mơ hồ:

- ghi “huyền sử” một cách mơ hồ: huyền sử Tàu hay huyền sử Việt? được ghi lại trong văn bản nào?

- không ghi rõ những cuốn phổ ghi về trận đánh tại Động Đình hồ, trận đánh Tràng Sa, về bà Trần Thiều Lan được lưu giữ ở đâu? Được soạn vào thế kỷ nào? Do ai soạn?

- lại ghi “*cuốn phổ khác chép vào thời Nguyễn*” là cuốn phổ nào? Được lưu giữ ở đâu, bên Tàu hay tại Việt Nam? Được lưu giữ ở đền, miếu tại làng nào? Do ai soạn vào năm nào?

Theo lệ xưa, các cuốn **phổ** (*thần phả, thần tích*) lưu giữ tại các đền thờ anh hùng, liệt nữ hoặc các danh nhân v.v... đều ghi rõ tên người soạn cùng tước vị, phẩm trật, năm, niên hiệu, triều đại khi thần phả được soạn.

- Chi tiết ghi mơ hồ về địa điểm miếu thờ: các sứ thần khi qua đây? Đến miếu thờ ở tỉnh nào bên Tàu?

**2.** Những ghi chép của tác giả **Trần Hưng** đăng trên trang mạng: [https://trithucvn.org/van-hoa/dung-binh-yeu-chi-cuon-sach-co-chan-dong-trung-nguyen-p1.html,\(4/10/2022\):](https://trithucvn.org/van-hoa/dung-binh-yeu-chi-cuon-sach-co-chan-dong-trung-nguyen-p1.html,(4/10/2022):)

\* trong bài *Huyền sử về cuốn cổ thư Đại Việt nhiều lần làm chấn động Trung Nguyên*:

Sử Trung Quốc còn ghi chép lại lời buộc tội Mã Viện của Phò mã Lương Tùng tâu lên vua Quang Vũ: “*Trận Động Đình hồ bị Phật Nguyệt đánh tan ba mươi vạn quân. Trận Nam Hải bị Thánh Thiên giết bốn mươi vạn. Phụ hoàng sai y đánh Lĩnh Nam, làm thiệt bốn mươi vạn quân, các đại tướng danh tiếng Phùng Đức, Sầm Anh, Liêu Đông Tứ Vương chết.*”

\* các trận chiến ở Hợp Phố và Nam Hải

([https://spiderum.com/bai-dang/Cuon-co-thu-cua-Dai-Viet-nhieu-lan-lam-chan-dong-Trung-Nguyen-P1-he7](https://spiderum.com/bai-dang/Cuon-co-thu-cua-Dai-Viet-nhieu-lan-lam-chan-dong-Trung-Nguyen-P1-he7):)):

- trận chiến Hợp Phố là trận đánh nổi tiếng trong sử Việt trước đây. Mã Viện 3,4 lần cho toàn quân công thành nhưng đều thảm bại.

Thánh Thiên cho quân vượt thành bày trận nhiều lần đánh tan quân Mã Viện, khiến vị tướng này phải dâng biểu về Triều đình xin thêm quân tinh nhuệ và than thở rằng:

“*Nam bang có nữ tướng Thánh Thiên dụng binh như thần, trí dũng thiên phương, không sao phục được. Xin bệ hạ phái thêm các tướng giỏi và tiếp thêm quân sĩ sang giúp sức.*”

-trận đánh ở biển Nam Hải rất nổi tiếng trong sử xưa, vang dội 1.400 năm mãi đến thời nhà Trần. Nữ tướng Gia Hưng Trần Quốc sử dụng “*Dụng binh yếu chỉ*” dàn quân trên biển (ngày nay theo ghi chép từ dân gian truyền lại thì nữ tướng Trần Quốc được viết là “Nàng Quốc”).

Chiến thuyền quân Hán do tướng Đoàn Chí nướm nượp tiến vào. Quân Hán 6 lần tiến quân, nhưng nữ tướng Trần Quốc sử dụng thế trận tài tình biến hóa khôn lường 6 lần đánh lui đại quân nhà Hán, đánh nhiều trận khiến quân tướng nhà Hán thất kinh. Thậm chí tướng giỏi như Đoàn Chí cũng phải bỏ mạng nơi vùng biển Nam Hải, thủy binh quân Hán bị thiệt hại vô số.

\*dưới sự chỉ huy trực tiếp của Thánh Thiên, quân Hai Bà Trưng đã đánh bại 12 đại tướng quân của nhà Hán là:

- Phục ba đại tướng quân, Tân Tứ hầu Mã Viện.
- Phiêu kỵ đại tướng quân, Phù Lạc hầu Lưu Long.
- Lâu thuyền tướng quân, Nam An hầu Đoàn Chí.
- Chinh Tây đại tướng quân Chu Long.
- Chinh Nam đại tướng quân Trịnh Sư.
- Uy viễn đại tướng quân Ngô Anh.
- Trấn uy đại tướng quân Vương Hùng.
- Long nương đại tướng quân Sầm Anh.
- Chinh di đại tướng quân Phùng Đức.
- Hồ nha đại tướng quân Mã Anh.
- Trấn viễn đại tướng quân Mã Huống.
- Bình man đại tướng quân Mã Dư.

Thêm nữa, dù quân số tham gia vào những trận đánh này ngày nay không thể khảo cứu chính xác, nhưng theo nhà nghiên cứu **Trần Đại Sỹ** thì có thể là 45 vạn quân Hán đã tử trận. Đây quả là một chiến công ngoài sức tưởng tượng.

**Ghi chú của tác giả Trần Hưng, trithucvn.org:** Một số chi tiết trong bài viết thuộc về huyền sử hoặc dã sử, không được ghi chép trong chính sử. Mong độc giả lưu ý.



**Ghi chú của người viết:** Ngoài các ghi chép trên đây của hai tác giả Trần Đại Sỹ và Trần Hưng, trên internet đã có rất nhiều bài viết về lịch sử Việt cổ vào thời Hai Bà khởi nghĩa. Nhiều tác giả đã không ghi rõ xuất xứ của các chi tiết thuộc về huyền sử hoặc dã sử:

- huyền sử: ghi trong các thần phả ở đền, miếu thờ nào?
- dã sử: ghi trong truyện nào, ai là tác giả?

Mong sẽ được các bậc thức giả cao minh chỉ giáo, giúp kiểm chứng những ghi chép của các tác giả không ghi rõ nguồn trích dẫn hoặc xuất xứ.





# Một số ghi chép của các giáo sĩ Âu Tây dựa theo cổ sử Tàu liên quan đến lịch sử Việt cổ thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa

Mùa Thu năm 2016, trong khi tra cứu và thu thập các ghi chép trong sử sách xưa về lịch sử Việt cổ thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa, người viết thấy được hai công trình biên khảo rất đáng lưu ý:

**I. Notes Historiques sur la Nation Annamite**, par Le P. Le Grand de la Liraye\* - Édition originale: 1866).

\* Le Père Théophile Marie Le Grand de la Liraye (1819–1873), giáo sĩ Jesuite (Đòng Tên – Đòng Chúa Giêsu - Hội đòng Giêsu).

Xin trích nguyên văn đoạn ghi chép về việc thất bại của cuộc khởi nghĩa như sau:

La reine se voyant alors trop faible, pour résister à un pareil déploiement de forces, se retira à Cẩm Khê où elle fut peu à peu abandonnée de tous ses partisans. Ce ne fut cependant que l'année suivante que Mã viện réussit à soumettre complètement le pays, et les annales chinoises nous disent que cette guerre dura huit ans, jusqu'à la bataille de Lâm hương qui acheva la destruction de l'armée des barbares.

(trang 39)

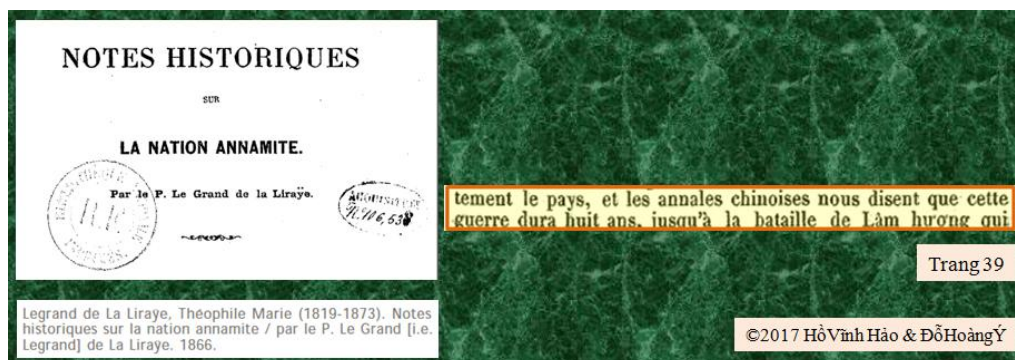
Theo ghi chép của Le P. Le Grand de la Liraye, có **mấy điều quan trọng** cần lưu ý là:

- không thấy ghi chung cuộc của Hai Bà như thế nào? bị tử trận hay bị bắt? Hai Bà tuấn tiết? hay trốn thoát được và lánh xa đến nơi khác?

- ghi rõ là Hai Bà thua trận chiến cuối cùng ở *Lâm Hương*\*? nhưng không ghi rõ *Lâm Hương*\* ở đâu?

- Các cổ sử Tàu cho biết cuộc chiến kéo dài **tám** năm (... *les annales chinoises nous disent que cette guerre dura huit ans...*), nhưng không thấy ghi từ năm nào đến năm nào?

Tiếc là Le P. Le Grand de la Liraye đã không kể tên các *annales chinoises* để người đời sau có thể kiểm chứng!



## Ghi chú và Khảo luận:

\*Địa danh **Lâm Hương 临乡**: Vào thời nhà Tần, Tràng Sa là một quận phía nam hồ Động Đình có trị sở là “huyện Tương”, được đổi thành “huyện Lâm Tương”. Năm 202 TCN, nhà Tây Hán thành lập nước chư hầu: vương quốc Tràng Sa. Khai quốc công thần của nhà Tây Hán là Ngô Nhuế được phong làm Tràng Sa vương đầu tiên. **Lâm Tương 臨湘 cổ thành** là quốc đô nước Tràng Sa.

Năm 157 TCN, Hán Cảnh Đế phong con thứ là Lưu Phát (劉發) làm Tràng Sa Định vương. Lưu Thuần là Tràng Sa vương cuối cùng dưới thời Tây Hán.

Năm 8, Vương Mãng soán ngôi ấu đế Nhữ tử Anh, lập ra nhà Tân, bãi bỏ toàn bộ các nước chư hầu do Tây Hán lập ra. Vương quốc Tràng Sa bị bãi bỏ và đổi thành quận Điền Man, quốc đô Lâm Tương (cổ thành) (huyện Lâm Tương khi trước) bị đổi thành huyện Phủ Mục.

Năm 25, Hán Quang Vũ đế (Lưu Tú) lập nhà Đông Hán. Năm 26, Quang Vũ đế tái lập nước Tràng Sa, phong Lưu Hưng (con Lưu Thuần) làm Tràng Sa vương.

Vào năm 37, Hán Quang Vũ Đế cải phong Tràng Sa vương thành Tràng Sa hầu, bãi bỏ nước Tràng Sa để lập thành huyện **Lâm Hương**, trực thuộc quận Tràng Sa. Lâm Tương cổ thành được đổi là Tràng Sa thành.

[https://www.wikiwand.com/vi/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng\\_Sa\\_\(n%C6%B0%E1%BB%9Bc\)](https://www.wikiwand.com/vi/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_Sa_(n%C6%B0%E1%BB%9Bc)).

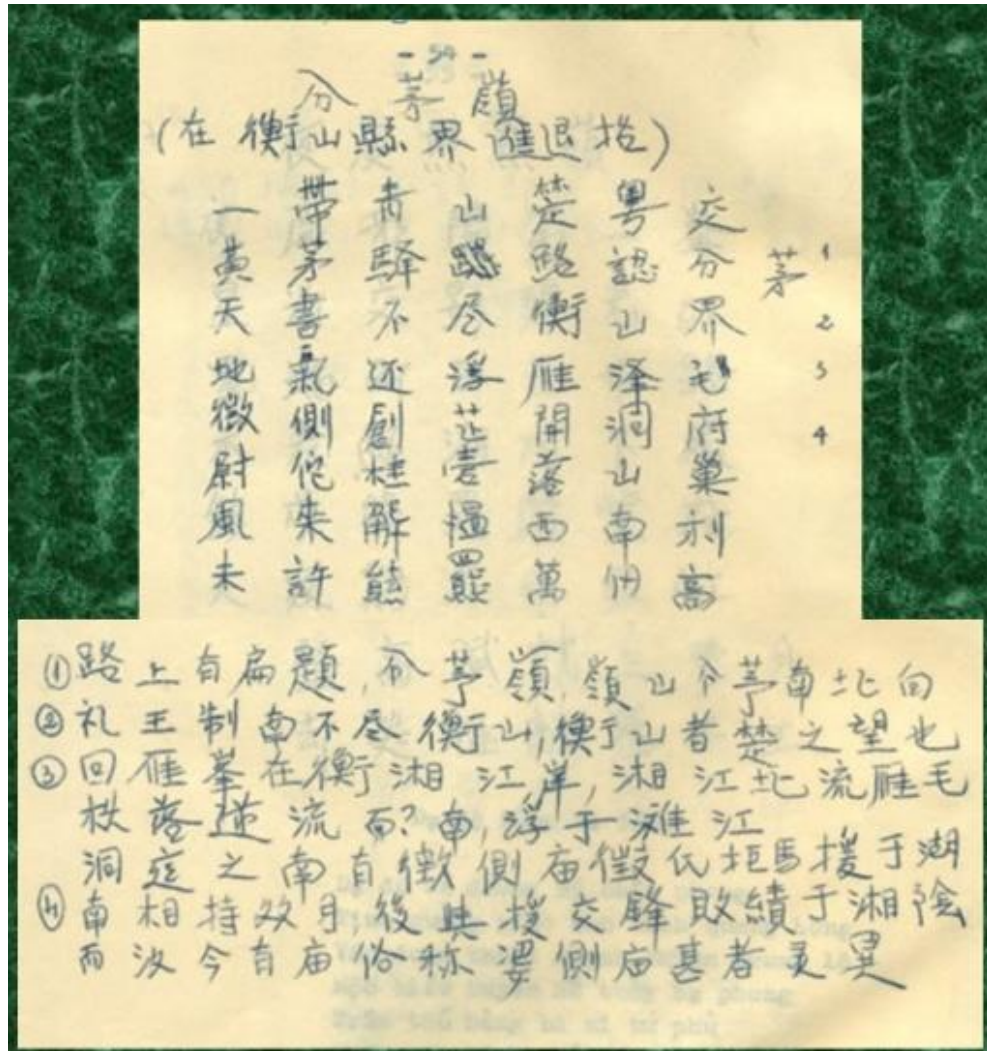
Nay vì định được địa danh Lâm Hương trong địa phận Tràng Sa, Hồ Nam cho thấy là ghi chép của Le P. Le Grand de la Liraye:

*... jusqu'à la bataille de **Lâm Hương** qui acheva la destruction de l'armée des barbares.*

khá phù hợp với ghi chép của danh sĩ Ngô Thì Nhậm (1746-1803) trong chú thích kèm theo bài thơ *Phân Mao Lĩnh* làm khi đi sứ bên Tàu hơn 70 năm trước (1793):

*..... Trưng thị cự Mã Viện vu Hồ Nam, tương trì sổ nguyệt, hậu dĩ Viện giao phong, bại tích vu Tương Âm nhi một.*

Theo như thế, chúng ta có thể biết được là: **Hai Bà thua trận chiến cuối cùng ở một nơi tại Hồ Nam – dù đấy là Lâm Hương hoặc Tương Âm- đều là nơi rất gần hồ Động Đình.**



Có vị, không nêu rõ tên, sưu tầm và đăng lên internet một bản chép tay bài thơ *Phân Mao Lĩnh* với lời chú thích như trên.

**Ghi chú:**

Người viết không rõ lời chú thích có phải là của danh sĩ Ngô Thì Nhậm không?  
 Rất mong sẽ được các bậc cao minh chỉ giáo.

**Phiên âm Hán Việt lời chú thích:**

1. Lộ thượng hữu biển đề: "Phân Mao Lĩnh", lĩnh sơn phân mao nam bắc hướng.
2. "Lễ - Vương chế": "Nam bát tận Hành sơn". Hành sơn giả, Sở chi vọng dã.
3. Hồi Nhạn phong tại Hành Tương giang ngạn, Tương giang bắc lưu, nhạn mao thu lạc, nghịch lưu nhi nam, phù vu than giang.
4. Động Đình chi nam hữu Trưng Trắc miếu, Trưng thị cự Mã Viện vu Hồ Nam, tương trì sở nguyệt, hậu dữ Viện giao phong, bại tích vu Tương Âm nhi một. Kim hữu miếu, tục xưng Bà Trắc miếu, thậm giả linh dị."

### Tạm dịch nghĩa:

1. Trên đường có biển đề: "Phân Mao Lĩnh" (núi Phân Mao), cỏ mao trên đỉnh núi rẽ hai phía về nam và bắc.
2. Thiên *Vương Chế*, sách *Lễ Ký* ghi: "Về phía nam không quá núi Hành sơn". Núi Hành sơn là tận cùng của đất Sở vậy.
3. Đỉnh Hối Nhạn bên bờ sông Hành Tương, sông Tương chảy về phía bắc, mùa thu lông chim nhạn rụng xuống, trôi ngược về phía nam, nổi đầy bãi sông.
4. **Phía nam Động Đình (hồ) có miếu Trưng Trắc, họ Trưng chống cự Mã Viện ở Hồ Nam, giao tranh ngang ngửa trong mấy tháng, sau đó cùng Viện giao chiến, bị thua ở *Tương Âm*\* mà mất.** Nay có miếu thờ, tục gọi là miếu Bà Trắc, rất là linh dị.

### Ghi chú:

\*Tương Âm 湘陰 : tên một huyện, vùng phía nam địa giới Nhạc Dương, thuộc tỉnh Hồ Nam, bên phía đông sông Tương, gần nơi sông Tương chảy vào hồ Động Đình.

Năm 1793, Ngô Thì Nhậm còn làm bài thơ *Tương Âm dạ phát* khi sứ bộ ghé nghỉ lại ở Tương Âm trên đường trở về đất Việt. Trong dịp này, rất có thể ông đã được nghe truyền sử truyền khẩu trong dân chúng sống quanh vùng hồ Động Đình về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà.

Bài thơ *Tương Âm dạ* 湘陰夜 của tác giả Nguyễn Du (*Bắc hành tạp lục*) có nhắc đến địa danh Tương Âm ở nơi nước sông Tương từ phía tây đến, chảy thông vào hồ Động Đình:

湘陰夜	Tương Âm dạ
滿目皆秋色，	<i>Mãn mục giai thu sắc</i>
滿江皆月明。	<i>Mãn giang giai nguyệt minh</i>
寂寥今夜望，	<i>Tịch liêu kim dạ vọng</i>
遷謫古人情。	<i>Thiên trích cổ nhân tình</i>
秋水從西來，	<i>Thu thủy tòng tây lai</i>
茫然通洞庭。	<i>Mang nhiên thông Động Đình</i>
靜夜息吟嘯，	<i>Tĩnh dạ tức ngâm khiêu</i>
無使蛟龍驚。	<i>Vô sử giao long kinh.</i>

(<https://www.thivien.net/Nguy%E1%BB%85n-Du/T%C6%B0%C6%A1ng-%C3%82m-d%E1%BA%A1/poem-grTLTd00-cFgfUKDV0weoA>).

Trích từ: **Hồ Quảng dư đồ** 湖廣輿圖 (Hu Kuan Yu Tu)  
(trong tập Đại Minh dư địa đồ 大明輿地圖 (Da Ming Yu Di Tu) (khoảng 1547-1559)  
Nguồn: Library of Congress Geography and Map Division Washington, D.C. 20540-4650 USA dcu  
Digital ID: <http://hdl.loc.gov/loc.gmd/g7820m.gct00125>



Sưu tầm và Chú thích © 2014-2023 Hồ Vĩnh Hào & Đỗ Hoàng Ý

**Điều rất quan trọng** là trong lời chú thích bài thơ *Phân Mao lĩnh*, danh sĩ Ngô Thì Nhậm ghi chú Hai Bà đã ngăn chặn, giao chiến với Mã Viện ở Hồ Nam, và Tương Âm là nơi Hai Bà thua trận chiến cuối cùng. Những điều này khác hẳn với các ghi chép trong *Hậu Hán thư*, *Thủy kinh chú* và các cổ sử Tàu khác từ thế kỷ thứ 5 đến nay.

**II. Chronologie Complète et Concordance avec L'ère Chrétienne, de toutes les dates concernant l'histoire de l'Extrême-Orient** (Chine, Japon, Corée, Annam, Mongolie, etc.) – (2357 AV.J.-C. – 1904 APR.J.-C.), par Le P. Mathias Tchang, S.J\*.- Variétés Sinologiques No.24, Synchronismes Chinois - Chang-Hai, Imprimerie de la Mission Catholique, Orphélinat de T'ou-se-Wi, 1905.

Sách được biên soạn rất kỹ lưỡng, công phu, tác giả kê cứu và đối chiếu với dương lịch mọi niên biểu, niên hiệu... mọi triều đại của các nước miền Viễn Đông. Các tài liệu tham khảo được liệt kê gồm 166 văn bản cổ sử Tàu, trong số đó có các bộ sử cổ được xem trọng nhất ở bên Tàu - Nhị thập tứ sử - và nhiều bộ cổ sử Việt.

**Ghi chú:** \* Le P. Mathias Tchang, S.J. là cách viết tắt của: **Le Père Mathias Tchang, Societas Jesu**; là giáo sĩ Jesuite (Dòng Tên – Dòng Chúa Giêsu - Hội dòng Giêsu).

S.J.: Theo tiếng Latin: *Societas Jesu*, tiếng Anh: Society of Jesus.

Xin trích nguyên văn trang ghi chép về thời Hai Bà Trưng kèm thêm chú thích như sau:

27		
28	<i>Sou Ting</i> 蘇定 gouverneur chinois avait exercé sa tyrannie chez les Annamites.	
29	Alors une courageuse femme nommée <i>Tcheng Tché</i> 徵側 osa convoquer ses compatriotes. Elle réussit à chasser <i>Sou Ting</i> . Ainsi elle se fit proclamer reine de <i>Kiao-tche</i> . La Chine envoya immédiatement contre elle <i>Ma Yuen</i> 馬援. Mais la reine résista aux troupes chinoises, de sorte que <i>Ma Yuen</i> fut forcé de lui abandonner le territoire.	
30		
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39	Reine 徵王 徵側	1
40	<i>Tchen Wang.</i>	2
41		3
42	Soumission aux Han 漢	4
43		

Trích từ:  
**Chronologie Complète et Concordance avec L'ère Chrétienne de toutes les dates concernant l'histoire de l'Extrême-Orient (2357 av.J.-C –1904 apr. J.-C.)**, par Le P. Mathias Tchang, S.J.- Imprimerie de la Mission Catholique, Orphelinat de T'ou-Se-Wi – Chang-Hai, 1905.  
 Tác giả liệt kê các tài liệu tham khảo gồm 166 văn bản cổ sử Tàu, trong đó có Nhị Thập Tứ Sử và nhiều sử liệu khác như:  
 146 Yué-che t'ong-kien-kang-mou 越絕通鑑綱目  
 147 Ta-nan ta'ien-pien li-tch'ouan 大南前編列傳

Theo ghi chép của Le P. Mathias Tchang, S.J., có **hai điều quan trọng** cần lưu ý:

- Bà Trưng khởi nghĩa vào khoảng năm 30-31 tây lịch, vì Thái Thú Tô Định (Sou Ting) cai trị dân Việt quá khắc nghiệt. Tác giả ghi năm 39 là năm thứ nhất của triều đại Trưng Vương.  
Như vậy, **cuộc khởi nghĩa đã kéo dài khoảng 8 năm**, từ khoảng năm 30-31 đến năm 39.
- Nhà Hán **đã lập tức** phái Mã Viện đem quân đến chống lại lực lượng khởi nghĩa vào khoảng năm 31-32, nhưng gặp sự kháng cự mãnh liệt đến độ **Mã Viện phải bỏ ý định đánh chiếm lĩnh thổ Giao Chỉ**.  
Hiểu theo như thế thì **quan quân Hán đã thất bại, không chiếm được Giao Chỉ**.

Giáo sĩ Le P. Mathias Chang, S.J. là người Tàu gốc, hẳn tinh thông cổ văn Tàu nên đã tham khảo 166 văn bản cổ sử Tàu, hoàn thành công trình nghiên cứu theo phương pháp khoa học Âu Tây, như vậy biên khảo có mức độ khả tín đáng trọng.

Tuy vậy, các ghi chép giữa hai tác giả Le P. Mathias Chang và Le P. Le Grand de la Liraye đã có điểm khác biệt về kết thúc của cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà.

Nhưng điểm thực đáng lưu ý là trong số những điều của hai tác giả Le P. Le Grand de la Liraye và Le P. Mathias Tchang ghi ghép, **có điều khác với và có điều khác hẳn với** những ghi chép trong các văn bản sử liệu của các sử quan, văn gia Tàu cũng như Việt đã được lưu truyền từ thế kỷ thứ 5 đến ngày nay.

Vì thế nên chúng ta cần phải thận trọng đối chiếu, kiểm chứng và suy xét những ghi chép, hầu mong có thể tìm lại được **sự thật về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà Trưng**.



### **Khảo luận về ghi chép trong biên khảo của Le P. Mathias Tchang, S.J.**

Theo **Đại Việt Sử lược** (thế kỷ 14, trong khoảng những năm 1377-1388, tác giả khuyết danh) viết vào khoảng đời Trần, dù bị Tiền Hy Tô, văn gia vào thời triều Càn Long (1736 - 1795) nhà Thanh bên Tàu, sửa đổi nhưng vẫn **không thấy ghi chép gì về Tích Quang và Nhâm Diên**.

Trong mục “*Quan thủ nhậm qua các thời đại*” chỉ thấy ghi các *quan thủ nhậm* Giao Chỉ là:

- Thạch Đái thời Vũ Đế, giữ chức Thứ sử Giao Chỉ **bộ** năm 106 TCN đến 86 TCN.
- Chu Chương đời Chiêu Đế, giữ chức Thứ sử Giao Chỉ **bộ** năm 86 đến 74 TCN.

- Ngụy Lăng Tử Minh đời Tuyên Đế, giữ chức Thứ sử Giao Chỉ **bộ** năm 73 đến 48 TCN.

.....  
 - Tô Định đời Hán Quang Vũ được cử làm Thái thú Giao Chỉ (**quận**) nhưng không ghi rõ từ năm nào.

Theo như ghi chép trong *Đại Việt sử lược*, suốt **khoảng thời gian 82 năm**, từ năm 48 TCN đến khi Tô Định được cử làm Thái thú\*, **không thấy ghi có quan thủ nhậm** nào làm Thứ sử Giao Chỉ bộ và cũng không thấy ghi có ai làm Thái thú Giao Chỉ quận.

**Ghi chú:**

\*- theo Le P. Mathias Chang, S.J., Tô Định được triều Đông Hán cử làm thái thú Giao Chỉ khoảng năm 28-29.

- theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* do Quốc sử quán triều Nguyễn soạn thảo khoảng năm 1856-1884: năm Giáp Ngọ (năm 34), năm Kiến Vũ thứ 10, triều Đông Hán dùng Tô Định làm Thái thú Giao Chỉ.

Khuyết Danh

## Đại Việt Sử Lược

略史越大

Thể Kỳ 14  
(1377 - 1388)

8 Đại Việt Sử Lược - Quyển I

### Quan Thủ Nhậm Qua Các Thời Đại

- Thạch Đái người thời Vũ Đế (140-86 trước Công nguyên-ND) nhà Hán.
- Chu Chương người đời Chiêu Đế (86-74 trước Công nguyên-ND)<sup>1</sup> nhà Hán.
- Ngụy Lăng Tử Minh<sup>2</sup> đời Tuyên Đế (73-48 trước Công nguyên-ND)<sup>3</sup> nhà Hán.
- Tô Định<sup>4</sup> người đời Quang Vũ (25-58 trước Công nguyên-ND)<sup>5</sup> nhà Hán.

Tựa sách:	Đại Việt Sử Lược	Năm
Soạn giả:	Khuyết danh	1377 - 1388
Dịch giả:	Nguyễn Gia Tường	1972
Nhà xuất bản:	Nhà xuất bản TP HCM Bộ môn Châu Á học Đại học tổng hợp TP HCM	1993
Chuyển sang ấn bản điện tử bởi:	Công Đê, Lê Bắc	2001
Điều hợp:	Lê Bắc - bacle@hotmail.com	2001

Quan thủ nhậm Giao Chỉ <b>bộ</b> , Giao Chỉ <b>quận</b> , vào các triều Tây Hán và đầu thời Đông Hán		
	Niên biểu (các niên biểu được ghi tương đối vì ghi chép trong các cổ sử thường sai biệt, không đồng nhất).	Ghi chú
Thạch Đái (Đới)	Thứ sử Giao Chỉ Bộ từ khoảng 106 đến 86 TCN	<i>Đại Việt sử lược</i> (1377-1388), bản dịch của Nguyễn Gia Tường, Hà Nội, 1972:



		từ <b>140</b> đến 86 TCN. Chi tiết này sai: Vì Giao Chỉ Bộ được thành lập năm 106 TCN.
Chu Chương	Thứ sử Giao Chỉ Bộ từ 86 đến 74 TCN	
Chúc Lương	Thứ sử Giao Chỉ Bộ từ 78 đến khoảng 73 - 74 TCN	Theo <i>Việt sử Tiêu Án</i> - Tác giả Ngô Thì Sĩ
Ngụy Lãng “Từ Minh” có thể là lỗi in sai trong <i>Đại Việt sử lược</i> (1377-1388), bản dịch của Nguyễn Gia Tường, Hà Nội, 1972 .	Thứ sử Giao Chỉ Bộ từ khoảng 73 đến khoảng 48* TCN. (không biết là tác giả <i>Đại Việt sử lược</i> (thế kỷ 14) ghi điều này hay văn gia đời Thanh (thế kỷ 17) ghi thêm vào sách.	<i>Hậu Hán thư</i> ghi Ngụy Lãng là Đô úy quận Cửu Chân, khoảng năm 157.  *Bản do Trần Quốc Vượng dịch (Nxb. Văn sử Địa, Hà Nội, 1960) ghi là từ 73 đến 49 TCN.
<b>Không có Thứ sử hay Thái thú nào trấn nhậm trong khoảng từ năm 48 TCN đến năm 2.</b>		
Tích Quang	Thái thú Giao Chỉ quận từ năm 2 đến 31.  ( <i>Đại Việt sử lược</i> không ghi điều này)	Tích Quang có thể chỉ được <i>phong không</i> , không hề trấn nhậm Giao Chỉ quận.
<b>(không có Thái thú trấn nhậm)</b>	từ năm 31 đến 34	Theo Le P. Mathias Tchang: - Tô Định được cử làm Thái thú khoảng năm 28-29. - Hai Bà khởi nghĩa khoảng năm 30-31.
Tô Định	Thái thú Giao Chỉ quận từ năm 34 đến khoảng năm 40 (?)  ( <i>Đại Việt sử lược</i> không ghi Tô Định làm Thái thú năm nào).	<i>Đại Việt sử lược</i> (1377-1388), bản dịch của Nguyễn Gia Tường, Hà Nội, 1972 có chỗ in sai về thời gian trị vì của (Đông Hán) Quang Vũ đế: 25 đến 58 <b>TCN</b> . Đúng ra là: 25 đến 57 Tây lịch.

Như thế, theo ghi chép trong *Đại Việt sử lược* chúng ta có thể hiểu là vào khoảng năm 48 TCN các Lạc tướng và quân dân các tộc Việt đã khởi nghĩa, thành công trong việc giải thoát Giao Chỉ khỏi ách đô hộ của Tàu (nhà Tây Hán):

**Giao Chỉ được độc lập, tự trị trong khoảng 82 năm từ năm 48 TCN đến** khi Đông Hán Quang Vũ đế (5 TCN- 57) (trị vì từ năm 25 đến 57) cử Tô Định làm Thái thú Giao Chỉ \*.

\*- theo ghi chép của Le P. Mathias Chang, S.J. thì vào khoảng năm 28-29.

- theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* thì vào năm 34.

Nhận xét này dẫn đến mấy **ngghi vấn** rất đáng lưu tâm như sau:

**1. Giao Chỉ đã độc lập và tự trị từ khoảng năm 48 TCN đến khoảng năm 34 theo những luật lệ - Việt luật- của các Lạc tướng của các tộc Việt.**

Hiển nhiên trong thời gian 82 năm đó, vì các triều đình Tàu - Tây Hán, Tân và Đông Hán- đều đã không chiếm giữ được, không cai trị Giao Chỉ bộ nên đã không thể cử *quan thủ nhậm* Giao Chỉ.

**2. Dù cho Hậu Hán thư có ghi như sau đây chẳng nữa:**

.....*thời Bình Đế có Tích Quang, người Hán Trung làm thái thú Giao Chỉ,....(năm 2)*

...*triệu hồi Thái thú Giao Chỉ Tích Quang về triều,.... (năm 31)*

Việc triều đình Tàu phong chức Thái thú cho Tích Quang vào năm 2, khi lĩnh thổ Giao chỉ đang độc lập, rất có thể chỉ là “*phong không*” (chỉ phong chức “*hờ*” mà thôi), chứ thực ra các triều đình Tàu không chắc đã thực sự có đất Giao Chỉ để cho Tích Quang đến trấn nhậm!

**3. Theo cùng nhận xét vừa nêu trên đây về lĩnh thổ Giao Chỉ độc lập và tự trị, làm sao một văn quan như Tích Quang có thể ủng dung đến trấn nhậm để *chủ trương thi hành chính sách giáo hóa, truyền bá Hán học cho người trong quận* trong khoảng từ năm 2 đến 31.**

...*Xưa ở thời Bình đế, người Hán Trung là Tích Quang làm thái thú Giao Chỉ dạy dỗ dân Di dân dần dần hóa theo lễ nghĩa. Cuối đời Vương Mãng, Tích Quang đóng cửa biên giới chống cự”...*

(*Hậu Hán thư*, theo *Nhìn lại sử Việt, từ tiền sử đến tự chủ*, Lê Mạnh Hùng-Tổ hợp xuất bản miền Đông Hoa Kỳ, 2011).

**4. Khoảng năm 28-29\***, Giao Chỉ đang độc lập và tự trị thì nếu vua quan Đông Hán cử Tô Định làm Thái thú Giao Chỉ quận hẳn đã phải khiến Tô Định đem quân xuống miền Lĩnh Nam để đánh dẹp các Lạc tướng của các tộc Việt đang cầm quyền hầu mong chiếm lại được Giao Chỉ để có đất mà trấn nhậm.

**Ghi chú:** \* Theo tác giả Le P. Mathias Tchong, S.J.: Tô Định được triều Đông Hán cử làm Thái thú Giao Chỉ khoảng năm 28- 29.

**5. Có thể là Tô Định đàn áp, đánh bại các Lạc tướng và cai trị Giao Chỉ quận trong thời gian từ khoảng năm 28-29 đến khoảng năm 30-31. Vì Tô Định cai trị dân Việt khắc nghiệt nên bà Trưng Chấn hô hào dân chúng nổi dậy, đánh đuổi Tô Định.**

Ghi chép của Le P. Mathias Chang, S.J., **không thấy nhắc đến “chồng” của bà Trưng Chấn**, và hiển nhiên là **không có việc Tô Định sát hại “chồng” bà Trưng Chấn**.

**Điều này phù hợp với câu chú thích của Lý Hiền (thế kỷ thứ 8):**

.... 交趾太守蘇定以法繩之側忿故反....

.... *Giao Chỉ Thái thú Tô Định dĩ pháp thàng chi Trắc phẫn cố phản....*

	27	
	28	<i>Sou Ting</i> 蘇定 gouverneur chinois avait exercé sa tyrannie chez les Annamites.
Trung Trắc	29	Alors une courageuse femme nommée
	30	<i>Tcheng Tché</i> 徵側 osa convoquer ses compatriotes. Elle réussit à chasser <i>Sou Ting</i> . Ainsi elle se fit proclamer reine de
Giao Chỉ	31	<i>Kiao-tche</i> . La Chine envoya immédiatement contre elle <i>Ma Yuen</i> 馬援. Mais la
	32	

Bà Trưng Chắc **khởi nghĩa vào khoảng năm 30-31\***, thành công trong việc đánh đuổi được Tô Định, tự lên ngôi vua ở Giao Chỉ (...*se fit proclamer reine de Kiao-tche*...).

**Ghi chú:** \* Điều này **khác hẳn** với những ghi chép trong các văn bản sử liệu của các sử quan, văn gia Tàu cũng như Việt, đã được lưu truyền từ thế kỷ thứ 5 đến nay.

\*

Suy xét các ghi chép trong *Hậu Hán thư* và của Le P. Mathias Tchang, S.J. chúng ta có thể thấy diễn biến tuần tự hợp lý là:

- Văn quan Tích Quang chỉ là Thái thú Giao Chỉ quận trên danh nghĩa, chức vị “hờ” (*phong không*), vì nhà Đông Hán không kiểm soát được Giao Chỉ nên Tích Quang không thực sự trấn nhậm quận Giao Chỉ.

- khoảng năm 28-29, nhà Đông Hán cử võ quan Tô Định làm Thái thú Giao Chỉ quận, đem quân đi đánh chiếm quận Giao Chỉ để có đất mà trấn nhậm.

- Tô Định đàn áp, đánh bại các Lạc tướng và cai trị Giao Chỉ quận khắc nghiệt trong thời gian từ khoảng năm 28-29 đến khoảng năm 30-31.

- Hai Bà khởi nghĩa vào khoảng năm 30-31, hô hào dân chúng nổi dậy, đánh đuổi Tô Định. Võ quan Tô Định bị Hai Bà đánh thua phải bỏ chạy khỏi Giao Chỉ, trốn về quận Nam Hải. *Hậu Hán thư* ghi năm 31 Tích Quang bị triệu hồi về triều: ...*triệu hồi Thái thú Giao Chỉ Tích Quang về triều*, nhưng không thấy ghi gì thêm, không ghi lý do tại sao? Không thấy ghi chép gì về sự việc Tô Định thua chạy về Tàu.

- năm 32\*, cuộc khởi nghĩa lan đến Cửu Chân\*, văn quan Nhâm Diên biết sức mình, đành mau lo chạy “*thoát được thân mình mà thôi*”! (theo *Hậu Hán thư*, trích từ *Nhìn lại sử Việt, từ tiền sử đến tự chủ*- Lê Mạnh Hùng, Tổ hợp xuất bản miền Đông Hoa Kỳ, 2011).

**Ghi chú:**

\*ghi chép của tác giả Lê Mạnh Hùng **khác hẳn với** ghi chép trong *Hậu Hán thư*:

Năm 32 ...*Hán triều bãi chức Thái thú Cửu Chân của Nhâm Diên!*

Nhưng không thấy ghi gì thêm, không ghi lý do tại sao?

Hiểu theo như thế thì Hai Bà khởi nghĩa khoảng năm 30-31, sang đến năm sau cuộc khởi nghĩa **lan rộng lên phía bắc**, đến quận Cửu Chân, Nhâm Diên mới trốn chạy, có đường thoát được về Tàu. Nếu như quận Cửu Chân ở phía nam của Giao Chỉ thì Nhâm Diên không có đường thoát chạy về Tàu.

\*

Vua Hán thấy tình thế nguy cấp, phải **lập tức cử ngay Mã Viện** đem quân đi **chống lại Bà Trưng** (... *envoya immédiatement contre elle, Ma Yuen 馬援* ...) vào khoảng năm 32. Nhưng quân khởi nghĩa đã kháng cự mãnh liệt đến độ **Mã Viện buộc phải bỏ ý định đánh chiếm lĩnh thổ Giao Chỉ** (...*Mais la reine résista aux troupes chinoises, de sorte que Ma Yuen fut forcé de lui abandonner le territoire.*).

Nói cách khác, **trong cuộc tấn công khoảng năm 32 quân Đông Hán đã thất bại, không chiếm giữ được lĩnh thổ Giao Chỉ.**

#### **Ghi chú và Khảo luận:**

\* Tuy ghi chép của Le P. Mathias Tchang, S.J. **ngụ ý cho rằng Hai Bà không thua trận chiến** với Mã Viện **khác với** ghi chép của Ngô Thì Nhậm là Hai Bà thua trận chiến cuối cùng ở **Tương Âm**, nhưng vẫn có thể giúp giải thích được sự kiện quân khởi nghĩa đã kháng cự mãnh liệt đến độ **Mã Viện buộc phải bỏ ý định đánh chiếm lĩnh thổ Giao Chỉ** (...*Mais la reine résista aux troupes chinoises, de sorte que Ma Yuen fut forcé de lui abandonner le territoire.*).

\* Điều này suy xét thấy phù hợp với:

1. *truyền thuyết* Mã Viện dựng **đồng trụ** trên núi Phên Mao (vùng Hành sơn, phía nam Tràng Sa, Hồ Nam) xem đây là biên giới cực nam của đất nhà Hán, giáp ranh với **lĩnh thổ Giao Chỉ**.

Nói cách khác, Mã Viện đã **chấp nhận giảng hòa** với quân khởi nghĩa, **ngưng tiến quân** xa thêm về phía nam vào lĩnh thổ Giao Chỉ **bộ**.

**Ghi chú:** vùng Hành sơn cách Thăng Long (Hà Nội ngày nay) khoảng 1200 cây số về phía bắc).

2. sự việc *Hậu Hán thư* ghi trong quyển 86, phần *Nam man Tây Nam di truyện*: Mã Viện bắt 300 cừ soái đem về giam giữ ở Linh Lăng 零陵 (Hồ Nam ngày nay).

Lý do là Linh Lăng ở vào khoảng cùng vĩ độ với núi Phên Mao (vùng Hành sơn)

\* *Hậu Hán thư* phần *Mã Viện truyện* ghi: *kiểu Nam tất bình.*

*phía nam đều được bình định.*

Thái tử Lý Hiền (đời Đường) khi chú giải đã dẫn một câu trong *Quảng Châu kí*:

*Viện đào Giao Chỉ, lập đồng trụ, vi Hán chi cực giới dã*

(Viện đến đất Giao Chỉ, dựng cột đồng để làm mốc biên giới cho nhà Hán).

(theo chú thích trong Bài thơ *Cung họa Ngự chế Thuận An bát thập vận thi nguyên vận* - Tác giả: Trần Biên Quận công Miên Thanh -Người dịch và chú thích: Trần Trọng Dương, Đại học Hà Nội -[www.hannom.org.vn/detail.asp?param=1304&Catid=571-2006](http://www.hannom.org.vn/detail.asp?param=1304&Catid=571-2006)).

Câu chú giải của Lý Hiền mơ hồ, không ghi rõ Mã Viện *đào* (đến) nơi nào ở Giao Chỉ để *lập đồng trụ* làm giới hạn cực nam của đất nhà Hán? Ở ngay ranh giới phía bắc của lĩnh thổ Giao Chỉ? trên núi Phên Mao (vùng Hành sơn, Hồ Nam)?

\* **Huyền thoại “đồng trụ Mã Văn Uyên”** (Mã Viện) thoát đầu được nhắc đến trong các dã sử đã tuyệt bản như *Quảng châu ký*, *Lâm Ấp ký*, *Giao châu ký*, *Giao châu ngoại vực ký*, *Hán thư*, *Hậu Hán thư* không thấy ghi chép gì về “đồng trụ Mã Văn Uyên.” (theo: *Trụ đồng Mã Viện-Sự đàn hồi của biên giới đế quốc Trung Hoa-Chính Đạo*, 2010).

Sách Thủy Kinh chú của Lịch Đạo Nguyên chép: Mã Văn Uyên (tên tự của Mã Viện), dựng cái mốc đồng để làm giới hạn cực nam của đất nhà Hán. Mốc đồng ấy tức là *đồng trụ*, nhưng không ghi rõ ở đâu?

Truyền thuyết đồng trụ được nhắc đến lần đầu tiên trong *Tùy thư*, ghi trong đoạn nói về Lưu Phương đi đánh Champa vào đầu năm 605: Phương tiến quân qua đồng trụ Mã Viện, 8 ngày sau đến kinh đô Champa.

Truyền thuyết “đồng trụ Mã Viện ở Khâm châu” chỉ được nhắc đến nhiều từ đời Đường nên có thể là vua quan và các sử quan, văn gia đời Đường\* đã cố công ngụy tạo, biến “huyền thoại trụ đồng” thành sự kiện lịch sử, nên các ghi chép rất mơ hồ và mâu thuẫn nhau.

**Ghi chú:** như Đỗ Hữu, Mã Tổng, Lý Cát Phủ:

-Khoảng đời Đường Hiến Tông (Lý Thuần, 806-820), An Nam Đô hộ Mã Tổng (Tổng) dựng “hai trụ đồng ở chỗ cũ của nhà Hán” ở **núi Phên Mao** để ghi công đức của Mã Viện và để tỏ ra mình là dòng dõi của Phục Ba tướng quân Mã Viện. -

Vào cuối đời Đường, những đại thần Tàu như Lý Cát Phủ, tác giả *Nguyên Hòa Quận Huyện Chí*, cho là *đồng trụ* được Mã Viện dựng ở Khâm Châu, Đỗ Hữu (Hựu), tác giả *Thông Điển* còn cho là ở xa hơn nữa mãi tận nước Tây Đồ Di (?) ở phía nam của nước Lâm Ấp...

Đến đời Nam Tống, thế kỷ thứ 12, Chu Khứ Phi, từng làm quan ở Quế Lâm (Quảng Tây), tác giả *Lĩnh Ngoại Đại Đáp*, ghi là *đồng trụ* được Mã Viện dựng ở khu hang động Cổ Sâm (Cổ Lâu), cách Khâm Châu khoảng ba *lí* về phía tây.

Đến các đời sau, sử quan, văn gia Tàu khi soạn các bộ *Đại Nguyên Nhất Thống Chí*, *Đại Minh Nhất Thống Chí*, và *Đại Thanh Nhất Thống Chí*, theo đấy mà ghi là ở Khâm Châu có trụ đồng Mã Viện khắc sáu chữ:

**銅柱折 交趾滅**

*Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt.*

Trong các tấu biểu từ Giao Châu gửi về triều đình nhà Hán, Ngô, hay Tấn, **không có ghi chép nào về “trụ đồng”**.

Hai bộ sử Hán Thư (Han shu -111 TL) của Ban Cố và Hậu Hán Thư (Hou Han shu - 445 TL) của Fan Yeh (Phạm Diệp/ Việp) đều **không thấy nói gì đến “trụ đồng”**.

Trong các tư liệu cổ sử của các văn gia thời Hán như Hứa Tĩnh, Viên Huy, Tiết Tông, ... rồi đến thế kỷ V, cổ sử chép việc Đán Hòa Chi (? - 456) và Tông Khắc đi đánh Lâm Ấp (năm 446), **không thấy nói gì đến “trụ đồng” (kim tiêu)**.

Huyền thoại trụ đồng của “Mã Văn Uyên” (Mã Viện) chỉ được nhắc đến trong các sách ghi dã sử đã tuyệt bản như *Quảng Châu Ký*, *Lâm Ấp Ký*, *Giao Châu Ký* (của Lưu Hân Kỳ), *Giao Châu Ngoại Vực Ký*, rồi sau được sao chép lại và bình luận trong *Thủy Kinh Chú* của Lịch Đạo Nguyên, các tập chú giải *Sử Ký*, *Hán Thư* đời Tùy-Đường, *Thái Bình Ngự Lãm* đời Đường, trở về sau của Nhan Sư Cổ, Lê Hiền, *Thông Điển* của Đỗ Hữu (Hữu), *Nguyên Hoà Quận Huyện Chí* của Lý Cát Phủ, *Sử Ký Sách Ấn* của Tư Mã Trinh, *Hoàn Vũ Ký* của Nhạc Sử (Yue Shi, 930-1007), *Tư Trị Thông Giám* của Tư Mã Quang, *Thông Giám Cương Mục* của Chu Hy, ...

(trích dẫn và tóm lược từ các bài trên internet, chính yếu từ bài *Trụ đồng Mã Viện- Sự đàn hồi của biên giới đế quốc Trung Hoa, Chính Đạo*)

Theo *Đại Thanh Nhất Thống Chí* (大清一統志)\* thì Phân Mao Lĩnh - 分茅嶺 - tọa lạc tại phía tây của huyện đường Khâm Châu, cách 300 lý và ở trên đường biên giới với Việt Nam.

**Ghi chú:** \*大清一統志 được khắc bản gỗ in năm 1764 theo lệnh của vua Càn Long nhà Thanh, hoàn tất năm 1789.

Gabriel Devéria (1844-1899) dựa theo đây biên soạn sách *La Frontière Sino-Annamite – Description géographique et ethnographique* (d’après les documents officiels chinois traduits pour la première fois), do Ernest Leroux ấn loát, l’École des Langues Orientales Vivantes xuất bản, Paris, 1886.

Đến cuối thế kỷ XIX, **Chiniac de Labastide**, chủ tịch ủy ban phân giới Việt-Trung (1890-1891) có ghi trong bản báo cáo:

...”riêng về **Phân Mao Lĩnh** thì quan trọng nhất cho việc xác định đường biên giới... hiện nay có thể xác quyết một cách chắc chắn rằng, không những núi này không có ở đây mà nó còn không hiện hữu trong toàn vùng biên giới mà Ủy Ban Phân Giới đã thám hiểm. Không có một trái núi nào có tên tương tự” ...

Chiniac de Labastide còn ghi thêm: ... “theo vài tác-giả, núi Phân Mao Lĩnh có thể ở cách Khâm Châu khoảng 360 lý, tức 140 Km... khi tôi cho ông Chủ Tịch Ủy Ban Phân Giới Trung Hoa biết là, mặc dầu bỏ nhiều nỗ lực tìm kiếm, tôi vẫn **không tìm ra trái núi “Phân Mao Lĩnh”** mà dưới chân nó có trụ đồng để đánh dấu biên giới của tướng Mã Viện. **Núi này hoàn toàn không ai biết.**

Ông này trước tiên im lặng, và vài ngày sau, ông chỉ cho tôi, ở trên bản đồ, không phải ở phía Đông Nam mà ở phía Đông Bắc của Bản Hưng, phía nam Pi-Lao, một trái núi nhỏ và cho đó là Phân Mao Lĩnh. Khi tôi la lớn về sự xác nhận phi lý này thì ông ta mới trả lời cho tôi, bằng một dáng điệu trịnh trọng, trái núi này **không phải là Đại Phân Mao Lĩnh, nổi tiếng do nhờ trụ đồng của tướng Mã Viện, mà chỉ là một Tiểu Phân Mao Lĩnh**” ...Khoảng cách xa xôi của trái

*núi được chỉ định và cái miếu thờ Phục Ba tướng quân, miếu này cách trái núi 3 cây số, cho ta thấy người Tàu đã lường gạt chúng ta biết bao nhiêu; họ đặt tên, tùy theo sự cần thiết của họ, trái núi này hay trái núi kia, một cái tên lịch sử của một trái núi thuộc vùng khác và dựa vào đó để thiết lập chủ quyền của họ về đất đai.” ...*

(Trích từ: *Thử nhìn lại một số âm mưu của người Hán đã dàn dựng nhằm lấn đất, giành hải đảo của Việt Nam từ thời Pháp thuộc đến nay*, Trương Nhân Tuấn, 2010)

Bản báo cáo của **Chiniac de Labastide** vào thế kỷ XIX cho thấy rõ ràng là **vua quan Tàu đã gian trá bịa đặt tên núi “Mao Lĩnh”**, theo ý họ, cho một ngọn núi vô danh ở vùng Khâm Châu xa tắp mãi tận phía Nam (tọa độ: khoảng Vĩ độ 21<sup>0</sup> 50’, Kinh độ 108<sup>0</sup> 25’), nhằm dựa vào đấy để lấn chiếm đất của Việt Nam.

\*

\* **Đồng trụ chưa chắc đã có**, nhưng **núi Phân Mao thực sự có thật**. Năm 1793, khi đi sứ bên Tàu, danh sĩ Ngô Thì Nhậm, có làm bài thơ *Phân Mao lĩnh* ghi rõ ràng là **núi Phân Mao ở vùng Hành sơn\*** 衡山 (tỉnh Hồ Nam bên Tàu).

**Ghi chú:** \*Hành sơn chứ **không phải** là Hoành sơn. Rất có thể nhiều người đời sau đã hiểu nhầm mà gán cho là *đồng trụ* được trồng ở Hoành sơn, vùng Thanh Hóa trên đất Việt.

Đối chiếu một số địa danh trên các bản đồ cổ của Tàu (thế kỷ thứ 18) được nhắc đến trong bài thơ *Phân Mao Lĩnh* của danh sĩ Ngô Thì Nhậm, với những chi tiết trên các bản đồ vào thế kỷ thứ 20, thì *đồng trụ*, **nếu có** trên núi Phân Mao, **ở vào khoảng vĩ độ: 26<sup>0</sup> 30’, kinh độ: 112<sup>0</sup> 40’, mãi tận vùng phía nam của Tràng Sa, hồ Động Đình.**

(xin xem bài: *Đất nước Việt thời thượng cổ trong vùng Đông Á* © 2015 Đỗ Hoàng Ý).

### 分茅嶺

### Phân Mao lĩnh

一帶青山楚粵交，	<i>Nhất đới thanh sơn Sở Việt giao,</i>
黃茅驛路認分茅。	<i>Hoàng Mao dịch lộ nhận Phân Mao.</i>
天書不盡衡山界，	<i>Thiên thư bất tận Hành Sơn giới,</i>
地氣還浮雁澤毛。	<i>Địa khí hoàn phù Nhạn Trạch mao,</i>
徵側劍芒開洞府，	<i>Trung Trắc kiếm mang khai động phủ,</i>
尉陀桂蠹落山巢。	<i>Uý Đà quế đố lạc sơn sào,</i>
風來解慍西南利，	<i>Phong lai giải uấn tây nam lợi,</i>
未許熊羆萬仞高。	<i>Vị hứa Hùng Bi vạn nhận cao.</i>

Nguyên chú: Núi Phân Mao 分茅 ở địa giới Hành Sơn 衡山, tỉnh Hồ Nam, cỏ mao rẽ hai ngã nam bắc, trên đường có biển đề “Phân Mao lĩnh”.

Sách *Phương dư ký yếu*\* của Trung Quốc nói rằng đó là rặng núi phân chia ranh giới giữa đất Việt (Quảng Đông, Quảng Tây), với vùng Trung nguyên. Trên đỉnh núi có loại cỏ tranh phân chia ranh giới hai vùng một cách tự nhiên, đất bên nào lá cỏ rẽ về bên ấy, nên có câu “Phân mao cỏ rẽ”.

Nguồn: *Ngô Thì Nhậm toàn tập* (tập III), NXB Khoa học xã hội, 2005

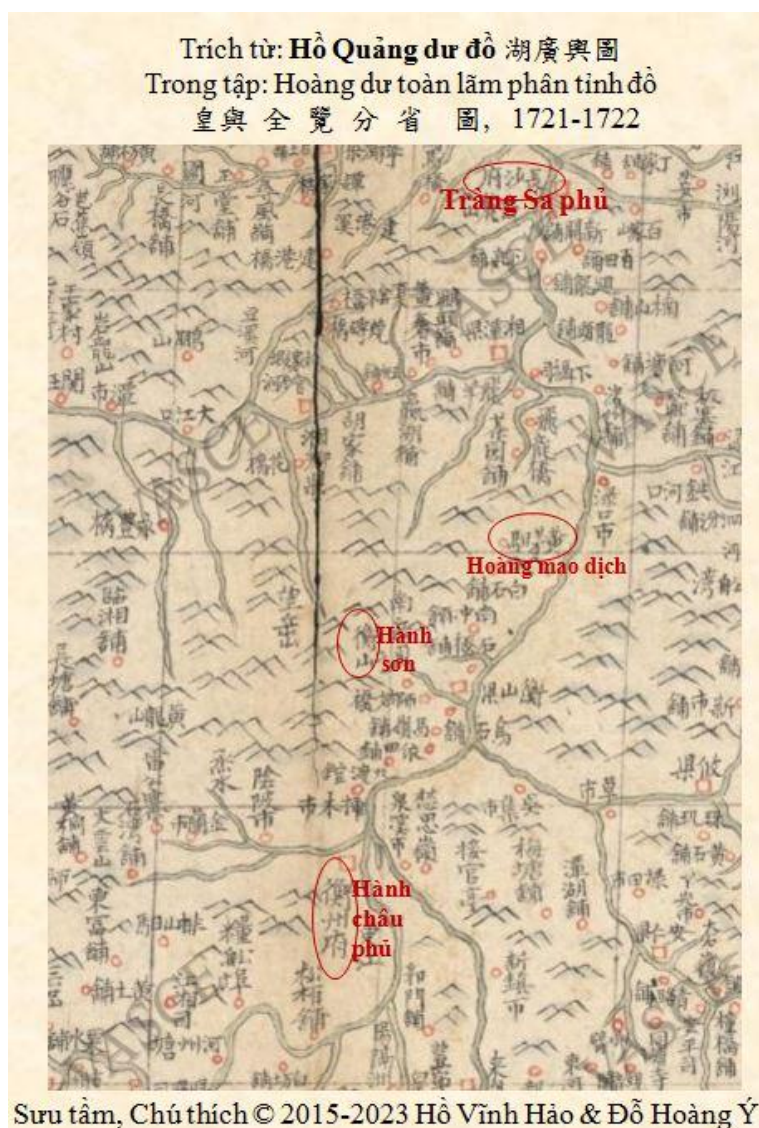
(<https://www.thivien.net/Ng%C3%B4-Th%C3%AC-Nh%E1%BA%Adm/Ph%C3%A2n-Mao-1%C4%A9nh/poem-oTFNJk4y8VQQIYWkyn2aUQ>).

### Ghi chú:

\**Độc sử phương dư ký yếu* của Cố Tô Vũ (1631 - 1692) biên soạn vào năm 1678

(theo: *Về một số tư liệu thư tịch cổ Trung Quốc liên quan đến biển Đông nước ta*- Nguyễn Quang Hà, Thông báo Hán Nôm học 2003, tr. 189-201).

<http://www.hannom.org.vn/detail.asp?param=500&Catid=295>.



\*



\* Một sự kiện đặc biệt đáng lưu ý là **truyền thuyết đồng trụ** Mã Viện trồng ở núi Phân Mao (miền nam Hồ Nam) - “*nãi lập đồng trụ vi Hán cực giới*” - xem đây là biên giới cực nam của đất nhà Hán cho thấy là **khó có thể tin được sự kiện Mã Viện và quan quân Đông Hán đã tấn công vào đến Giao Chỉ và chiếm giữ Giao Chỉ!**

Lý do là chẳng lẽ Mã Viện đem quân đánh vào tận quận Giao Chỉ rồi rút quân hoàn toàn ra khỏi quận Giao Chỉ, đã không chiếm giữ phần đất nào, lại còn lui quân ngược trở lại khoảng hơn 1000 cây số, lùi về phía bắc vượt quá cả dãy Ngũ Lĩnh, tự nguyện đặt *đồng trụ* ghi dấu biên giới cực nam đất nhà Hán ở mãi tận núi Phân Mao trong tỉnh Hồ Nam!

Suy xét kỹ thì thấy rất có thể là **tuy thắng trận chiến** với quân khởi nghĩa ở quanh vùng hồ Động Đình, nhưng phải rất vất vả và bị tổn thất nặng, Mã Viện liệu chừng **không thể thắng được cuộc chiến tranh** với các tộc Việt ở Lĩnh Nam nên đã giảng hòa và chấp nhận biên giới cực nam của đất nhà Hán ở núi Phân Mao.

Hàng chữ 銅柱折 交趾滅 - **Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt** - khắc trên *đồng trụ* vừa là lời giao ước, vừa có ý hăm dọa: nếu các tộc Việt đánh lấn sang đất nhà Hán, làm **gãy đồng trụ**, thì nhà Hán sẽ **diệt Giao Chỉ!**

Suy nghĩ và giải thích câu *Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt* như thế, thiển nghĩ nhiều phần hợp lý hơn là truyền thuyết kể rằng người Việt vì **sợ đồng trụ vô cơ gãy** nên mỗi khi đi qua đây phải ném đá cho đồng trụ được vững, lâu ngày thành núi vùi lấp đồng trụ!

\* *Hậu Hán thư* ghi vào năm 44 Mã Viện rút quân về, nhưng sau đó, trong suốt khoảng thời gian hơn 80 năm từ năm 44 đến 126\* không thấy ghi nhà Đông Hán cất cử ai làm Thứ sử Giao Chỉ Bộ hoặc Thái thú Giao Chỉ quận.

#### **Ghi chú:**

- *Đại Việt sử lược* ghi đến năm 126, Chu Xường làm Thứ sử Giao Chỉ Bộ.
- *Hậu Hán thư* không ghi rõ Mã Viện rút quân về đến đâu? Nên có thể suy đoán là đoàn quân tiếp tục trấn đóng ở vùng Trảng Sa, Giang Nam, phía bắc của núi Phân Mao.

Đòi sau truyền rằng Đỗ Phủ 杜甫 (712 – 770) có làm câu thơ:

... vũ lai đồng trụ bắc, ý tấy Phục Ba quân.

(mưa phía bắc đồng trụ, muốn rửa quân Phục Ba)

\* Đặc biệt **đáng lưu ý** hơn nữa là nhiều chi tiết về cuộc nam chinh của quan quân Đông Hán dưới quyền chỉ huy của Mã Viện được ghi trong *Hậu Hán thư* và *Thủy kinh chú* cần được suy xét lại:

.... chuẩn bị xe thuyền, tu sửa cầu đường, khai thông núi khe, trích trữ lương thảo. Năm thứ 18 [42], sai Phục ba tướng quân Mã Viện, Lâu thuyền tướng quân Đoàn Chí phát hơn vạn quân Trường Sa, Quế Dương, Linh Lăng, Thương Ngô đến chinh phạt.

(*Hậu Hán thư, Nam Man truyện*)

.... *Viện bèn men theo biển tiến quân, men núi mở đường trên ngàn dặm...*  
.... *Viện đem trên hai ngàn lâu thuyền lớn nhỏ cùng trên hai vạn quân binh tiến đánh giặc ở Cửu Chân...*

(*Hậu Hán thư, Mã Viện truyện*)

(Theo tác giả Phạm Văn Ánh, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, 2014).

....*U thị tử thư bài Viện Phục ba Tướng quân, dĩ Phù Lạc hầu Lưu Long vi phó, đốc Lâu thuyền Tướng quân Đoàn Chí đẳng, Nam kích Giao Chỉ. Quân chí Hợp Phố nhi Chí bệnh tốt, chiếu Viện tính tướng kì binh, toại duyên hải nhi tiến, tỳ sơn san đạo thiên dư lí.*

*Hậu Hán thư* Qu. XXIV. Liệt truyện 14. Mã Viện.  
(theo bài *Bất túc trung tập*, Minh Di, Australia, 2004)

...*Viện đi đến đâu đều chia đất thành quận huyện, xây thành quách, thông ngòi rạch để lợi cho dân., ...*

(theo Hồ Bạch Thảo biên dịch từ ghi chép liên quan đến Giao Chỉ trong *Hậu Hán thư*, đăng trong bài: *Về vụ án Mã Viện chở trâu châu, sừng tê giác Giao Chỉ về Trung Quốc*. (<https://nghienccuquocte.org/2015/11/29/ma-vien-giao-chi-trung-quoc/>).

.... *binh định được các quận huyện rồi lập ra quan Lệnh trưởng vậy.*

[*Thủy kinh chú*, quyển 37, “Diệp Du hà” (葉榆河, sông Diệp Du)]

(Theo tác giả Phạm Văn Ánh (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, 2014).

(<http://yeuhannom.blogspot.com/2014/04/cuoc-khoi-nghia-hai-ba-trung-lan-gio.html>)

Chẳng lẽ Mã Viện và quan quân Đông Hán khổ công chuẩn bị, tiến đánh Giao Chỉ, chinh chiến gian nan, hao binh tổn tướng, khổ cực trong 3 năm trời, lại còn vất vả bỏ bao công sức để bình định Giao Chỉ, rút cuộc lại rút quân về, trả lại các tộc Việt toàn vùng Giao Chỉ Bộ gồm 7 quận trải khắp miền Lĩnh Nam để các tộc Việt tự cai quản như trước?

Những điều kể ra trên đây cho thấy hậu sinh chúng ta phải suy xét cẩn thận để có thể **nhận ra được những ghi chép không hợp lý** trong *Hậu Hán thư* và *Thủy kinh chú* liên quan đến lịch sử Việt thượng cổ thời Hai Bà khởi nghĩa.

\* Tin về cuộc chiến và chiến thắng của Mã Viện ở Giao Chỉ, triều đình Đông Hán chỉ được biết qua những *tấu thư*, lời kể của Mã Viện. Thật sự là triều đình chỉ cần biết ... *kiểu nam tắt bình...*(*Hậu Hán thư, Mã Viện truyện*). (*phía nam đều được bình định*) là yên tâm mà thăng thưởng, phong tước Tân Túc Hầu, thực ấp 3000 hộ cho Phục Ba tướng quân.

Suốt trong những năm sau trận chiến ở Giao Chỉ, Cửu Chân, ngày nào Mã Viện còn là tướng đầy quyền uy trấn ngự ngoài biên thì không có ai dám nói trái lời, dám kể sai khác với lời *tấu* của Mã Viện. Triều đình Hán hẳn cũng tin lời Mã Viện, chẳng gửi người đến tận vùng “*Giao Chỉ*” xa xôi, đường xá cách trở để thanh tra nên cũng chẳng có thêm *tấu thư* gì khác.

Mãi đến năm Kiến Vũ 建武 thứ 25 (năm 49), trên đường chinh phạt Ngũ Khê Man\* ở đất Hạ Tuyên mạn tây nam Hồ Nam, nhiều binh lính chết vì bệnh dịch, Mã Viện ngã bệnh, phải dừng quân cố thủ. Được tin, vua Đông Hán phái Phò Mã Lương Tùng 梁松 hoá tặc theo đường các dịch trạm đến điều tra và đốc thúc cuộc chinh phạt. Nhưng khi Lương Tùng đến được phòng tuyến tại Hồ Đầu sơn, thì Mã Viện đã qua đời.

Sau đó, Lương Tùng, Đâu Cốc và phó tướng Mã Vũ *tấu* lên vua:

- trận đánh giặc Man lần này Mã Viện không khéo dụng binh, chọn đường tiến quân sai lầm, việc tiến quân bị ngăn trở, chậm chạp.

- lần trước, khi đi đánh Giao Chi về, Mã Viện chỉ dâng vua một con ngựa mẫu bằng đồng do Mã Viện cho đúc từ các trống đồng tịch thu được của người Việt mà thôi, còn thì giấu vua chở xe châu báu, sừng tê về bắc làm của riêng.

### Ghi chú:

- “Ngựa đồng cao 3 xích 5 thốn, chu vi 4 xích 5 thốn... chiếu cho phép đặt tại dưới cửa Hoàn Đức để làm thể thức cho ngựa hay”.

援好騎，善別名馬，於交址得駱越銅鼓，乃鑄為馬式，還上之  
(Viện hiệu kỵ, thiện biệt danh mã, ư Giao Chi đắc Lạc Việt đồng cổ, nãi chú vi thức, hoàn thượng chi.)

(theo Hồ Bạch Thảo biên dịch từ ghi chép liên quan đến Giao Chi trong *Hậu Hán thư*, đăng trong bài: *Về vụ án Mã Viện chở trâu châu, sừng tê giác Giao Chi về Trung Quốc*— (<https://nghiencuuquocte.org/2015/11/29/ma-vien-giao-chi-trung-quoc/>).

- Có truyền thuyết kể rằng: Khi đi đánh Giao Chi về, Mã Viện chất đầy một xe ý dĩ (bo bo) đem về nhà làm giống, mọi người thấy vậy đều làm tưởng là những đồ vật quý hiếm của miền nam, họ không được chia đều nên âm ức, rồi đặt điều nói xấu Mã Viện. Sau khi Mã Viện qua đời, Mã Vũ, Hầu Lập và một số người khác đều nói Mã Viện đích thực có đưa về một xe đồ vật quý hiếm.

Như thế, đời sau không biết là trong bản *tấu chương* Lương Tùng thực sự đã *tấu* những gì? Có đặt điều vu oan cho Mã Viện tội biển thủ châu báu, sừng tê hay không?

Vua Hán Quang Vũ tức giận, thu hồi ấn tín, truất bỏ tước Tân Túc Hầu, thu hồi thực ấp 3000 hộ ban cho Mã Viện 5 năm trước và không cho chôn cất. Vợ con Viện sợ hãi, không dám đem thi thể về chôn ở đất nhà, đành tạm vùi tại khu đất gai góc nơi phía tây thành Lạc Dương, bần bề thân thích đều không ai dám đến viếng tang.

Vua còn nghiêm lệnh bắt vợ con Viện đến triều đình để luận tội. Khi đến triều, được xem bản *tấu chương* của Lương Tùng, Đâu Cốc, Mã Vũ họ mới vỡ lẽ có sự hiểu nhầm\*\* về việc giấu xe châu báu. Vợ Viện lấy rơm buộc 2 con trai và 3 gái đến kêu oan, xin vua gia ân cho được chôn cất. Mãi đến sau 6 lần kêu oan thảm thiết, vua mới chịu xét án, nghe trình bày nỗi oan. Vua cho người đến khám xét nhà chỉ thấy xe đầy ý dĩ Mã Viện dùng để chữa phong thấp mà thôi. Bấy giờ vua mới cho phép chôn cất tử tế.

Hán Quang Vũ dù biết Mã Viện bị oan về việc giấu xe châu báu, sùng tề nhưng vẫn không trả lại ấn tín, không cho phục tước, bổng lộc và cũng không cho ghi tên vào bảng phong thần các anh hùng hảo hán...

(phỏng theo từ nguồn: <https://www.163.com/dy/article/DPOUAP320523A117.html> - <http://www.my285.com/wuxia/jinyong/sjl/11.htm>, Thiên Ngô dịch)

### **Ghi chú và khảo luận:**

\*Năm Kiến Vũ 建武 thứ 25 (năm 49), Đông Hán Quang Vũ Đế phái Mã Viện thống lĩnh Trung lang tướng Mã Vũ 马武, Cảnh Thư 耿舒, Lưu Khuông 刘匡, Tôn Vĩnh 孙永 điều động hơn 4 vạn người chinh phạt Ngũ Khê Man 五溪蛮. Đại quân do Mã Viện chỉ huy từ Trường Giang 长江 tiến vào vùng hồ Động Đình 洞庭, đến Hạ Tuyền 下隳 (nay là Nhạc Dương 岳阳, Hồ Nam 湖南). Mã Viện chủ trương tiến quân về phía Nguyên Lăng ở hạ nguồn sông Nguyên mạn tây nam hồ Động Đình.

Sau chiến thắng ban đầu tại Hồ Đầu sơn 壶头山, đoàn quân không thể tiến thêm được vì địa thế hiểm trở, lại gặp phải đoạn sông Nguyên ghènh hiểm, nước chảy xiết, Mã Viện bị khốn đốn hơn mấy tháng. Đến mùa hè, khí trời oi bức, quân lính nhiều người chết vì dịch bệnh lan truyền, chính Mã Viện cũng ngã bệnh nặng, phải lui quân.

Bộ tướng Cảnh Thư gửi mật thư cho anh là Hiếu Tự Hầu Cảnh Yểm, một khai quốc công thần trong Vân Đài nhị thập bát tướng của nhà Đông Hán, than phiền việc Mã Viện chọn đường tiến quân sai lầm lại còn chần chừ không tiến đánh nhanh:

*“Trước đây Thư dâng thư xin đánh vào huyện Sung, lương tuy khó vận chuyển nhưng quân có thể dùng được, quân sĩ mấy vạn muốn cùng phấn đấu. Nay theo ý kiến Viện, quân tại núi Hồ, tiến không được, bị chết, thực đáng thống hận. Buổi đầu khi đến Lâm Bang, giặc chưa kịp bố trí, nếu đánh ngay trong đêm có thể diệt sạch; Phục Ba dùng binh giống như dân buôn Tây Vực, đến nơi cho nghỉ ngơi; nay bị thất lợi, quân bị bệnh dịch, đúng như lời Thư tiên đoán”.*

Yểm nhận được thư, tâu lên vua Hán Quang Vũ, vua bèn cử Hồ Bôn\* Trung lang tướng, Phò Mã Lương Tùng 梁松 hoả tốc theo đường các dịch trạm đến giám sát, khiển trách Mã Viện và thay thế chỉ huy đội quân. Nhưng, khi Lương Tùng tới được Hồ Đầu sơn, Mã Viện đã qua đời.

(phỏng theo Hồ Bạch Thảo biên dịch từ ghi chép liên quan đến Giao Chỉ trong *Hậu Hán thư*, đăng trong bài: *Về vụ án Mã Viện chở trân châu, sùng tề giặc Giao Chỉ về Trung Quốc* – (<https://nghiencuuquocte.org/2015/11/29/ma-vien-giao-chi-trung-quoc/>).

### **Ghi chú:**

\*chữ 贵 có các âm đọc là *bí, bôn, phần*.

Phò mã Lương Tùng được phong chức Hồ bí lang tướng 虎贵郎将

(Theo: *Người mang họ Lương đầu tiên có tên trong sử Việt*, Lương Đức Mến, 2013).

<http://holuongduclaocai.blogspot.com/2013/11/nguoi-mang-ho-luong-au-tien-co-ten.html>.

\*\*Những ghi chép sơ sài trong các văn bản cổ thư Tàu chỉ chú trọng đến sự việc Lương Tùng từ trước đã có sẵn tật hiềm vì những chuyện riêng tư cá nhân\*, tức giận với Mã Viện nên đã *sàm tấu* về việc Mã Viện giấu vua chớ một xe châu báu về bắc làm của riêng, nhưng **không ai biết Lương Tùng thực sự còn *tấu* thêm những gì khác nữa?**

#### **Ghi chú:**

\*Truyền thuyết kể rằng có lần Mã Viện viết thư cho hai người cháu, Mã Nghiêm và Mã Đôn, không muốn hai người học đòi theo người bạn thân của Lương Tùng là Đổ Quý Lương:

杜季良豪俠好義，憂人之憂，樂人之樂，清濁無所失，父喪致客，郡畢至，吾愛之重之，汝曹效也…效季良不得，陷為天下輕薄子，所謂畫虎不成反類狗者也。

*Đổ Quý Lương hào hiệp, hiếu nghĩa, lo cái lo của người, vui với cái vui của người, kẻ xấu người tốt đều không mất lòng. Khi cha Đổ Quý Lương mất, người trong máy quận đều đến viếng. Ta mến trọng ông ấy, nhưng không muốn bọn mày bắt chước...Bắt chước Quý Lương không thành chỉ khiến thiên hạ chê cười, đó gọi là vẽ hổ không thành hổ mà lại thành chó vậy.*

(後漢書-馬援傳 Hậu Hán thư- Mã Viện truyện, theo Hoàng Tuấn Công, 2022)

(<http://tuancongthuphong.blogspot.com/2022/01/hoa-ho-thanhcau.html>)

#### **Người viết phiên âm Hán Việt đoạn văn trên:**

*đổ quý lương hào hiệp hiếu nghĩa, ưu nhân chi ưu, lạc nhân chi lạc, thanh trạc (trọc) vô sở thất, phụ tang trí khách, quận tất chí, ngô ái chi, trọng chi, như tào hiệu dã....hiệu quý lương bắt chước, hãm vi thiên hạ khinh bạc tử, sở vị họa hổ bất thành phản loại cầu giả dã.*

Công bằng mà xét thì thấy lời lẽ trong thư không có ý xem thường bạn thân của Lương Tùng nên sự việc này không chắc là lý do gây mâu thuẫn giữa Lương Tùng và Mã Viện.

Viết câu 画虎不成反类狗 (Họa hổ bất thành phản loại cầu) Mã Viện có ý cảnh cáo hai cháu liệu nếu không đủ tài sức, chớ bắt chước Quý Lương vì nếu thất bại, không thành gì cả, chỉ khiến thiên hạ khinh thường.

Theo bài *Người mang họ Lương đầu tiên có tên trong sử Việt*, (Lương Đức Mến, 2013) có thể lý do sâu xa khiến Lương Tùng để tâm và thực sự tức giận Mã Viện là có lần Mã Viện bị bệnh, Lương Tùng đến thăm hỏi, có ý cầu cạnh Mã Viện giúp việc quan chức, Viện lơ đi, không hồi đáp khiến Lương Tùng bất mãn.

*Viện thường hữu tật, Lương Tùng lai hậu chi, độc bái sàng hạ, Viện bất đáp*

*援嘗有疾，梁松來候之，獨拜床下，援不答 (Mã Viện truyện 馬援傳*

(trích từ: *Hậu Hán thư*, theo: <https://hvdic.thivien.net/whv/%E5%80%99>)

Điểm rất đáng để ý là sau khi vua Hán cho điều tra và dù biết là Mã Viện bị oan nhưng vẫn không trả lại ấn tín, không phục tước Tân Túc Hầu, thu hồi bổng lộc thực ấp 3000 hộ, không cho đề tên Mã Viện vào bảng phong thân các anh hùng hảo hán, khiến

**phải suy xét xem thực sự nguyên do nào đã khiến vua Hán giận dữ phạt Mã Viện nặng như vậy?**

Nghĩ cho cùng, chỉ có thể là mãi đến khi Lương Tùng từ kinh đô đi điều tra tận vùng biên giới ở Hồ Nam, khám phá được nhiều uẩn khúc về cuộc nam chinh rồi *tấu* lên vua sự thật về cuộc chiến Giao Chi. Đến lúc đó vua Hán mới biết Mã Viện đã giấu nhiều chuyện trong việc đánh Giao Chi sáu năm về trước:

\* Đại quân Đông Hán đã bị thiệt hại nặng:

.... *Trận Động Đình hồ bị Phạt Nguyệt đánh tan ba mươi vạn quân. Trận Nam Hải bị Thánh Thiên giết bốn mươi vạn. Phụ hoàng sai y đánh Lĩnh Nam, làm thiệt bốn mươi vạn quân, các đại tướng danh tiếng Phùng Đức, Sầm Anh, Liêu Đông Tử Vương chết.*

(theo: *Danh tướng Việt Nam*, tập 4- Nguyễn Khắc Thuần, Việt Nam, 2005)

**Ghi chú:** Mong được các bậc thức giả cao minh chỉ giáo và giúp kiểm chứng xuất xứ của đoạn văn trên từ văn bản gốc cổ sử Tàu nào?.

\* Nghiêm trọng hơn nữa, Mã Viện chỉ *tấu* lên vua rất vắn tắt: *kiểu nam tất bình*.

Nhưng sự thực là Mã Viện chấp nhận biên giới cực nam đất nhà Hán ở núi Phân Mao, Hồ Nam cách khoảng 200 cây sô về phía nam hồ Động Đình cho thấy hiển nhiên là Mã Viện chỉ thắng trận chiến quanh hồ Động Đình trong vùng Hồ Nam và đẩy lui quân khởi nghĩa ra khỏi khu vực Trảng Sa, các thành ở Kinh châu và Dương châu.

Mã Viện đã không thể tiến quân vào đến lĩnh thổ Giao Chi, không đánh chiếm nổi được Giao Chi và đành phải giảng hòa với các tộc Việt miền Lĩnh Nam, rồi trồng *đồng trụ* trên núi Phân Mao để *nãi lập đồng trụ vi Hán cực giới*.

Đến thế kỷ thứ 8, Thái tử Lý Hiền (đời Đường) khi chú giải *Hậu hán thư* đã dẫn một câu trong *Quảng Châu kí*:

*Viện đảo Giao Chi, lập đồng trụ, vi Hán chi cực giới dã*

**Ghi chú:**

Câu chú giải của Lý Hiền mơ hồ, không ghi rõ Mã Viện *đảo* (đến) nơi nào ở Giao Chi để *lập đồng trụ* làm giới hạn cực nam của đất nhà Hán? Ở ngay ranh giới phía bắc của lĩnh thổ Giao Chi? trên núi Phân Mao (vùng Hành sơn, Hồ Nam)?

\* Mã Viện chưa chắc đã bắt được hay sát hại được Hai Bà. Nếu thật đúng Hai Bà bị thất trận cuối cùng tại Tương Âm, hẳn vì không chịu để quân giặc làm nhục nên Hai Bà đã tự trầm xuống dòng sông Tương.

Rất có thể vì thế mà Mã Viện đã **mạo** gửi hai thủ cấp nào đó về Lạc Dương nhưng vẫn *tấu* rằng đã hại được Hai Bà.

Theo những nhận xét và suy luận như trên, vua **Hán Quang Vũ thực sự tức giận vì Mã Viện đã thất bại trong cuộc nam chinh Giao Chỉ** và giận hơn nữa vì Mã Viện đã cá gan:

- **dối** vua là đã đánh chiếm được Giao Chỉ, đã sát hại được Hai Bà,
- **giấu** vua việc chấp nhận núi Phên Mao ở Hồ Nam là biên giới cực nam đất nhà Hán!



Điều hậu sinh chúng ta cần lưu ý là **khoảng 300 đến 500 năm sau thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa, các sự kiện về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà mới thấy được ghi trong cổ thư Tàu.**

Đến nay chúng ta không thể biết chắc được các sử gia, văn gia Tàu từ thế kỷ thứ 4, thứ 5, đã dựa vào đâu để biết được những sự kiện lịch sử của cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà trong miền Lĩnh Nam. Người đời sau chỉ có thể tin là họ đã dựa vào những điều lưu truyền qua các đời trong dân gian để **chép sử**.

Thêm nữa, vào những năm 300 đến 500, các triều đình Tàu chưa hoàn toàn kiểm soát được vùng Lĩnh Nam vì có nhiều cuộc khởi nghĩa của các tộc Việt cổ chống lại vua quan Tàu. Các sử quan, văn gia Tàu không thể ung dung, an toàn đến vùng Lĩnh Nam để thu thập những truyện truyền khẩu trong dân chúng để viết về cổ sử Việt.

Như thế, những truyện truyền khẩu họ thu thập được có thể là từ dân chúng sống trong vùng hồ Động Đình, Trảng Sa, Hồ Nam. Đây chính là hậu duệ của những tộc người Việt cổ không muốn di cư hoặc không trốn chạy được về những vùng phía nam từ khi nhà Tần đánh chiếm đất nước Việt cổ khoảng 200 năm trước Công nguyên.

Trải qua 300 đến 500 năm, những sự kiện lịch sử truyền khẩu khó có thể còn trung thực, thêm nữa các sử gia, văn gia Tàu đã ghi chép lại nhiều sự kiện cổ sử dưới dạng **truyện** nên hậu sinh chúng ta cần rất thận trọng tách biệt những sự kiện **lịch sử thực** với huyền sử, dã sử đã được các văn gia Tàu gán ghép thêm vào những tình tiết **truyện** hư cấu.

Theo quan niệm biên chép sử, **lịch sử truyền khẩu** đúng ra nên xem đây là **truyện**, **không nên xem là chính sử**.

Trải qua hơn ngàn năm, các văn bản nguyên thủy không còn, chỉ còn lưu truyền những bản sao chép viết tay hoặc in lại, qua tay nhiều sử quan, văn gia Tàu các đời nên nội dung tránh sao khỏi bị sửa đổi, gán ghép thêm bớt không ít.

Thế cho nên có **những điều sai hoặc nguy tạo** nhưng vì, dù là cố ý hay vô tình, **được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong hàng ngàn năm\***, **được ghi chép trong nhiều sử sách qua các đời, mãi rồi người đời sau tưởng là thật** mà thu nhận vào chính sử của dân tộc Việt!

**Ghi chú:** *Hậu Hán thư* (thế kỷ thứ 5), *Thủy kinh chú* (thế kỷ thứ 6) được biên soạn từ 600 đến 700 năm trước khi nước ta có bộ sử đầu tiên do tác giả người Việt biên soạn: bộ *Sử ký* do Đỗ Thiện soạn trong khoảng những năm vào triều vua Lý Anh Tông (1138-1175). Bộ sử này đã thất truyền.

Đến thế kỷ thứ 14, tác giả Lý Tế Xuyên có ghi trong *Lời Tựa* của sách truyện *Việt Điện U Linh tập* rằng ông đã sắp đặt bố cục, tinh tiết trong các truyện chép lại từ các sách xưa như *Giao Châu ký* của Triệu Xương, *Giao Chỉ ký* của Tăng Cồn, *Tam Quốc Chí* của Trần Thọ, *Sử ký của Đỗ Thiện*...., cũng ghi lại thần tích các làng, những điều thế truyền và góp phần sáng tác tăng bổ *Việt Điện U Linh tập*.



## Tạm kết

Trong khi chờ đợi những khám phá mới, người viết xin nêu lên và sẽ lần lượt xét đoán, trong những biên khảo kế tiếp, những **nghi vấn lịch sử** Việt thượng cổ thời Hai bà Trưng khởi nghĩa như sau:

\* Vào thời Hai Bà Trưng, đất nước Việt thượng cổ bao gồm khắp cả **lĩnh thổ Giao Chỉ** từ **hồ Động Đình**, vùng phía Nam trung lưu Trường giang, qua núi **Phân Mao** (vùng Hành sơn, Hồ Nam), vượt qua rặng Ngũ Lĩnh, trải rộng khắp miền Lĩnh Nam, đồng bằng Việt giang (Tây giang, Châu giang), ra đến tận biển Nam.

\* **Cuộc khởi nghĩa của các tộc Việt vào thời Hai Bà Trưng** khởi phát đi từ **lĩnh thổ Giao Chỉ** bao gồm miền Lĩnh Nam, chứ không phát xuất từ đồng bằng sông Hồng (Bắc Việt Nam ngày nay).

\* Quân khởi nghĩa đã kháng cự mãnh liệt đến độ Mã Viện buộc phải rút quân, bỏ ý định đánh chiếm **lĩnh thổ Giao Chỉ**.

\* Vì Mã Viện không thắng nổi lực lượng khởi nghĩa của các tộc Việt nên đã phải giảng hòa, rồi giao ước lấy núi **Phân Mao**, ở miền nam Hồ Nam bên Tàu, làm ranh giới giữa đất Hán và **lĩnh thổ Giao Chỉ** của các tộc Việt.

Mã Viện và quan quân nhà Đông Hán đã thất bại, không chiếm được **lĩnh thổ Giao Chỉ**, không vượt qua được rặng Ngũ Lĩnh, chưa chiếm được vùng Lĩnh Nam.

Nói cách khác, đoàn quân do Mã Viện chỉ huy chưa hề đặt chân đến vùng đồng bằng sông Hồng.

\* \* \*



Bài biên khảo này được trình bày để bạn đọc suy nghiệm những điều nêu ra trong bài, tiếp tục thu thập, nghiên cứu sâu rộng hơn và kiểm chứng những dữ kiện về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà Trưng còn được lưu truyền trong các cổ sử, thơ văn, bản đồ cổ, ... ước mong sự thật về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà được minh chứng, để có thể đóng góp và lưu truyền nhiều thêm những dữ kiện chân thực của lịch sử, của văn hóa dân tộc Việt cho các thế hệ mai sau.

Hy vọng bài viết này phần nào sẽ lưu ý bạn đọc một số những ghi chép trong các sử liệu, từ xưa đến nay, cần được suy xét cẩn trọng hầu mong giúp mình thoát ra khỏi được các ngộ nhận về lịch sử Việt thượng cổ, để không phụ công đức của tiền nhân đã hy sinh xương máu bảo vệ đất nước Việt gấm vóc trải rộng bao la dưới trời Đông Á.

**Đỗ Hoàng Ý**

Hiệu đính và bổ túc vào tháng 8 năm 2023.

(Trích từ: *Cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà Trưng*, © 2015 – 2023, Đỗ Hoàng Ý)

Xin chân thành ghi công và tri ân tất cả các học giả, những nhà nghiên cứu biên khảo, các nhà nhiếp ảnh đã dành tâm huyết, công sức để thu thập dữ kiện, hoàn thành các công trình biên khảo, những hình ảnh quý báu và phổ biến trên internet cho chúng tôi, những người đi sau, học hỏi, mở mang kiến thức để có thể hoàn thành bài viết này.

Xin ghi nhận và cảm ơn **ông Hồ Vĩnh Hảo** đã hợp tác, đóng góp ý kiến, tận tâm sưu tầm các tài liệu sử, văn thơ, bản đồ cổ và bỏ rất nhiều công sức giúp tìm và định vị trí các địa danh lịch sử Việt cổ trong vùng Đông Á.

#### **RECOGNITION and APPRECIATION:**

We appreciate all authors, researchers, photographers who dedicated their time and efforts to compile valuable books, articles, to capture unforgettable scenes of our homeland Vietnam and generously posted their work on the internet for public use.

In recognition of their noble sacrifices, all their intellectual properties used in this presentation are for the education and the preservation of the Vietnamese heritage and for honoring their invaluable contributions to the knowledge of humankind.

**Notion:** Information from this source is evidence-based and objective, and without commercial influence.

This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution License, which permits unrestricted use, distribution, and reproduction in any medium, provided the original author and source are credited.

**FAIR USE NOTICE:** This essay contains copyrighted material the use of which has not always been specifically authorized by the copyright owner. We are making such material available in our efforts to advance understanding of issues of cultural and humanitarian significance. We believe this constitutes a 'fair use' of any such copyrighted material as provided for in section 107 of the US Copyright Law. In accordance with Title 17 U.S.C. Section 107, the material in this essay is distributed without profit to those who have expressed a prior interest in receiving the included information for research and educational purposes.

If you wish to use copyrighted material from this essay for purposes of your own that go beyond 'fair use', you must obtain permission from the copyright owner.